

BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BỊ KỆP DỤNG CỤ, TỔ CHỨC

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1	GRAEFE Iris Forceps 10 cm std. str	Cái	14.0010		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2	GRAEFE Iris Forceps 10 cm std.sl.cv	Cái	14.0011		Cái/ Gói				
3	GRAEFE Iris Forceps 10 cm std.str.c	Cái	14.0013		Cái/ Gói				
4	ADSON-SELECT Dressing Forceps 12 cm THUMB GRIP	Cái	14.0026		Cái/ Gói				
5	ADSON-MICRO Dressing Forceps 12 cm THUMB GRIP	Cái	14.0028		Cái/ Gói				
6	ADSON-MICRO Dressing Forceps 12 cm 45° THUMB GRIP	Cái	14.0029		Cái/ Gói				
7	ADSON-MICRO Dressing Forceps 12 cm	Cái	14.0030		Cái/ Gói				
8	ADSON-MICRO "Korean" Dressing Fcps 12cm 0,7mm	Cái	14.0031		Cái/ Gói				
9	ADSON-MICRO Dressing Forceps 15cm	Cái	14.0032		Cái/ Gói				
10	ADSON-MICRO Dressing Forceps 18 cm	Cái	14.0034		Cái/ Gói				
11	ADSON-MICRO "Broli" Dressing Fcps 125mm 0,5mm smooth	Cái	14.0036		Cái/ Gói				
12	ADSON Dressing Forceps 12 cm	Cái	14.0040		Cái/ Gói				
13	ADSON Dressing Forceps 12 cm TITAN	Cái	14.0040T		Cái/ Gói				
14	ADSON Dressing Forceps 15 cm	Cái	14.0042		Cái/ Gói				
15	ADSON Dressing Forceps 18 cm	Cái	14.0044		Cái/ Gói				
16	ADSON-MICRO "Broli" Dressing Fcps 150mm 0,8mm serrated	Cái	14.0046		Cái/ Gói				
17	EWALD Dressing Forceps 12 cm	Cái	14.0049		Cái/ Gói				
18	ADSON Dressing Forceps 12 cm Criss-Cross	Cái	14.0050		Cái/ Gói				
19	JEFFERSON Dressing Forceps 18 cm	Cái	14.0056		Cái/ Gói				
20	SEMKEN Dressing Forceps 12 cm str.	Cái	14.0060		Cái/ Gói				
21	SEMKEN Dressing Forceps 12 cm cvd.	Cái	14.0061		Cái/ Gói				
22	SEMKEN Dressing Forceps 15 cm str.	Cái	14.0062		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
23	SEMKEN Dressing Forceps 15 cm cvd.	Cái	14.0063		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
24	McINDOE Dressing Forceps 15 cm	Cái	14.0070		Cái/ Gói				
25	DRESSING Forceps 10,5 cm FINO	Cái	14.0100		Cái/ Gói				
26	DRESSING Forceps 11,5 cm FINO	Cái	14.0101		Cái/ Gói				
27	DRESSING Forceps 13 cm FINO	Cái	14.0102		Cái/ Gói				
28	DRESSING Forceps 14,5 cm FINO	Cái	14.0103		Cái/ Gói				
29	DRESSING Forceps 15 cm FINO	Cái	14.0104		Cái/ Gói				
30	DRESSING Forceps 16 cm FINO	Cái	14.0105		Cái/ Gói				
31	DRESSING Forceps 18 cm FINO	Cái	14.0107		Cái/ Gói				
32	DRESSING Forceps 20 cm FINO	Cái	14.0108		Cái/ Gói				
33	DRESSING Forceps 25 cm FINO	Cái	14.0109		Cái/ Gói				
34	DRESSING Fcps.10,5cm cvd. FINO	Cái	14.0110		Cái/ Gói				
35	DRESSING Fcps.11,5cm cvd. FINO	Cái	14.0111		Cái/ Gói				
36	DRESSING Fcps. 13 cm cvd. FINO	Cái	14.0112		Cái/ Gói				
37	DRESSING Fcps.14,5cm cvd. FINO	Cái	14.0113		Cái/ Gói				
38	DRESSING Fcps. 15 cm cvd. FINO	Cái	14.0114		Cái/ Gói				
39	DRESSING Fcps. 16 cm cvd. FINO	Cái	14.0115		Cái/ Gói				
40	DRESSING Fcps. 18 cm cvd. FINO	Cái	14.0116		Cái/ Gói				
41	DRESSING Fcps. 20 cm cvd. FINO	Cái	14.0117		Cái/ Gói				
42	DRESSING Fcps. 25 cm cvd. FINO	Cái	14.0118		Cái/ Gói				
43	DRESSING Fcps. 30 cm cvd. FINO	Cái	14.0119		Cái/ Gói				
44	DRESSING Forceps 10,5 cm	Cái	14.0120		Cái/ Gói				
45	DRESSING Forceps 11,5 cm	Cái	14.0121		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
46	DRESSING Forceps 13 cm	Cái	14.0122		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
47	DRESSING Forceps 14,5 cm	Cái	14.0123		Cái/ Gói				
48	DRESSING Forceps 14,5 cm heavy pattern	Cái	14.0123HP		Cái/ Gói				
49	DRESSING Forceps 14,5 cm TITAN	Cái	14.0123T		Cái/ Gói				
50	DRESSING Forceps 15 cm	Cái	14.0124		Cái/ Gói				
51	DRESSING Forceps 16 cm	Cái	14.0125		Cái/ Gói				
52	DRESSING Forceps 18 cm	Cái	14.0127		Cái/ Gói				
53	DRESSING Forceps 20 cm	Cái	14.0128		Cái/ Gói				
54	DRESSING Forceps 23 cm	Cái	14.0128.23		Cái/ Gói				
55	DRESSING Forceps 25 cm	Cái	14.0129		Cái/ Gói				
56	DRESSING Forceps 24 cm TITAN	Cái	14.0129T		Cái/ Gói				
57	DRESSING Forceps 30 cm	Cái	14.0130		Cái/ Gói				
58	BLANK atraumatic Dressing Forceps 13 cm	Cái	14.0142		Cái/ Gói				
59	BLANK atraumatic Dressing Forceps 14,5 cm	Cái	14.0143		Cái/ Gói				
60	BLANK atraumatic Dressing Forceps 16 cm	Cái	14.0144		Cái/ Gói				
61	DRESSING Forceps 11,5 cm cvd.	Cái	14.0151		Cái/ Gói				
62	DRESSING Forceps 13 cm cvd.	Cái	14.0152		Cái/ Gói				
63	DRESSING Forceps 14,5 cm cvd.	Cái	14.0153		Cái/ Gói				
64	DRESSING Forceps 15 cm cvd.	Cái	14.0154		Cái/ Gói				
65	DRESSING Forceps 16 cm cvd.	Cái	14.0155		Cái/ Gói				
66	DRESSING Forceps 18 cm cvd.	Cái	14.0157		Cái/ Gói				
67	DRESSING Forceps 20 cm cvd.	Cái	14.0158		Cái/ Gói				
68	DRESSING Forceps 11,5 cm USA-MODEL	Cái	14.0181		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
69	DRESSING Forceps 13 cm USA-MODEL	Cái	14.0182		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
70	DRESSING Forceps 14,5 cm USA-MODEL	Cái	14.0183		Cái/ Gói				
71	DRESSING Forceps 15,5 cm USA-MODEL	Cái	14.0184		Cái/ Gói				
72	DRESSING Forceps 18 cm USA-MODEL	Cái	14.0187		Cái/ Gói				
73	DRESSING Forceps 20 cm USA-MODEL	Cái	14.0188		Cái/ Gói				
74	DRESSING Forceps 25 cm USA-MODEL	Cái	14.0189		Cái/ Gói				
75	STILLE Dressing Forceps 13 cm	Cái	14.0202		Cái/ Gói				
76	STILLE Dressing Forceps 15 cm	Cái	14.0204		Cái/ Gói				
77	STILLE Dressing Forceps 17 cm	Cái	14.0207		Cái/ Gói				
78	STILLE Dressing Forceps 20 cm	Cái	14.0220		Cái/ Gói				
79	BROPHY Dressing Forceps 20 cm str	Cái	14.0300		Cái/ Gói				
80	BROPHY Dressing Forceps 20 cm cvd	Cái	14.0301		Cái/ Gói				
81	CUSHING Dressing Forceps 18 cm str with GUTSCH-Handle	Cái	14.0310		Cái/ Gói				
82	CUSHING Dressing Forceps 18c m cvd	Cái	14.0311		Cái/ Gói				
83	CUSHING Dressing Forceps 18 cm angl	Cái	14.0314		Cái/ Gói				
84	GERALD Dressing Forceps 18 cm str	Cái	14.0320		Cái/ Gói				
85	GERALD-MICRO Dress.Forc. 18 cm/1mm str. DIAMOND	Cái	14.0320SD		Cái/ Gói				
86	GERALD Dressing Forceps 18 cm str titanium	Cái	14.0320T		Cái/ Gói				
87	GERALD Dressing Forceps 18 cm cvd	Cái	14.0321		Cái/ Gói				
88	GERALD Dressing Forceps 23,5cm str	Cái	14.0322		Cái/ Gói				
89	GERALD Dressing Forceps 18 cm bayonet	Cái	14.0325		Cái/ Gói				
90	DEBAKEY-GERALD Forceps 20 cm str 1,2 mm	Cái	14.0327		Cái/ Gói				
91	DEBAKEY-GERALD Forceps 18 cm str	Cái	14.0328		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
92	DEBAKEY-GERALD Forceps 18 cm str INSULATED	Cái	14.0328HF		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
93	DEBAKEY-GERALD Forceps 24 cm str 1,2mm	Cái	14.0329		Cái/ Gói				
94	DUEHRSSSEN Dressing Forceps 20 cm	Cái	14.0330		Cái/ Gói				
95	RAMSAY Dressing Forceps 18 cm	Cái	14.0340		Cái/ Gói				
96	POTTS-SMITH Dressing Forceps 18 cm	Cái	14.0350		Cái/ Gói				
97	POTTS-SMITH Dressing Forceps 18 cm cvd	Cái	14.0351		Cái/ Gói				
98	POTTS-SMITH Dressing Forceps 21 cm (CUSHING)	Cái	14.0352		Cái/ Gói				
99	POTTS-SMITH Dressing Forceps 21 cm cvd	Cái	14.0353		Cái/ Gói				
100	POTTS-SMITH Dressing Forceps 25 cm	Cái	14.0354		Cái/ Gói				
101	POTTS-SMITH Dressing Forceps 18 cm smoot	Cái	14.0356		Cái/ Gói				
102	POTTS-SMITH Dressing Forceps 21 cm smoot	Cái	14.0358		Cái/ Gói				
103	POTTS-SMITH Dressing Forceps 30 cm	Cái	14.0359		Cái/ Gói				
104	TAYLOR Dressing Forceps 18 cm str	Cái	14.0360		Cái/ Gói				
105	TAYLOR Dressing Forceps 17 cm cvd	Cái	14.0361		Cái/ Gói				
106	TAYLOR-CUSH. Dressing Forceps 18 cm str	Cái	14.0362		Cái/ Gói				
107	TAYLOR-CUSH. Dressing Forceps 18 cm bay with scraper-end	Cái	14.0365		Cái/ Gói				
108	TAYLOR Dressing Forceps str.18 cm SMOO	Cái	14.0366		Cái/ Gói				
109	TAYLOR Dressing Forceps 18cm cvd. SMOOTH	Cái	14.0367		Cái/ Gói				
110	WAUGH Dressing Forceps 15 cm	Cái	14.0368		Cái/ Gói				
111	WAUGH Dressing Forceps 20 cm	Cái	14.0370		Cái/ Gói				
112	WAUGH-Select Dressing Forceps 20 cm	Cái	14.0370 SELECT		Cái/ Gói				
113	MICRO Dressing Forceps 15,5 cm 0,6 mm	Cái	14.0380		Cái/ Gói				
114	MICRO Dressing Forceps 15,5 cm 0,8 mm	Cái	14.0382		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
115	MICRO Dressing Forceps 15,5 cm 1,0 mm	Cái	14.0384		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
116	BONNEY Dressing Forceps 18 cm	Cái	14.0390		Cái/ Gói				
117	GRAEFE Iris Forceps 10 cm 1x2 str.	Cái	14.0510		Cái/ Gói				
118	GRAEFE Iris Fcp.10 cm 1x2 sl.cvd	Cái	14.0511		Cái/ Gói				
119	GRAEFE Iris Fcp.10 cm 1x2 st.cvd	Cái	14.0513		Cái/ Gói				
120	ADSON-Select MICRO Tissue Forceps 12 cm THUMB GRIP X-FINE 0,5mm	Cái	14.0525 SELECT		Cái/ Gói				
121	ADSON-SELECT Tissue Forceps 12 cm 1x2	Cái	14.0526		Cái/ Gói				
122	ADSON-SELECT MICRO Tissue Forc 1x2, 12cm with tying platform THUMB GRIP	Cái	14.0527 SELECT		Cái/ Gói				
123	ADSON-MICRO Tissue Forceps 12 cm 1x2 THUMB GRIP	Cái	14.0528		Cái/ Gói				
124	ADSON-MICRO Tissue Forceps 12 cm 1x2	Cái	14.0530		Cái/ Gói				
125	ADSON-MICRO Tissue Forceps 15 cm 1x2	Cái	14.0532		Cái/ Gói				
126	ADSON Tissue Forceps 12 cm 1x2	Cái	14.0540		Cái/ Gói				
127	ADSON Tissue Forceps 12 cm 1x2 TITAN	Cái	14.0540T		Cái/ Gói				
128	ADSON Tissue Forceps 12 cm 2x3	Cái	14.0541		Cái/ Gói				
129	ADSON Tissue Forceps 15 cm 1x2	Cái	14.0542		Cái/ Gói				
130	ADSON Tissue Forceps 12 cm 45° 1x2	Cái	14.0543		Cái/ Gói				
131	ADSON Tissue Forceps 18 cm 2x3	Cái	14.0544		Cái/ Gói				
132	ADSON Tissue Forceps 15 cm 45° 1x2	Cái	14.0545		Cái/ Gói				
133	ADSON-DEBAKEY Tissue Forceps 12,5 cm	Cái	14.0546		Cái/ Gói				
134	ADSON-DEBAKEY Tissue Forceps 15 cm	Cái	14.0547		Cái/ Gói				
135	ADSON-GRAEFE Tissue Forceps 12 cm	Cái	14.0548		Cái/ Gói				
136	EWALD Tissue Forceps 12 cm 1x2	Cái	14.0549		Cái/ Gói				
137	ADSON Tissue Forceps 12 cm 1x2 criss-cro "Criss-Cross"	Cái	14.0550		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
138	ADSON Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0554		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
139	ADSON-DELICATE-SELECT Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0555		Cái/ Gói				
140	JEFFERSON Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0556		Cái/ Gói				
141	SEMKEN Tissue Forceps 12 cm 1x2	Cái	14.0560		Cái/ Gói				
142	SEMKEN Tissue Forceps 12 cm cvd.	Cái	14.0561		Cái/ Gói				
143	SEMKEN Tissue Forceps 15 cm 1x2	Cái	14.0562		Cái/ Gói				
144	SEMKEN Tissue Forceps 15 cm cvd.1x2	Cái	14.0563		Cái/ Gói				
145	SEMKEN Tissue Forceps 12,5 cm 2x3	Cái	14.0566		Cái/ Gói				
146	GILLIES Tissue Forceps 15 cm 1x2	Cái	14.0570		Cái/ Gói				
147	GILLIES Tissue Forceps 15 cm TITAN	Cái	14.0570T		Cái/ Gói				
148	MCINDOE Dissecting Forceps 1x2 teeth 15cm	Cái	14.0580		Cái/ Gói				
149	TISSUE Forceps 10,5 cm 1X2 FINO	Cái	14.0600		Cái/ Gói				
150	TISSUE Forceps 11,5 cm 1x2 FINO	Cái	14.0601		Cái/ Gói				
151	TISSUE Forceps 13 cm 1x2 FINO	Cái	14.0602		Cái/ Gói				
152	TISSUE Forceps 14,5 cm 1x2 FINO	Cái	14.0603		Cái/ Gói				
153	TISSUE Forceps 15 cm 1x2 FINO	Cái	14.0604		Cái/ Gói				
154	TISSUE Forceps 16 cm 1x2 FINO	Cái	14.0605		Cái/ Gói				
155	TISSUE Forceps 18 cm 1x2 FINO	Cái	14.0607		Cái/ Gói				
156	TISSUE Forceps 20 cm 1x2 FINO	Cái	14.0608		Cái/ Gói				
157	TISSUE Forceps 25 cm 1x2 FINO	Cái	14.0609		Cái/ Gói				
158	TISSUE Forceps 30 cm 1x2 FINO 2,9mm	Cái	14.0610		Cái/ Gói				
159	TISSUE Forceps 30 cm 1x2 X-FINO 2,2mm	Cái	14.0611		Cái/ Gói				
160	TISSUE Forceps 12,5cm 1x2 X-FINO	Cái	14.0612		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
161	TISSUE Forceps 10,5 cm 1x2	Cái	14.0620		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
162	TISSUE Forceps 11,5 cm 1x2	Cái	14.0621		Cái/ Gói				
163	TISSUE Forceps 13 cm 1x2	Cái	14.0622		Cái/ Gói				
164	TISSUE Forceps 14,5 cm 1x2	Cái	14.0623		Cái/ Gói				
165	TISSUE Forceps 15 cm 1x2	Cái	14.0624		Cái/ Gói				
166	TISSUE Forceps 16 cm 1x2	Cái	14.0625		Cái/ Gói				
167	TISSUE Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0627		Cái/ Gói				
168	TISSUE Forceps 20 cm 1x2	Cái	14.0628		Cái/ Gói				
169	TISSUE Forceps 23 cm 1x2	Cái	14.0628.23		Cái/ Gói				
170	TISSUE Forceps 25 cm 1x2	Cái	14.0629		Cái/ Gói				
171	TISSUE Forceps 30 cm 1x2	Cái	14.0630		Cái/ Gói				
172	TISSUE Forceps 36 cm 1x2 fpr Bariatric Surgery	Cái	14.0632		Cái/ Gói				
173	TISSUE Forceps 14,5 cm 1x2 cvd	Cái	14.0653		Cái/ Gói				
174	TISSUE Forceps 18 cm 1x2 cvd	Cái	14.0657		Cái/ Gói				
175	TISSUE Forceps 12 cm USA Model	Cái	14.0681		Cái/ Gói				
176	TISSUE Forceps 13 cm USA Model	Cái	14.0682		Cái/ Gói				
177	TISSUE Forceps 14,5cm USA Model	Cái	14.0683		Cái/ Gói				
178	TISSUE Forceps 15,5cm USA Model	Cái	14.0684		Cái/ Gói				
179	TISSUE Forceps 18 cm USA Model	Cái	14.0687		Cái/ Gói				
180	TISSUE Forceps 21 cm USA Model	Cái	14.0688		Cái/ Gói				
181	TISSUE Forceps 25 cm USA Model	Cái	14.0689		Cái/ Gói				
182	TISSUE Forceps 31 cm USA Model	Cái	14.0690		Cái/ Gói				
183	TISSUE Forceps 11,5 cm 2x3	Cái	14.0701		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
184	TISSUE Forceps 13 cm 2x3	Cái	14.0702		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
185	TISSUE Forceps 14,5 cm 2x3	Cái	14.0703		Cái/ Gói				
186	TISSUE Forceps 15 cm 2x3	Cái	14.0704		Cái/ Gói				
187	TISSUE Forceps 16 cm 2x3	Cái	14.0705		Cái/ Gói				
188	TISSUE Forceps 18 cm 2x3	Cái	14.0707		Cái/ Gói				
189	TISSUE Forceps 20 cm 2x3	Cái	14.0708		Cái/ Gói				
190	TISSUE Forceps 25 cm 2x3	Cái	14.0709		Cái/ Gói				
191	TISSUE Forceps 13 cm 3x4	Cái	14.0722		Cái/ Gói				
192	TISSUE Forceps 14,5 cm 3x4	Cái	14.0723		Cái/ Gói				
193	TISSUE Forceps 15 cm 3x4	Cái	14.0724		Cái/ Gói				
194	TISSUE Forceps 16 cm 3x4	Cái	14.0725		Cái/ Gói				
195	TISSUE Forceps 18 cm 3x4	Cái	14.0727		Cái/ Gói				
196	TISSUE Forceps 20 cm 3x4	Cái	14.0728		Cái/ Gói				
197	TISSUE Forceps 25 cm 3x4	Cái	14.0729		Cái/ Gói				
198	TISSUE Forceps 13 cm 4x5	Cái	14.0732		Cái/ Gói				
199	TISSUE Forceps 14,5 cm 4x5	Cái	14.0733		Cái/ Gói				
200	TISSUE Forceps 15 cm 4x5	Cái	14.0734		Cái/ Gói				
201	TISSUE Forceps 16 cm 4x5	Cái	14.0735		Cái/ Gói				
202	Dissecting Forceps 10,5 cm 1x2 str. very fine teeth	Cái	14.0778		Cái/ Gói				
203	MICRO Tissue Forceps 15,5 cm 0,6 mm	Cái	14.0780		Cái/ Gói				
204	MICRO Tissue Forceps 15,5 cm 0,8 mm	Cái	14.0782		Cái/ Gói				
205	MICRO Tissue Forceps 15,5 cm 1,0 mm	Cái	14.0784		Cái/ Gói				
206	FERRIS-SMITH Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0790		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
207	FERRIS-SMITH Tissue Forceps 18 cm 2x3	Cái	14.0792		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
208	BROPHY Tissue Forceps 20 cm str.1x2	Cái	14.0800		Cái/ Gói				
209	BROPHY Tissue Forceps 20cm cvd.1x2	Cái	14.0801		Cái/ Gói				
210	CUSHING Tissue Forceps 18cm 1x2 with GUTSCH-handle	Cái	14.0810		Cái/ Gói				
211	GERALD Tissue Forceps 18cm 1x2 str	Cái	14.0820		Cái/ Gói				
212	GERALD Tissue Forceps 18cm 1x2 cvd	Cái	14.0821		Cái/ Gói				
213	GERALD Tissue Forceps 23,5cm 1x2 str	Cái	14.0822		Cái/ Gói				
214	GERALD Tissue Forceps 18cm bayonet	Cái	14.0825		Cái/ Gói				
215	DUEHRSSSEN Tissue Forceps 20 cm 1x2	Cái	14.0830		Cái/ Gói				
216	RAMSAY Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0840		Cái/ Gói				
217	RAMSAY Tissue Forceps 18 cm 2x3	Cái	14.0842		Cái/ Gói				
218	POTTS-SMITH Tissue Forceps 18cm1x2	Cái	14.0850		Cái/ Gói				
219	POTTS-SMITH Tissue Forceps 18cm 1x2 cvd.	Cái	14.0851		Cái/ Gói				
220	POTTS-SMITH Tissue Forceps 21cm1x2	Cái	14.0852		Cái/ Gói				
221	POTTS-SMITH Tissue Forceps 21cm 1x2 cvd.	Cái	14.0853		Cái/ Gói				
222	POTTS-SMITH Tissue Forceps 25 cm 1x2	Cái	14.0854		Cái/ Gói				
223	POTTS-SMITH Tissue Forceps 25cm 1x2 cvd.	Cái	14.0855		Cái/ Gói				
224	TAYLOR Tissue Forceps 18 cm 1x2 str.	Cái	14.0860		Cái/ Gói				
225	TAYLOR Tissue Forceps 18 cm 1x2 cvd.	Cái	14.0861		Cái/ Gói				
226	TAYLOR-CUSHING Tissue Forceps 18cm str	Cái	14.0862		Cái/ Gói				
227	TAYLOR-CUSHING Tissue Forceps 18cm bay (CUSHING)	Cái	14.0865		Cái/ Gói				
228	ADLERKREUTZ Tissue Forceps 15 cm 2x3	Cái	14.0866		Cái/ Gói				
229	ADLERKREUTZ Tissue Forceps 20 cm 2x3	Cái	14.0867		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
230	ADLERKREUTZ Tissue Forceps 15 cm 4x5	Cái	14.0868		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
231	ADLERKREUTZ Tissue Forceps 20 cm 4x5	Cái	14.0869		Cái/ Gói				
232	ADLERKREUTZ Tissue Forceps 25 cm 4x5	Cái	14.0869.25		Cái/ Gói				
233	TREVES Tissue Forceps 13 cm 1x2	Cái	14.0870		Cái/ Gói				
234	TREVES Tissue Fcps. 15 cm 1x2	Cái	14.0872		Cái/ Gói				
235	LERCHE Tissue Forceps 15cm 5x6	Cái	14.0880		Cái/ Gói				
236	STONE Tissue Forceps 15 cm 4x5	Cái	14.0885		Cái/ Gói				
237	BONNEY Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0890		Cái/ Gói				
238	BONNEY Tissue Forceps 23 cm 1x2	Cái	14.0890.23		Cái/ Gói				
239	BONNEY Tissue Forceps 18 cm 2x3	Cái	14.0892		Cái/ Gói				
240	NELSON Tissue Forceps 15 cm	Cái	14.0895		Cái/ Gói				
241	NELSON Tissue Forceps 20 cm	Cái	14.0896		Cái/ Gói				
242	NELSON Tissue Forceps 23 cm	Cái	14.0897		Cái/ Gói				
243	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12cm9x9	Cái	14.0900		Cái/ Gói				
244	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12cm9x9 with laser-scale	Cái	14.0900S		Cái/ Gói				
245	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12cm 9x9,45°	Cái	14.0904		Cái/ Gói				
246	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12cm 7 x 7	Cái	14.0907		Cái/ Gói				
247	ADSON-BROWN-SELECT Tissue Forceps 12cm7x	Cái	14.0908		Cái/ Gói				
248	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12cm 7x7,45°	Cái	14.0909		Cái/ Gói				
249	BROWN Tissue Forceps 15 cm	Cái	14.0910		Cái/ Gói				
250	BROWN Tissue Forceps 20 cm	Cái	14.0912		Cái/ Gói				
251	BROWN Tissue Forceps 25 cm	Cái	14.0914		Cái/ Gói				
252	RESANO Tissue Forceps 23 cm 9x9	Cái	14.0916		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
253	LANE Tissue Forceps 14,5cm 1x2	Cái	14.0920		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
254	LANE Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0921		Cái/ Gói				
255	LANE Tissue Forceps 20cm 1x2	Cái	14.0922		Cái/ Gói				
256	LANE Tissue Forceps 14,5cm 2x3	Cái	14.0925		Cái/ Gói				
257	LANE Tissue Forceps 20cm 2x3	Cái	14.0927		Cái/ Gói				
258	RUSSIAN Tissue Forceps 15 cm	Cái	14.0930		Cái/ Gói				
259	RUSSIAN Tissue Forceps 20 cm	Cái	14.0932		Cái/ Gói				
260	RUSSIAN Tissue Forceps 25 cm	Cái	14.0934		Cái/ Gói				
261	RUSSIAN Tissue Forceps 30 cm	Cái	14.0935		Cái/ Gói				
262	RUSSIAN Tissue Forceps 36 cm	Cái	14.0938		Cái/ Gói				
263	MAYO-RUSSIAN Tissue Forceps 23 cm	Cái	14.0940		Cái/ Gói				
264	WANGENSTEEN Tissue Forceps 23 cm	Cái	14.0948		Cái/ Gói				
265	SINGLEY (TUTTLE) Tissue Forceps 15 cm	Cái	14.0950		Cái/ Gói				
266	SINGLEY (TUTTLE) Tissue Forceps 18 cm	Cái	14.0952		Cái/ Gói				
267	SINGLEY (TUTTLE) Tissue Forceps 23 cm	Cái	14.0954		Cái/ Gói				
268	SINGLEY (TUTTLE) Tissue Forceps 36 cm	Cái	14.0958		Cái/ Gói				
269	STILLE-BARRAYA Tissue Forceps 18cm	Cái	14.0960		Cái/ Gói				
270	STILLE-BARRAYA Tissue Forceps 20cm	Cái	14.0962		Cái/ Gói				
271	STILLE-BARRAYA Tissue Forceps 25cm	Cái	14.0964		Cái/ Gói				
272	WAUGH Tissue Forceps 15 cm 1x2	Cái	14.0968		Cái/ Gói				
273	WAUGH Tissue Forceps 18 cm 1x2	Cái	14.0969		Cái/ Gói				
274	WAUGH Tissue Forceps 20 cm 1x2	Cái	14.0970		Cái/ Gói				
275	WAUGH-Select Tissue Forceps 20 cm 1x2	Cái	14.0970 SELECT		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
276	DURANTE Tissue Forceps 14,5 cm	Cái	14.0980		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
277	DURANTE Tissue Forceps 16 cm	Cái	14.0982		Cái/ Gói				
278	DURANTE Tissue Forceps 20 cm	Cái	14.0984		Cái/ Gói				
279	DENIS- BROWNE Intestinal Forceps 18 cm	Cái	14.0988		Cái/ Gói				
280	DUVAL Intestinal Forceps 14,5 cm	Cái	14.0990		Cái/ Gói				
281	COLLIN-DUVAL Intestinal Forceps 20cm14mm	Cái	14.0994		Cái/ Gói				
282	COLLIN-DUVAL Intestinal Forceps 20cm18mm	Cái	14.0996		Cái/ Gói				
283	COLLIN-DUVAL Intestinal Forceps 20cm27mm	Cái	14.0998		Cái/ Gói				
284	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 1,5 mm	Cái	14.1000		Cái/ Gói				
285	DEBAKEY-SELECT Vasc.Forceps 15 cm/1,2mm EXTRA LIGHTWEIGHT	Cái	14.1000 SELECT		Cái/ Gói				
286	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 1,5 mm	Cái	14.1002		Cái/ Gói				
287	DEBAKEY-SELECT Vasc.Forceps 20 cm/1,5mm EXTRA LIGHTWEIGHT	Cái	14.1002 SELECT		Cái/ Gói				
288	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 1,5 mm INSULATED	Cái	14.1002HF		Cái/ Gói				
289	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 1,5 mm	Cái	14.1004		Cái/ Gói				
290	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 1,5 mm	Cái	14.1006		Cái/ Gói				
291	DEBAKEY-SELECT Vasc.Forceps 30 cm/1,5mm EXTRA LIGHTWEIGHT	Cái	14.1006 SELECT		Cái/ Gói				
292	DEBAKEY Vasc. Forceps 16cm/1,5mm TI	Cái	14.1007T		Cái/ Gói				
293	DEBAKEY Vasc. Forceps 20cm/1,5mm TI	Cái	14.1008T		Cái/ Gói				
294	DEBAKEY Vasc. Forceps 24cm/1,5mm TI	Cái	14.1009T		Cái/ Gói				
295	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 2 mm	Cái	14.1010		Cái/ Gói				
296	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 2 mm TI	Cái	14.1010T		Cái/ Gói				
297	DEBAKEY Vasc. Forceps 16 cm / 2 mm	Cái	14.1011		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
298	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 2 mm	Cái	14.1012		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
299	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 2 mm INSULATED	Cái	14.1012HF		Cái/ Gói				
300	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 2 mm TI	Cái	14.1012T		Cái/ Gói				
301	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm	Cái	14.1014		Cái/ Gói				
302	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm INSULATED	Cái	14.1014HF		Cái/ Gói				
303	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm TI	Cái	14.1014T		Cái/ Gói				
304	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm TI with guide pin	Cái	14.1014TP		Cái/ Gói				
305	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2,4 mm	Cái	14.1015		Cái/ Gói				
306	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 2 mm	Cái	14.1016		Cái/ Gói				
307	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 2 mm INSULATED	Cái	14.1016HF		Cái/ Gói				
308	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 2 mm TI	Cái	14.1016T		Cái/ Gói				
309	DEBAKEY Vasc. Forceps 16cm/1,8mm TITAN	Cái	14.1017T		Cái/ Gói				
310	DEBAKEY Vasc. Forceps 36 cm / 2 mm	Cái	14.1018		Cái/ Gói				
311	DEBAKEY Vasc. Forceps 20cm/1,8mm TITAN	Cái	14.1018T		Cái/ Gói				
312	DEBAKEY Vasc. Forceps 24cm/1,8mm TITAN	Cái	14.1019T		Cái/ Gói				
313	DEBAKEY Vasc. Forceps 16 cm/2 mm angl.	Cái	14.1021		Cái/ Gói				
314	DEBAKEY Vasc. Forceps 16 cm/2mm angl. TI	Cái	14.1021T		Cái/ Gói				
315	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm/2 mm angl.	Cái	14.1023		Cái/ Gói				
316	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm/1,5 mm angl.	Cái	14.1023.15		Cái/ Gói				
317	DEBAKEY Vasc. Forceps 20cm/2mm angl. TI	Cái	14.1023T		Cái/ Gói				
318	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm/2 mm angl.	Cái	14.1025		Cái/ Gói				
319	DEBAKEY Vasc. Forceps 24cm/2mm angl. TI	Cái	14.1025T		Cái/ Gói				
320	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm/2 mm angl.	Cái	14.1027		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
321	DEBAKEY Vasc. Forceps 30cm/2mm angl. TI	Cái	14.1027T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
322	DEBAKEY Vasc. Forceps 16 cm / 2,7 mm	Cái	14.1030		Cái/ Gói				
323	DEBAKEY Vasc. Forceps 16 cm / 2,7 mm TI	Cái	14.1030T		Cái/ Gói				
324	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 2,7 mm	Cái	14.1032		Cái/ Gói				
325	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 2,4 mm INSULATED	Cái	14.1032HF		Cái/ Gói				
326	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 2,7 mm TI	Cái	14.1032T		Cái/ Gói				
327	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2,7 mm	Cái	14.1034		Cái/ Gói				
328	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2,7 mm TI	Cái	14.1034T		Cái/ Gói				
329	DEBAKEY Vasc. Forceps 25 cm / 2,4 mm INSULATED	Cái	14.1035HF		Cái/ Gói				
330	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 2,7 mm	Cái	14.1036		Cái/ Gói				
331	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 2,7 mm TIT	Cái	14.1036T		Cái/ Gói				
332	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 3,5 mm	Cái	14.1040		Cái/ Gói				
333	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 3,5 mm TIT	Cái	14.1040T		Cái/ Gói				
334	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 3,5 mm	Cái	14.1042		Cái/ Gói				
335	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 3,5 mm TIT	Cái	14.1042T		Cái/ Gói				
336	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 3,5 mm	Cái	14.1044		Cái/ Gói				
337	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 3,5 mm TI	Cái	14.1044T		Cái/ Gói				
338	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 3,5 mm	Cái	14.1046		Cái/ Gói				
339	DEBAKEY Vasc. Forceps 30 cm / 3,5 mm TI	Cái	14.1046T		Cái/ Gói				
340	COOLEY Vasc. Forceps 15 cm / 2 mm	Cái	14.1050		Cái/ Gói				
341	COOLEY Vasc. Forceps 15 cm / 3 mm TITAN	Cái	14.1050T		Cái/ Gói				
342	COOLEY Vasc. Forceps 20 cm / 2 mm	Cái	14.1052		Cái/ Gói				
343	COOLEY Vasc. Forceps 20 cm / 3 mm TITAN	Cái	14.1052T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
344	COOLEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm	Cái	14.1054		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
345	COOLEY Vasc. Forceps 24 cm / 3 mm TITAN	Cái	14.1054T		Cái/ Gói				
346	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 1,0 mm	Cái	14.1060		Cái/ Gói				
347	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 1,0 mm TIT	Cái	14.1060T		Cái/ Gói				
348	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 1,0 mm	Cái	14.1062		Cái/ Gói				
349	DEBAKEY Vasc. Forceps 20 cm / 1,0 mm TI	Cái	14.1062T		Cái/ Gói				
350	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 1,0 mm	Cái	14.1064		Cái/ Gói				
351	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 1,0 mm TIT	Cái	14.1064T		Cái/ Gói				
352	GLASSMANN atraumatic Forceps 15cm, 4 mm	Cái	14.1070		Cái/ Gói				
353	AUSTIN Suture Tying Forceps 14 cm	Cái	14.1100		Cái/ Gói				
354	AUSTIN Suture Tying Forceps 18 cm	Cái	14.1102		Cái/ Gói				
355	WISE Micro Tying Fcps. 120/ 0,3mm	Cái	14.1110		Cái/ Gói				
356	WISE Micro Tying Fcps. 135/ 0,3mm	Cái	14.1112		Cái/ Gói				
357	WISE Micro Tying Fcps. 135/0,3mm curved	Cái	14.1113		Cái/ Gói				
358	LAZAR Micro Tying Fcps. 155/ 0,5mm	Cái	14.1120		Cái/ Gói				
359	LAZAR Micro Tying Fcps. 155/0,8mm	Cái	14.1121		Cái/ Gói				
360	LAZAR Micro Tying Fcps. 185 mm/0,5mm	Cái	14.1122		Cái/ Gói				
361	SPLINTER Forceps 9 cm str.	Cái	14.1500		Cái/ Gói				
362	SPLINTER Forceps 10 cm str.	Cái	14.1501		Cái/ Gói				
363	SPLINTER Forceps 11,5 cm str.	Cái	14.1502		Cái/ Gói				
364	SPLINTER Forceps 13 cm str.	Cái	14.1503		Cái/ Gói				
365	SPLINTER Forceps 14,5 cm str.	Cái	14.1504		Cái/ Gói				
366	SPLINTER Forceps 9 cm cvd.	Cái	14.1505		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
367	SPLINTER Forceps 10 cm cvd.	Cái	14.1506		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
368	SPLINTER Forceps 11,5 cm cvd.	Cái	14.1507		Cái/ Gói				
369	SPLINTER Forceps 13 cm cvd.	Cái	14.1508		Cái/ Gói				
370	SPLINTER Forceps 14 cm cvd.	Cái	14.1509		Cái/ Gói				
371	HUNTER Splinter Forceps 10,5 cm str	Cái	14.1510		Cái/ Gói				
372	HUNTER Splinter Forceps 10,5 cm cvd	Cái	14.1511		Cái/ Gói				
373	CARMALT Splinter Forceps 10,5 cm str.	Cái	14.1520		Cái/ Gói				
374	CARMALT Splinter Forceps 10,5 cm cvd.	Cái	14.1521		Cái/ Gói				
375	FEILCHENFELD Splinter Forceps 7,5 cm	Cái	14.1530		Cái/ Gói				
376	FEILCHENFELD Splinter Forceps 9,0cm	Cái	14.1532		Cái/ Gói				
377	FEILCHENFELD Splinter Forceps 11,5 cm	Cái	14.1534		Cái/ Gói				
378	Microscopic Forceps 10 cm sharp	Cái	14.1540		Cái/ Gói				
379	Microscopic Forceps 10 cm blunt	Cái	14.1542		Cái/ Gói				
380	PEET Splinter Forceps 11,5 cm	Cái	14.1560		Cái/ Gói				
381	ARTHUR Splinter Forceps 14 cm str.	Cái	14.1570		Cái/ Gói				
382	ARTHUR Splinter Forceps 14 cm cvd.	Cái	14.1571		Cái/ Gói				
383	STIEGLITZ Splinter Fcps.14 cm str	Cái	14.1580		Cái/ Gói				
384	STIEGLITZ Splinter Fcps.14 cm ang	Cái	14.1581		Cái/ Gói				
385	ARCHER Splinter Fcps.14 cm 90° without ratchet	Cái	14.1583		Cái/ Gói				
386	VIRTUS (RALK)Splinter Fcps 15 cm str	Cái	14.1590		Cái/ Gói				
387	VIRTUS (RALK)Splinter Fcps cvd	Cái	14.1591		Cái/ Gói				
388	JEWELLERS Forceps # 1, 12 cm	Cái	14.1600		Cái/ Gói				
389	JEWELLERS Forceps # 2, 12 cm	Cái	14.1601		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
390	JEWELLERS Forceps # 3, 12 cm	Cái	14.1602		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
391	JEWELLERS Forceps # 3, 12 cm SELECT	Cái	14.1602 SELECT		Cái/ Gói				
392	JEWELLERS Forceps # 3C, 11 cm	Cái	14.1603		Cái/ Gói				
393	JEWELLERS Forceps # 4, 11 cm	Cái	14.1604		Cái/ Gói				
394	JEWELLERS Forceps # 4, 11 cm SELECT	Cái	14.1604 SELECT		Cái/ Gói				
395	JEWELLERS Forceps # 5, 11 cm	Cái	14.1605		Cái/ Gói				
396	JEWELLERS Forceps # 5, 11 cm SELECT	Cái	14.1605 SELECT		Cái/ Gói				
397	JEWELLERS Forceps # 5a, 11 cm	Cái	14.1606		Cái/ Gói				
398	JEWELLERS Forceps # 7, 11,5 cm	Cái	14.1607		Cái/ Gói				
399	JEWELLERS Forceps # 7, 11,5 cm SELECT	Cái	14.1607 SELECT		Cái/ Gói				
400	JEWELLERS Forceps # 5s 45°, 10,5 cm	Cái	14.1608		Cái/ Gói				
401	JEWELLERS Forceps # 5, 90°, 10,5 cm	Cái	14.1609		Cái/ Gói				
402	JEWELLERS-SELECT Forceps # 4, 1 THUMB GRIP	Cái	14.1614		Cái/ Gói				
403	JEWELLERS-SELECT Forceps # 7, 11,5 cm THUMB GRIP	Cái	14.1617		Cái/ Gói				
404	KUEHNE Coverglass Fcps.ang.w/o.Loc	Cái	14.1700		Cái/ Gói				
405	Coverglass Forceps 11 cm str.	Cái	14.1702		Cái/ Gói				
406	KUEHNE Coverglass Fcps.str.w.lock	Cái	14.1705		Cái/ Gói				
407	COVERGLASS Fcps. cross-action cross-serrated	Cái	14.1707		Cái/ Gói				
408	ADSON Dressing Forceps 12 cm PROMEDUR	Cái	14.2000		Cái/ Gói				
409	ADSON Dressing Forceps 12 cm TC SMOOTH	Cái	14.2001		Cái/ Gói				
410	ADSON Dressing Forceps 15 cm PROMEDUR	Cái	14.2002		Cái/ Gói				
411	ADSON-MICRO Dressing Forceps 12 cm T.C.	Cái	14.2003		Cái/ Gói				
412	ADSON-MICRO Dressing Forceps 15 cm T.C.	Cái	14.2004		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
413	ADSON Tissue Forceps 12 cm 1x2 TC	Cái	14.2005		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
414	ADSON Tissue Forceps 15 cm 1x2 TC	Cái	14.2007		Cái/ Gói				
415	ADSON-MICRO Tissue Forceps 12 cm 1x2 T.C	Cái	14.2008		Cái/ Gói				
416	ADSON-MICRO Tissue Forceps 15 cm 1x2 T.C	Cái	14.2009		Cái/ Gói				
417	SEMKEN Dressing Forceps 15 cm TC	Cái	14.2010		Cái/ Gói				
418	CUSHING Dressing Forceps 18 cm str. TC with GUTSCH handle	Cái	14.2020		Cái/ Gói				
419	CUSHING Dressing Forceps 18 cm angled TC with GUTSCH handle	Cái	14.2021		Cái/ Gói				
420	CUSHING Dressing Forceps 18 cm bayon TC	Cái	14.2023		Cái/ Gói				
421	POTTS-SMITH Dressing Forceps 15 cm TC	Cái	14.2049		Cái/ Gói				
422	POTTS-SMITH Dressing Forceps 18 cm TC	Cái	14.2050		Cái/ Gói				
423	POTTS-SMITH Dressing Forceps 21 cm TC	Cái	14.2052		Cái/ Gói				
424	POTTS-SMITH Dressing Forceps 23 cm TC	Cái	14.2053		Cái/ Gói				
425	POTTS-SMITH Dressing Forceps 25 cm TC	Cái	14.2054		Cái/ Gói				
426	WANGENSTEEN Dressing Forceps 15 cm TC	Cái	14.2070		Cái/ Gói				
427	WANGENSTEEN Dressing Forceps 23 cm TC	Cái	14.2072		Cái/ Gói				
428	WANGENSTEEN Dressing Forceps 25 cm TC	Cái	14.2074		Cái/ Gói				
429	DRESSING Forceps 14,5 cm PROMEDUR FINO 1,8mm	Cái	14.2103		Cái/ Gói				
430	DRESSING Forceps 16 cm PROMEDUR FINO 1,8mm	Cái	14.2105		Cái/ Gói				
431	DRESSING Forceps 18 cm PROMEDUR FINO 1,8mm	Cái	14.2107		Cái/ Gói				
432	DRESSING Forceps 20 cm PROMEDUR FINO 1,8mm	Cái	14.2108		Cái/ Gói				
433	DRESSING Forceps 25 cm PROMEDUR FINO 1,8mm	Cái	14.2109		Cái/ Gói				
434	DRESSING Forceps 30 cm PROMEDUR	Cái	14.2110		Cái/ Gói				
435	DRESSING Forceps 13 cm PROMDUR	Cái	14.2122		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
436	DRESSING Forceps 14,5 cm PROMEDUR	Cái	14.2123		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
437	DRESSING Forceps 16 cm PROMEDUR	Cái	14.2125		Cái/ Gói				
438	DRESSING Forceps 18 cm PROMEDUR	Cái	14.2127		Cái/ Gói				
439	DRESSING Forceps 20 cm PROMEDUR	Cái	14.2128		Cái/ Gói				
440	DRESSING Forceps 25 cm PROMEDUR	Cái	14.2129		Cái/ Gói				
441	DRESSING Forceps 30 cm PROMEDUR	Cái	14.2130		Cái/ Gói				
442	McINDOE Dressing Forceps 15 cm PROMEDUR	Cái	14.2170		Cái/ Gói				
443	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 1,5 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2200		Cái/ Gói				
444	DEBAKEY Vasc. Forceps 19 cm / 1,5 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2202		Cái/ Gói				
445	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 1,5 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2204		Cái/ Gói				
446	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 2 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2210		Cái/ Gói				
447	DEBAKEY Vasc. Forceps 19 cm / 2 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2212		Cái/ Gói				
448	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2214		Cái/ Gói				
449	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 2,7 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2220		Cái/ Gói				
450	DEBAKEY Vasc. Forceps 19 cm / 2,7 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2222		Cái/ Gói				
451	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2,7 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2224		Cái/ Gói				
452	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 3,5 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2230		Cái/ Gói				
453	DEBAKEY Vasc. Forceps 19 cm / 3,5 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2232		Cái/ Gói				
454	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 3,5 mm 6x12 PROMEDUR	Cái	14.2234		Cái/ Gói				
455	DEBAKEY Vasc. Forceps 15 cm / 2 mm 2x 4 PROMEDUR	Cái	14.2240		Cái/ Gói				
456	DEBAKEY Vasc. Forceps 19 cm / 2 mm 2x 4 PROMEDUR	Cái	14.2242		Cái/ Gói				
457	DEBAKEY Vasc. Forceps 24 cm / 2 mm 2x 4 PROMEDUR	Cái	14.2244		Cái/ Gói				
458	GERALD Dressing Forecps 18 cm PROMEDUR	Cái	14.2320		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
459	BONNEY Dressing Forceps 18 cm PROMEDUR	Cái	14.2390		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
460	GILLIES Tissue Forceps 15 cm PROMEDUR	Cái	14.2570		Cái/ Gói				
461	OEHLER Tissue Forceps 14 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2623		Cái/ Gói				
462	OEHLER Tissue Forceps 16 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2625		Cái/ Gói				
463	OEHLER Tissue Forceps 18 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2627		Cái/ Gói				
464	OEHLER Tissue Forceps 20 cm PROMEDUR	Cái	14.2628		Cái/ Gói				
465	OEHLER Tissue Forceps 25 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2629		Cái/ Gói				
466	OEHLER Tissue Forceps 30 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2630		Cái/ Gói				
467	GERALD Tissue Forceps 18 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2820		Cái/ Gói				
468	BONNEY Tissue Forceps 18 cm 1x2 PROMEDUR	Cái	14.2890		Cái/ Gói				
469	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12 cm PROMEDUR	Cái	14.2900		Cái/ Gói				
470	BIPOLAR Fcps. 11 cm str.0,25 mm flat plug	Cái	14.3000		Cái/ Gói				
471	BIPOLAR Fcps. 11 cm str.0,25 mm 2-pin-plug	Cái	14.3000.2		Cái/ Gói				
472	BIPOLAR Fcps. 11 cm str.0,6 mm flat plug	Cái	14.3002		Cái/ Gói				
473	BIPOLAR Fcps. 11 cm str.0,6 mm 2-pin-plug	Cái	14.3002.2		Cái/ Gói				
474	BIPOLAR Fcps. 11 cm ang. 0,25 mm flat plug	Cái	14.3003		Cái/ Gói				
475	BIPOLAR Fcps. 11 cm ang. 0,25 mm 2-pin-plug	Cái	14.3003.2		Cái/ Gói				
476	BIPOLAR Fcps. 11 cm ang.bl. 0,6 mm flat plug	Cái	14.3005		Cái/ Gói				
477	BIPOLAR Fcps. 11 cm ang.bl. 0,6 mm 2-pin-plug	Cái	14.3005.2		Cái/ Gói				
478	BIPOLAR Fcps. 11 cm cvd.sh. 0,25 mm flat plug	Cái	14.3007		Cái/ Gói				
479	BIPOLAR Fcps. 11 cm cvd.bl. 0,25 mm 2-pin-plug	Cái	14.3007.2		Cái/ Gói				
480	BIPOLAR Fcps. 11 cm cvd.bl. 0,6 mm flat plug	Cái	14.3009		Cái/ Gói				
481	BIPOLAR Fcps. 11 cm cvd.bl. 0,6 mm 2-pin-plug	Cái	14.3009.2		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
482	BIPOLAR Fcps. 17 cm ang. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3061		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
483	BIPOLAR Fcps. 17 cm ang. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3061.2		Cái/ Gói				
484	BIPOLAR Fcps. 17 cm ang. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3071		Cái/ Gói				
485	BIPOLAR Fcps. 17 cm ang. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3071.2		Cái/ Gói				
486	BIPOLAR Fcps. 17 cm ang. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3081		Cái/ Gói				
487	BIPOLAR Fcps. 17 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3081.2		Cái/ Gói				
488	BIPOLAR Fcps. 15 cm sharp 0,3 mm flat plug	Cái	14.3100		Cái/ Gói				
489	BIPOLAR Fcps. 15 cm str. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3100.2		Cái/ Gói				
490	BIPOLAR Fcps. 18 cm str.sh 0,3 mm flat plug	Cái	14.3102		Cái/ Gói				
491	BIPOLAR Fcps. 18 cm str.sh 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3102.2		Cái/ Gói				
492	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.sh 0,3 mm flat plug	Cái	14.3104		Cái/ Gói				
493	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.sh 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3104.2		Cái/ Gói				
494	BIPOLAR Fcps. 22 cm str.sh 0,3 mm flat plug	Cái	14.3106		Cái/ Gói				
495	BIPOLAR Fcps. 22 cm str.sh 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3106.2		Cái/ Gói				
496	BIPOLAR Fcps. 24 cm str.sh 0,3 mm flat plug	Cái	14.3108		Cái/ Gói				
497	BIPOLAR Fcps. 24 cm str.sh 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3108.2		Cái/ Gói				
498	BIPOLAR Fcps. 15 cm str.bl. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3110		Cái/ Gói				
499	BIPOLAR Fcps. 15 cm str.bl. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3110.2		Cái/ Gói				
500	BIPOLAR Fcps. 18 cm str.bl. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3112		Cái/ Gói				
501	BIPOLAR Fcps. 18 cm str.bl. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3112.2		Cái/ Gói				
502	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.bl. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3114		Cái/ Gói				
503	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.bl. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3114.2		Cái/ Gói				
504	BIPOLAR Fcps. 22 cm str.bl. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3116		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
505	BIPOLAR Fcps. 22 cm str.bl. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3116.2		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
506	BIPOLAR Fcps. 24 cm str.bl. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3118		Cái/ Gói				
507	BIPOLAR Fcps. 24 cm str.bl. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3118.2		Cái/ Gói				
508	BIPOLAR Fcps. 15 cm str.bl. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3120		Cái/ Gói				
509	BIPOLAR Fcps. 15 cm str.bl. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3120.2		Cái/ Gói				
510	BIPOLAR Fcps. 18 cm str.bl. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3122		Cái/ Gói				
511	BIPOLAR Fcps. 18 cm str.bl. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3122.2		Cái/ Gói				
512	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.bl. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3124		Cái/ Gói				
513	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.bl 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3124.2		Cái/ Gói				
514	BIPOLAR Fcps. 20 cm str.bl. 2,0 mm flat plug, TITANIUM	Cái	14.3124T		Cái/ Gói				
515	BIPOLAR Fcps. 22 cm str.bl. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3126		Cái/ Gói				
516	BIPOLAR Fcps. 22 cm str.bl. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3126.2		Cái/ Gói				
517	BIPOLAR Fcps. 24 cm str.bl. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3128		Cái/ Gói				
518	BIPOLAR Fcps. 24 cm str.bl. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3128.2		Cái/ Gói				
519	BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.sh. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3141		Cái/ Gói				
520	BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.sh. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3141.2		Cái/ Gói				
521	BIPOLAR Fcps. 18 cm ang.sh. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3143		Cái/ Gói				
522	BIPOLAR Fcps. 18 cm ang.sh. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3143.2		Cái/ Gói				
523	BIPOLAR Fcps. 20 cm ang.sh. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3145		Cái/ Gói				
524	BIPOLAR Fcps. 20 cm ang.sh. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3145.2		Cái/ Gói				
525	BIPOLAR Fcps. 22 cm ang.sh. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3147		Cái/ Gói				
526	BIPOLAR Fcps. 22 cm ang.sh. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3147.2		Cái/ Gói				
527	BIPOLAR Fcps. 24 cm ang.sh. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3149		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
528	BIPOLAR Fcps. 24 cm ang.sh. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3149.2		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
529	BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.bl. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3151		Cái/ Gói				
530	BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.bl. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3151.2		Cái/ Gói				
531	BIPOLAR Fcps. 18 cm ang. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3153		Cái/ Gói				
532	BIPOLAR Fcps. 18 cm ang. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3153.2		Cái/ Gói				
533	BIPOLAR Fcps. 20 cm ang. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3155		Cái/ Gói				
534	BIPOLAR Fcps. 20 cm ang. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3155.2		Cái/ Gói				
535	BIPOLAR Fcps. 22 cm ang. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3157		Cái/ Gói				
536	BIPOLAR Fcps. 22 cm an. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3157.2		Cái/ Gói				
537	BIPOLAR Fcps. 24 cm ang. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3159		Cái/ Gói				
538	BIPOLAR Fcps. 24 cm ang. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3159.2		Cái/ Gói				
539	BIPOLAR Fcps. 15 cm ang. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3161		Cái/ Gói				
540	BIPOLAR Fcps. 15 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3161.2		Cái/ Gói				
541	BIPOLAR Fcps. 18 cm ang. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3163		Cái/ Gói				
542	BIPOLAR Fcps. 18 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3163.2		Cái/ Gói				
543	BIPOLAR Fcps. 20 cm ang. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3165		Cái/ Gói				
544	BIPOLAR Fcps. 20 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3165.2		Cái/ Gói				
545	BIPOLAR Fcps. 22 cm ang. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3167		Cái/ Gói				
546	BIPOLAR Fcps. 22 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3167.2		Cái/ Gói				
547	BIPOLAR Fcps. 24 cm ang. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3169		Cái/ Gói				
548	BIPOLAR Fcps. 24 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3169.2		Cái/ Gói				
549	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3202		Cái/ Gói				
550	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3202.2		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
551	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3204		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
552	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3204.2		Cái/ Gói				
553	BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3206		Cái/ Gói				
554	BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3206.2		Cái/ Gói				
555	BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3208		Cái/ Gói				
556	BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3208.2		Cái/ Gói				
557	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3212		Cái/ Gói				
558	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3212.2		Cái/ Gói				
559	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3214		Cái/ Gói				
560	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3214.2		Cái/ Gói				
561	BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3216		Cái/ Gói				
562	BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3216.2		Cái/ Gói				
563	BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3218		Cái/ Gói				
564	BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3218.2		Cái/ Gói				
565	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3222		Cái/ Gói				
566	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3222.2		Cái/ Gói				
567	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3224		Cái/ Gói				
568	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3224.2		Cái/ Gói				
569	BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3226		Cái/ Gói				
570	BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3226.2		Cái/ Gói				
571	BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3228		Cái/ Gói				
572	BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3228.2		Cái/ Gói				
573	BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 1,0 mm downw. flat plug	Cái	14.3234		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
574	BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 1.5 x 5 mm 2-pin-plug with irrigation	Cái	14.3243.2		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
575	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm 0,25 mm flat plug	Cái	14.3500		Cái/ Gói				
576	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm 0,25 mm 2-pin-plug	Cái	14.3500.2		Cái/ Gói				
577	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm 0,6 mm flat plug	Cái	14.3502		Cái/ Gói				
578	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm str. 0,6 mm 2-pin-plug	Cái	14.3502.2		Cái/ Gói				
579	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm ang. 0,25mm flat plug	Cái	14.3503		Cái/ Gói				
580	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm ang.0,25 mm 2-pin-plug	Cái	14.3503.2		Cái/ Gói				
581	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm ang. 0,6 mm flat plug	Cái	14.3505		Cái/ Gói				
582	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 11 cm ang. 0,6 mm 2-pin-plug	Cái	14.3505.2		Cái/ Gói				
583	NONSTICK BIPOLAR Fcps. Fcps. 15 cm 0,3mm flat plug	Cái	14.3600		Cái/ Gói				
584	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3600.2		Cái/ Gói				
585	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm str.0,3 mm flat plug	Cái	14.3602		Cái/ Gói				
586	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm str. 0,3mm 2-pin-plug	Cái	14.3602.2		Cái/ Gói				
587	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm str.0,3 mm flat plug	Cái	14.3604		Cái/ Gói				
588	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm str. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3604.2		Cái/ Gói				
589	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm str.0,3 mm flat plug	Cái	14.3606		Cái/ Gói				
590	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm str.0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3606.2		Cái/ Gói				
591	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm str. 1,0 mm flat plug	Cái	14.3610		Cái/ Gói				
592	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm str.1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3610.2		Cái/ Gói				
593	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm str.1,0 mm flat plug	Cái	14.3612		Cái/ Gói				
594	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm str. 1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3612.2		Cái/ Gói				
595	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm str.1,0 mm flat plug	Cái	14.3614		Cái/ Gói				
596	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm str.1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3614.2		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
597	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm str.1,0 mm flat plug	Cái	14.3616		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
598	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm str.1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3616.2		Cái/ Gói				
599	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm str.1,0 mm flat plug	Cái	14.3618		Cái/ Gói				
600	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm str 2,0 mm flat plug	Cái	14.3620		Cái/ Gói				
601	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm str.2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3620.2		Cái/ Gói				
602	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm str.2,0 mm flat plug	Cái	14.3622		Cái/ Gói				
603	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm str.2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3622.2		Cái/ Gói				
604	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm str.2,0 mm flat plug	Cái	14.3624		Cái/ Gói				
605	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm str.2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3624.2		Cái/ Gói				
606	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm str.2,0 mm flat plug	Cái	14.3626		Cái/ Gói				
607	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm str.2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3626.2		Cái/ Gói				
608	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 30 cm str.2,0 mm flat plug	Cái	14.3628		Cái/ Gói				
609	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.0,3 mm flat plug	Cái	14.3641		Cái/ Gói				
610	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3641.2		Cái/ Gói				
611	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm ang.0,3 mm flat plug	Cái	14.3643		Cái/ Gói				
612	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm ang.0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3643.2		Cái/ Gói				
613	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.1,0 mm flat plug	Cái	14.3651		Cái/ Gói				
614	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3651.2		Cái/ Gói				
615	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm ang.1,0mm flat plug	Cái	14.3653		Cái/ Gói				
616	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm ang.1,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3653.2		Cái/ Gói				
617	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm ang.2,0mm flat plug	Cái	14.3661		Cái/ Gói				
618	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 15 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3661.2		Cái/ Gói				
619	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm ang. 2,0 mm flat plug	Cái	14.3663		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
620	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm ang. 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3663.2		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
621	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 0,3mm flat plug	Cái	14.3702		Cái/ Gói				
622	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3702.2		Cái/ Gói				
623	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 0,3 mm flat plug	Cái	14.3704		Cái/ Gói				
624	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3704.2		Cái/ Gói				
625	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm bay.0,3mm flat plug	Cái	14.3706		Cái/ Gói				
626	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3706.2		Cái/ Gói				
627	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm bay.0,3mm flat plug	Cái	14.3708		Cái/ Gói				
628	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 0,3 mm 2-pin-plug	Cái	14.3708.2		Cái/ Gói				
629	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm bay .1,0mm flat plug	Cái	14.3712		Cái/ Gói				
630	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm bay.1,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3712.2		Cái/ Gói				
631	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm bay.1,0mm flat plug	Cái	14.3714		Cái/ Gói				
632	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm bay.1,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3714.2		Cái/ Gói				
633	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 1,0mm flat plug	Cái	14.3716		Cái/ Gói				
634	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 1,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3716.2		Cái/ Gói				
635	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm bay.1,0mm flat plug	Cái	14.3718		Cái/ Gói				
636	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm bay.1,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3718.2		Cái/ Gói				
637	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm bay.2,0mm flat plug	Cái	14.3722		Cái/ Gói				
638	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 18 cm bay. 2,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3722.2		Cái/ Gói				
639	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm bay.2,0mm flat plug	Cái	14.3724		Cái/ Gói				
640	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 20 cm bay 2,0 mm 2-pin-plug	Cái	14.3724.2		Cái/ Gói				
641	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm bay.2,0mm flat plug	Cái	14.3726		Cái/ Gói				
642	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 22 cm bay. 2,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3726.2		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
643	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm bay.2,0mm flat plug	Cái	14.3728		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
644	NONSTICK BIPOLAR Fcps. 24 cm bay. 2,0mm 2-pin-plug	Cái	14.3728.2		Cái/ Gói				
645	LONDON-COLLEGE Fcps. # 1 serrated handle	Cái	14.6001		Cái/ Gói				
646	LONDON-COLLEGE Fcps. # 2 serrated handle	Cái	14.6002		Cái/ Gói				
647	LONDON-COLLEGE Fcps. # 3 serrated handle	Cái	14.6003		Cái/ Gói				
648	LONDON-COLLEGE Fcps. # 4 serrated handle	Cái	14.6004		Cái/ Gói				
649	LONDON-COLLEGE Fcps. # 5 serrated handle	Cái	14.6005		Cái/ Gói				
650	LONDON-COLLEGE Fcps. # 5 serrated handle WITH STOP PIN	Cái	14.6005 SELECT		Cái/ Gói				
651	LONDON-COLLEGE Fcps. # 6 serrated handle	Cái	14.6006		Cái/ Gói				
652	LONDON-COLLEGE Fcps. # 1 smooth handle	Cái	14.6011		Cái/ Gói				
653	LONDON-COLLEGE Fcps. # 2 smooth handle	Cái	14.6012		Cái/ Gói				
654	LONDON-COLLEGE Fcps. # 3 smooth handle	Cái	14.6013		Cái/ Gói				
655	LONDON-COLLEGE Fcps. # 4 smooth handle	Cái	14.6014		Cái/ Gói				
656	LONDON-COLLEGE Fcps. # 5 smooth handle	Cái	14.6015		Cái/ Gói				
657	LONDON-COLLEGE Fcps. # 6 smooth handle	Cái	14.6016		Cái/ Gói				
658	LONDON-COLLEGE Fcps. # 1 w. Lock	Cái	14.6031		Cái/ Gói				
659	LONDON-COLLEGE Fcps. # 2 w. Lock	Cái	14.6032		Cái/ Gói				
660	LONDON-COLLEGE Fcps. # 3 w. Lock	Cái	14.6033		Cái/ Gói				
661	LONDON-COLLEGE Fcps. # 4 w. Lock	Cái	14.6034		Cái/ Gói				
662	LONDON-COLLEGE Fcps. # 5 w. Lock	Cái	14.6035		Cái/ Gói				
663	LONDON-COLLEGE Fcps. # 6 w. Lock	Cái	14.6036		Cái/ Gói				
664	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 1 serrated handle	Cái	14.6201		Cái/ Gói				
665	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 2 serrated handle	Cái	14.6202		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
666	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 3 serrated handle	Cái	14.6203		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
667	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 4 serrated handle	Cái	14.6204		Cái/ Gói				
668	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 5 serrated handle	Cái	14.6205		Cái/ Gói				
669	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 6 serrated handle	Cái	14.6206		Cái/ Gói				
670	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 1 smooth handle	Cái	14.6211		Cái/ Gói				
671	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 2 smooth handle	Cái	14.6212		Cái/ Gói				
672	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 3 smooth handle	Cái	14.6213		Cái/ Gói				
673	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 4 smooth handle	Cái	14.6214		Cái/ Gói				
674	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 5 smooth handle	Cái	14.6215		Cái/ Gói				
675	MERIAM Dental Tweezer 16 cm # 6 smooth handle	Cái	14.6216		Cái/ Gói				
676	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 1 serrated handle	Cái	14.6251		Cái/ Gói				
677	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 2 serrated handle	Cái	14.6252		Cái/ Gói				
678	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 3 serrated handle	Cái	14.6253		Cái/ Gói				
679	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 4 serrated handle	Cái	14.6254		Cái/ Gói				
680	FLAGG Dental Forceps 16 cm # 1 smooth handle	Cái	14.6261		Cái/ Gói				
681	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 2 smooth handle	Cái	14.6262		Cái/ Gói				
682	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 3 smooth handle	Cái	14.6263		Cái/ Gói				
683	FLAGG Dental Tweezer 16 cm # 4 smooth handle	Cái	14.6264		Cái/ Gói				
684	LAHEY Gall Duct Forceps 19 cm	Cái	15.0841		Cái/ Gói				
685	LAHEY Gall Duct Forceps 23 cm	Cái	15.0843		Cái/ Gói				
686	MOYNIHAN Gall Duct Forceps 23 cm	Cái	15.0901		Cái/ Gói				
687	MOYNIHAN Clamp-Forceps 24 cm	Cái	15.0903		Cái/ Gói				
688	DESJARDINS Gall Duct Forceps 21cm	Cái	15.0911		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
689	DESJARDINS Gall Duct Forceps 21 cm	Cái	15.0913		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
690	LOWER Gall Duct Forceps 18 cm	Cái	15.0931		Cái/ Gói				
691	JOHN-HOPKINS Gall Duct Forceps 20 cm	Cái	15.0941		Cái/ Gói				
692	MIXTER Gall Duct Forceps 16,5 cm	Cái	15.0950		Cái/ Gói				
693	MIXTER Gall Stone Forceps 22 cm	Cái	15.1015		Cái/ Gói				
694	GRAY Gall Duct Forceps 22 cm # 1	Cái	15.1031		Cái/ Gói				
695	GRAY Gall Duct Forceps 23 cm # 2	Cái	15.1033		Cái/ Gói				
696	GRAY Gall Duct Forceps 22 cm # 1	Cái	15.1035		Cái/ Gói				
697	GRAY Gall Duct Forceps 23 cm # 2	Cái	15.1037		Cái/ Gói				
698	CHAPUT Intestinal Forceps 12,5 cm	Cái	15.1200		Cái/ Gói				
699	POIRIER Intestinal Forceps 12,5 cm	Cái	15.1202		Cái/ Gói				
700	TUFFIER Intestinal Forceps 13 cm	Cái	15.1204		Cái/ Gói				
701	ALLEN-KOCHER Intestinal Forceps 15,5 cm	Cái	15.1270		Cái/ Gói				
702	ALLEN-KOCHER Intestinal Forceps 20 cm	Cái	15.1272		Cái/ Gói				
703	REDO Intestinal Forceps 20 cm	Cái	15.1280		Cái/ Gói				
704	BAINBRIDGE Forceps 15,5 cm str.	Cái	15.1320		Cái/ Gói				
705	BAINBRIDGE Forceps 15,5 cm cvd.	Cái	15.1321		Cái/ Gói				
706	BAINBRIDGE Forceps 18 cm str.	Cái	15.1322		Cái/ Gói				
707	BAINBRIDGE Forceps 18 cm cvd.	Cái	15.1323		Cái/ Gói				
708	MARTEL Scalp Flap Forceps 14 cm	Cái	15.1340		Cái/ Gói				
709	WILLET Scalp Flap Forceps 19 cm	Cái	15.1342		Cái/ Gói				
710	DEBAKEY Tiss.&Organ Grasp Fcps 25cm	Cái	15.1580		Cái/ Gói				
711	DEBAKEY Tiss.&Organ Grasp Fcps 27cm	Cái	15.1582		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
712	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 1	Cái	15.1721		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
713	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 2	Cái	15.1722		Cái/ Gói				
714	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 3	Cái	15.1723		Cái/ Gói				
715	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 4	Cái	15.1724		Cái/ Gói				
716	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 5	Cái	15.1725		Cái/ Gói				
717	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 6	Cái	15.1726		Cái/ Gói				
718	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 27 cm # 7	Cái	15.1727		Cái/ Gói				
719	OVERHOLT FINO Fcps. 29,5 cm # 6	Cái	15.1738		Cái/ Gói				
720	URO-Tangential Fcps. 26 cm Fig. 1 atraum	Cái	15.1801		Cái/ Gói				
721	URO-Tangential Fcps. 26 cm Fig. 2 atraum	Cái	15.1802		Cái/ Gói				
722	GUYON-DEBAKEY Kidney Pedicle Forceps 23 # 1	Cái	15.1921		Cái/ Gói				
723	GUYON-DEBAKEY Kidney Pedicle Forceps 24 # 2	Cái	15.1922		Cái/ Gói				
724	GUYON-DEBAKEY Kidney Pedicle Forceps 23 # 3	Cái	15.1923		Cái/ Gói				
725	MAYO-GUYON Kidney Forceps 23 cm	Cái	15.1930		Cái/ Gói				
726	GUYON Kidney Pedicle Forceps 20/1	Cái	15.1931		Cái/ Gói				
727	GUYON Kidney Pedicle Forceps 22/2	Cái	15.1933		Cái/ Gói				
728	GUYON Kidney Pedicle Forceps 24/3	Cái	15.1935		Cái/ Gói				
729	GUYON Kidney Pedicle Forceps 36 cm	Cái	15.1936		Cái/ Gói				
730	GUYON Kidney Pedicle Forceps 23 cm	Cái	15.1937		Cái/ Gói				
731	STILLE Kidney Pedicle Forceps 23 cm	Cái	15.1940		Cái/ Gói				
732	HERRICK Kidney Pedicle Forceps 23 cm	Cái	15.1960		Cái/ Gói				
733	WERTHEIM Hysterectomy Forceps 24 cm 1x2	Cái	15.2125		Cái/ Gói				
734	MIKULICZ Peritoneum Clamp 18 cm	Cái	15.2200		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
735	MIKULICZ Peritoneum Clamp 20 cm	Cái	15.2202		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
736	MIKULICZ Peritoneum Clamp 24,5 cm w/screw, longitudinal serrations	Cái	15.2205		Cái/ Gói				
737	MIKULICZ Peritoneum Clamp l.cvd. 20 cm	Cái	15.2209		Cái/ Gói				
738	MIKULICZ Peritoneum Clamp 20 cm	Cái	15.2211		Cái/ Gói				
739	MIKULICZ-BABY Peritoneum Clamp 14 cm	Cái	15.2215		Cái/ Gói				
740	MIKULICZ Peritoneum Clamp 18 cm	Cái	15.2216		Cái/ Gói				
741	MIKULICZ Peritoneum Clamp 20 cm	Cái	15.2217		Cái/ Gói				
742	MIKULICZ Peritoneum Clamp 21 cm	Cái	15.2218		Cái/ Gói				
743	FAURE Peritoneum Clamp 20 cm sl.cvd	Cái	15.2221		Cái/ Gói				
744	FAURE Peritoneum Clamp 20 cm st.cvd	Cái	15.2223		Cái/ Gói				
745	FAURE Peritoneum Clamp 25 cm cvd.	Cái	15.2225		Cái/ Gói				
746	DICK Clamp-Forceps 25 cm	Cái	15.2230		Cái/ Gói				
747	DICK Clamp-Forceps 26 cm	Cái	15.2232		Cái/ Gói				
748	DICK Clamp-Forceps 27 cm	Cái	15.2234		Cái/ Gói				
749	PHANEUF Peritoneum Clamp 21,5 cm str	Cái	15.2300		Cái/ Gói				
750	PHANEUF Peritoneum Clamp 21,5 cm cvd	Cái	15.2301		Cái/ Gói				
751	HEANEY-KANTER Hysterectomy Fcps. 20 cm	Cái	15.2311		Cái/ Gói				
752	HEANEY-KANTER Hysterectomy Fcps. 23 cm	Cái	15.2313		Cái/ Gói				
753	HEANEY-REZEK Hysterectomy Fcps. 23 cm	Cái	15.2314		Cái/ Gói				
754	HEANEY Hysterectomy Forceps 20 cm	Cái	15.2315		Cái/ Gói				
755	HEANEY-REZEK Hyster. Fcps. str	Cái	15.2316		Cái/ Gói				
756	HEANEY Hysterectomy Forceps 23 cm	Cái	15.2317		Cái/ Gói				
757	HEANEY-BALLENTINE Hyst. Fcps. 21 cm str	Cái	15.2318		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
758	HEANEY-BALLENTINE Hyst. Fcps. 21 cm cvd	Cái	15.2319		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
759	WERTHEIM Hysterectomy Fcps. 25cm	Cái	15.2321		Cái/ Gói				
760	SEGOND-LANDAU Hysterectomy Fcps. 24 cm	Cái	15.2324		Cái/ Gói				
761	SEGOND Hysterectomy Fcps. 24 cm	Cái	15.2325		Cái/ Gói				
762	GWILLIAM Hysterectomy Fcps. 20 cm str.	Cái	15.2330		Cái/ Gói				
763	GWILLIAM Hysterectomy Fcps. 20 cm cvd.	Cái	15.2331		Cái/ Gói				
764	MAINGOT Hysterectomy Fcps. 20cm str 1x2	Cái	15.2332		Cái/ Gói				
765	MAINGOT Hysterectomy Fcps. 20cm cur 1x2	Cái	15.2333		Cái/ Gói				
766	MAINGOT Hysterectomy Fcps. 25cm cur 1x2	Cái	15.2335		Cái/ Gói				
767	BERKELEY-BONNEY Hysterect. Fcps. 20 cm	Cái	15.2337		Cái/ Gói				
768	WERTHEIM-CULLEN Hysterectomy Fcps.21,5cm	Cái	15.2340		Cái/ Gói				
769	WERTHEIM-ATRAUMA Hysterectomy Fcp. 21cm	Cái	15.2344		Cái/ Gói				
770	WERTHEIM Hysterectomy Fcps. 22cm 1x2 sl. cvd.	Cái	15.2345		Cái/ Gói				
771	WERTHEIM Hysterectomy Fcps. 23cm 1x2 more cvd.	Cái	15.2347		Cái/ Gói				
772	WERTHEIM Hysterectomy Fcps. 22cm 1x2 sl. cvd.	Cái	15.2348		Cái/ Gói				
773	WERTHEIM Hysterectomy Fcps. 22cm 1x2 more cvd.	Cái	15.2349		Cái/ Gói				
774	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 22cm	Cái	15.2360		Cái/ Gói				
775	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 22cm	Cái	15.2361		Cái/ Gói				
776	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl.21 cm	Cái	15.2362		Cái/ Gói				
777	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 20 cm (Heaney)	Cái	15.2363		Cái/ Gói				
778	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 25 cm	Cái	15.2365		Cái/ Gói				
779	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 25 cm	Cái	15.2366		Cái/ Gói				
780	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 25 cm	Cái	15.2367		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
781	WERTHEIM-DEBAKEY Hysterectomy Cl. 24 cm	Cái	15.2368		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
782	HYSTEREKTOMY Clamp 21 cm curved left	Cái	15.2371		Cái/ Gói				
783	HYSTEREKTOMY Clamp 21 cm curved right	Cái	15.2372		Cái/ Gói				
784	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 21 cm str.	Cái	15.2380		Cái/ Gói				
785	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 21 cm sl.cvd.	Cái	15.2381		Cái/ Gói				
786	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 21 cm cvd.	Cái	15.2382		Cái/ Gói				
787	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 21 cm angled	Cái	15.2383		Cái/ Gói				
788	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 24 cm str.	Cái	15.2384		Cái/ Gói				
789	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 24 cm sl.cvd.	Cái	15.2385		Cái/ Gói				
790	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 24 cm cvd.	Cái	15.2386		Cái/ Gói				
791	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 24 cm angled	Cái	15.2387		Cái/ Gói				
792	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 30 cm str.	Cái	15.2388		Cái/ Gói				
793	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 30 cm sl.cvd.	Cái	15.2389		Cái/ Gói				
794	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 30 cm cvd.	Cái	15.2390		Cái/ Gói				
795	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 30 cm angled	Cái	15.2391		Cái/ Gói				
796	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 35 cm str.	Cái	15.2392		Cái/ Gói				
797	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 35 cm sl. cvd.	Cái	15.2393		Cái/ Gói				
798	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 35 cm cvd.	Cái	15.2394		Cái/ Gói				
799	Z-HYSTEREKTOMY Clamp 35 cm angled	Cái	15.2395		Cái/ Gói				
800	JONES Towel Forceps 5 cm	Cái	16.0010		Cái/ Gói				
801	JONES Towel Forceps 9 cm	Cái	16.0012		Cái/ Gói				
802	SCHAEDEL Towel Forceps 9 cm cvd.	Cái	16.0031		Cái/ Gói				
803	SCHÄDEL - Ball and Socket Towel Forceps, 9cm curved	Cái	16.0033		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
804	DOYEN Towel Forceps 18 cm	Cái	16.0050		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
805	BACKHAUS Towel Forceps 9 cm	Cái	16.0100		Cái/ Gói				
806	BACKHAUS Towel Forceps 11 cm	Cái	16.0102		Cái/ Gói				
807	BACKHAUS Towel Forceps 13 cm	Cái	16.0105		Cái/ Gói				
808	BACKHAUS Towel Forceps 15 cm	Cái	16.0106		Cái/ Gói				
809	BACKHAUS Towel Forceps 11 cm with Tube-Clip	Cái	16.0107		Cái/ Gói				
810	BACKHAUS Towel Forceps 13 cm with Tube-Clip	Cái	16.0108		Cái/ Gói				
811	ROBIN Towel Forceps 13,5 cm w/Tube-Clip with Tube-Clip for tubes Ø 13mm	Cái	16.0109		Cái/ Gói				
812	ROBIN Towel Forceps 13,5 cm w/Cable-Clip with Clip for cables Ø 5mm	Cái	16.0111		Cái/ Gói				
813	PEERS Towel Forceps 14,5 cm	Cái	16.0112		Cái/ Gói				
814	ROEDER Towel Forceps 13 cm	Cái	16.0115		Cái/ Gói				
815	ROEDER Towel Forceps 15 cm	Cái	16.0116		Cái/ Gói				
816	LORNA (Edna) Towel Forceps 10 cm	Cái	16.0120		Cái/ Gói				
817	LORNA (Edna) Towel Forceps 13 cm	Cái	16.0125		Cái/ Gói				
818	BALL and SOCKET Towel Forceps 11 cm	Cái	16.0132		Cái/ Gói				
819	BALL and SOCKET Towel Forceps 13 cm	Cái	16.0135		Cái/ Gói				
820	TOHOKU Towel Forceps 10 cm	Cái	16.0140		Cái/ Gói				
821	TOHOKU Towel Forceps 13 cm	Cái	16.0145		Cái/ Gói				
822	OMBREDANNE Towel Forceps 13,5 cm	Cái	16.0150		Cái/ Gói				
823	LANE Towel Forceps 15 cm	Cái	16.0160		Cái/ Gói				
824	LANE Towel Forceps 20 cm	Cái	16.0164		Cái/ Gói				
825	BERNHARD Towel Forceps 16,5 cm	Cái	16.0170		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
826	GREEN Tubeholdingforceps 16,5 cm	Cái	16.0175		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
827	MOYNIHAN Towel Forceps 19 cm	Cái	16.0180		Cái/ Gói				
828	PRESBYTERIAN Tubing Clamp 16 cm	Cái	16.0200		Cái/ Gói				
829	PRESBYTERIAN Tubing Clamp 18 cm	Cái	16.0202		Cái/ Gói				
830	KLINIK.BERLIN Tubing Clamp 14,5	Cái	16.0210		Cái/ Gói				
831	USA-MODEL Tubing Clamp 16 cm	Cái	16.0220		Cái/ Gói				
832	USA-MODEL Tubing Clamp 18 cm	Cái	16.0222		Cái/ Gói				
833	USA-MODEL Tubing Clamp 20 cm	Cái	16.0224		Cái/ Gói				
834	TUBING Clamp w.safeguard 16 cm	Cái	16.0230		Cái/ Gói				
835	TUBING Clamp w.safeguard 18 cm	Cái	16.0232		Cái/ Gói				
836	TUBING Clamp w.safeguard 20 cm	Cái	16.0234		Cái/ Gói				
837	BROMPTON Drainage Clamp ALU 15,5 cm	Cái	16.0280		Cái/ Gói				
838	GUNNAR-HEY Drainage Clamp 19 cm	Cái	16.0290		Cái/ Gói				
839	BRYANT Dressing Forceps 13 cm	Cái	16.0300		Cái/ Gói				
840	LISTER-SINUS Dressing Forceps 13 cm	Cái	16.0360		Cái/ Gói				
841	LISTER-SINUS Dressing Forceps 16 cm	Cái	16.0362		Cái/ Gói				
842	LISTER-SINUS Dressing Forceps 18 cm	Cái	16.0364		Cái/ Gói				
843	WALTON Dressing Forceps 17 cm str.	Cái	16.0370		Cái/ Gói				
844	WALTON Dressing Forceps 17 cm cvd	Cái	16.0371		Cái/ Gói				
845	BERGMANN-FOERSTER Sponge Fcps. 24cm str	Cái	16.0390		Cái/ Gói				
846	BERGMANN-FOERSTER Sponge Fcps. 24cm cvd.	Cái	16.0391		Cái/ Gói				
847	FOERSTER Sponge Fcps. 18 cm str.smooth BALLENGER	Cái	16.0400		Cái/ Gói				
848	FOERSTER Sponge Fcps. 18 cm cvd.sm BALLENGER	Cái	16.0401		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
849	BALLENGER Sponge Fcps. 18 cm str.ser FOERSTER	Cái	16.0406		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
850	BALLENGER Sponge Fcps. 18 cm cvd.ser FOERSTER	Cái	16.0407		Cái/ Gói				
851	BALLENGER Sponge Fcps. 20 cm str.ser FOERSTER (RAMPLEY)	Cái	16.0408		Cái/ Gói				
852	BALLENGER Sponge Fcps. 20 cm cvd.ser FOERSTER	Cái	16.0409		Cái/ Gói				
853	FOERSTER Sponge Fcps. 25 cm str.sm BALLENGER	Cái	16.0410		Cái/ Gói				
854	FOERSTER Sponge Fcps. 25 cm cvd.sm BALLENGER	Cái	16.0411		Cái/ Gói				
855	BALLENGER Sponge Fcps. 25 cm str.ser FOERSTER	Cái	16.0416		Cái/ Gói				
856	BALLENGER Sponge Fcps. 25 cm cvd.ser FOERSTER	Cái	16.0417		Cái/ Gói				
857	FOERSTER Sponge Fcps. 25 cm cvd.ser with Laser-Scale	Cái	16.0417S		Cái/ Gói				
858	FOERSTER Sponge Fcps. 25 cm str.DEL	Cái	16.0418		Cái/ Gói				
859	FOERSTER Sponge Fcps. 25 cm cvd. DEL	Cái	16.0419		Cái/ Gói				
860	RAMPLEY Sponge Fcps. 25 cm str	Cái	16.0420		Cái/ Gói				
861	RAMPLEY Sponge Fcps. 18 cm str	Cái	16.0422		Cái/ Gói				
862	RAMPLEY Sponge Fcps. 25 cm	Cái	16.0423		Cái/ Gói				
863	FLETCHER Sponge Fcps. 24cm str	Cái	16.0424		Cái/ Gói				
864	FLETCHER (Javerts) Sponge Fcps. 24cm cvd	Cái	16.0425		Cái/ Gói				
865	SIMS-MAIER Polypus Forceps 28 cm str.	Cái	16.0426		Cái/ Gói				
866	SIMS-MAIER Polypus Forceps 28 cm cvd.	Cái	16.0427		Cái/ Gói				
867	PELKMANN Dressing Forceps 25 cm str	Cái	16.0430		Cái/ Gói				
868	PELKMANN Dressing Forceps 25 cm cvd.	Cái	16.0431		Cái/ Gói				
869	FOERSTER Sponge Fcps. 36 cm str.ser	Cái	16.0436		Cái/ Gói				
870	DUPLAY Polypus Forceps 20 cm str.	Cái	16.0440		Cái/ Gói				
871	DUPLAY Polypus Forceps 20 cm cvd.	Cái	16.0441		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
872	GROSS Polypus Forceps 20 cm str	Cái	16.0450		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
873	GROSS Polypus Forceps 20 cm cvd	Cái	16.0451		Cái/ Gói				
874	GROSS Polypus Forceps 22 cm str	Cái	16.0452		Cái/ Gói				
875	GROSS Polypus Forceps 22 cm cvd	Cái	16.0453		Cái/ Gói				
876	GROSS Polypus Forceps 26 cm str w. catch	Cái	16.0454		Cái/ Gói				
877	GROSS Polypus Forceps 26 cm cvd w. catch	Cái	16.0455		Cái/ Gói				
878	MAIER Polypus Forceps 25 cm str.	Cái	16.0460		Cái/ Gói				
879	MAIER Polypus Fcps. 25 cm cvd.	Cái	16.0461		Cái/ Gói				
880	MAIER Polypus Forceps 25cm str.w/o ratc	Cái	16.0462		Cái/ Gói				
881	MAIER Polypus Forceps 25cm cvd.w/o ratc	Cái	16.0463		Cái/ Gói				
882	EMMET Sponge- and Dressing Fcps. 21 cm	Cái	16.0466		Cái/ Gói				
883	WESTERMARK Sponge- and Dressing Fcps. 23	Cái	16.0468		Cái/ Gói				
884	ULRICH Dressing Forceps 22 cm str	Cái	16.0470		Cái/ Gói				
885	ULRICH Dressing Forceps 18 cm str	Cái	16.0470.18		Cái/ Gói				
886	ULRICH Dressing Forceps 22 cm cvd	Cái	16.0471		Cái/ Gói				
887	ULRICH Dressing Forceps 18 cm cvd	Cái	16.0471.18		Cái/ Gói				
888	ULRICH Dressing Forceps 25 cm str	Cái	16.0472		Cái/ Gói				
889	ULRICH Dressing Forceps 25 cm cvd	Cái	16.0473		Cái/ Gói				
890	BOZEMANN Dressing Forceps 26 cm str	Cái	16.0500		Cái/ Gói				
891	BOZEMANN Dressing Forceps 26 cm cvd	Cái	16.0501		Cái/ Gói				
892	BOZEMANN-DOUGLAS Dress.Fcps. 25 cm	Cái	16.0505		Cái/ Gói				
893	CHERON Dressing Forceps 25 cm	Cái	16.0510		Cái/ Gói				
894	COLLIN Polypus Forceps 25 cm	Cái	16.0520		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
895	CHEATLE Sterilizing Fcps. 27 cm	Cái	16.1010		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
896	ROGGE Sterilizing Forceps 23 cm	Cái	16.1020		Cái/ Gói				
897	Sterilizing Forceps 20 cm	Cái	16.1030		Cái/ Gói				
898	Sterilizing Forceps 30 cm	Cái	16.1032		Cái/ Gói				
899	Sterilizing Forceps 20 cm str.	Cái	16.1040		Cái/ Gói				
900	Sterilizing Forceps 20 cm cvd.	Cái	16.1041		Cái/ Gói				
901	Sterilizing Forceps 28 cm str.	Cái	16.1042		Cái/ Gói				
902	Sterilizing Forceps 28 cm cvd.	Cái	16.1043		Cái/ Gói				
903	HARRISON Sterilizing Fcps.25 cm	Cái	16.1050		Cái/ Gói				
904	HARRISON Sterilizing Fcps. 30 cm	Cái	16.1052		Cái/ Gói				
905	MARTIN waste forceps 58 cm	Cái	16.1060		Cái/ Gói				
906	SAUERBRUCH Waste Forceps 55 cm	Cái	16.1070		Cái/ Gói				
907	BUNT Sterilizing Clip	Cái	16.1100		Cái/ Gói				
908	MAYO Sterilizing Clip	Cái	16.1110		Cái/ Gói				
909	MAYO Sterilizing Clip w. ball	Cái	16.1115		Cái/ Gói				
910	STRINGER Forceps Holder 10x 7cm	Cái	16.1150		Cái/ Gói				
911	STRINGER Forceps Holder 15x 7 cm	Cái	16.1152		Cái/ Gói				
912	STRINGER Forceps Holder 20x 7 cm	Cái	16.1153		Cái/ Gói				
913	STRINGER Forceps Holder 20x 9 cm	Cái	16.1153.09		Cái/ Gói				
914	STRINGER Forceps Holder 25x 7 cm	Cái	16.1154		Cái/ Gói				
915	STRINGER Forceps Holder 30x 7 cm	Cái	16.1155		Cái/ Gói				
916	STRINGER Forceps Holder 35x 7 cm	Cái	16.1156		Cái/ Gói				
917	STRINGER Forceps Holder 40x 7 cm	Cái	16.1157		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
918	STRINGER Forceps Holder 45x 9 cm	Cái	16.1158		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
919	STRINGER Forceps Holder 50x 9 cm	Cái	16.1159		Cái/ Gói				
920	INFUSION-Bottle Opening Fcps.20 cm	Cái	16.1500		Cái/ Gói				
921	MICHEL Clip Forceps 12 cm	Cái	18.3000		Cái/ Gói				
922	MICHEL Clip Appl.& Remov.Fcps. 12cm	Cái	18.3010		Cái/ Gói				
923	MICHEL Clip Forceps DELICATE	Cái	18.3015		Cái/ Gói				
924	CHILDE CLip Fcps.w.mag.14,5 cm	Cái	18.3020		Cái/ Gói				
925	CHILDE Clip Fcps.w.mag.17,5 cm	Cái	18.3022		Cái/ Gói				
926	CHILDE Clip Fcps.w/o mag.17,5 cm	Cái	18.3023		Cái/ Gói				
927	HEGENBARTH Clip-Applying Forceps 12,5 cm	Cái	18.3050		Cái/ Gói				
928	WACHENFELDT Clip-Applying Forceps 12 cm	Cái	18.3060		Cái/ Gói				
929	WACHENFELDT Approximation Forceps 12,5 m	Cái	18.3065		Cái/ Gói				
930	MICHEL Clips 7,5x1,75mm 1000pc	Cái	18.3071		Cái/ Gói				
931	MICHEL Clips 11x2 mm 1000 pcs.	Cái	18.3072		Cái/ Gói				
932	MICHEL Clips 12x3 mm 1000 pcs.	Cái	18.3074		Cái/ Gói				
933	MICHEL Clips 14x3 mm 1000 pcs.	Cái	18.3075		Cái/ Gói				
934	MICHEL Clips 16x3 mm 1000 pcs.	Cái	18.3076		Cái/ Gói				
935	MICHEL Clips 18x3 mm 1000 pcs.	Cái	18.3077		Cái/ Gói				
936	MICHEL Clips 20x3 mm 1000 pcs.	Cái	18.3078		Cái/ Gói				
937	MICHEL Clips 20x3 mm 100 pcs.	Cái	18.3088		Cái/ Gói				
938	COLLIN Clip Removing Fcps.14cm	Cái	18.3100		Cái/ Gói				
939	RICHTER-HEATH Clip Removing Fcps.14 cm	Cái	18.3110		Cái/ Gói				
940	OCHSNER Suture Forceps 14 cm	Cái	18.3130		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
941	CORN Suture Forceps 15 cm	Cái	18.3140		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
942	Suture Forceps 16 cm, 1,6 mm Ø Open Ring	Cái	18.3150		Cái/ Gói				
943	Suture Forceps 16 cm, 2,2 mm Ø Open Ring	Cái	18.3152		Cái/ Gói				
944	Micro-Suture Ring Forceps 15cm, 2 x 1mm Open Ring / Round Handle	Cái	18.3155		Cái/ Gói				
945	PRO-MED Spreader graft fixation Forceps 14 cm w/hole 1 x 2 mm, gold hdl.	Cái	18.3160		Cái/ Gói				
946	REPOSITION Forceps 13,5 cm	Cái	23.2001		Cái/ Gói				
947	REPOSITION Forceps 13,5 cm serrated	Cái	23.2001Z		Cái/ Gói				
948	REILL Reposition Forceps 17 cm	Cái	23.2002		Cái/ Gói				
949	PHALANGEAL Forceps 14 cm	Cái	23.2004		Cái/ Gói				
950	PLATEHOLDING Forceps 12 cm	Cái	23.2005		Cái/ Gói				
951	Bone Reduction Forceps 15 cm cvd	Cái	23.2006		Cái/ Gói				
952	SCARF Reposition Forceps 16 cm for temporary fixation of fragments	Cái	23.2007		Cái/ Gói				
953	REPOSITION Forceps 13,5cm w/guide sleeve	Cái	23.2008		Cái/ Gói				
954	LEWIN Bone Holding Fcps. 18 cm	Cái	23.2010		Cái/ Gói				
955	MALLEOLAR Reposition Forceps 21 cm	Cái	23.2012		Cái/ Gói				
956	MEYER Reposition Forceps for fingers 17 cm, with drill guide for K-Wires up	Cái	23.2016		Cái/ Gói				
957	MEYER Reposition Forceps 20,5 cm, with drill guide for K-Wires up to 2 mm	Cái	23.2018		Cái/ Gói				
958	REPOSITION Forceps 9,5 cm	Cái	23.2021		Cái/ Gói				
959	SETTER Reposition Fcps.13,5 cm	Cái	23.2040		Cái/ Gói				
960	SETTER Reposition Fcps. 16 cm	Cái	23.2042		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
961	SETTER Reposition Fcps. 22 cm	Cái	23.2044		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
962	REPOSITION Forceps 20 cm	Cái	23.2050		Cái/ Gói				
963	Sequestrum Forceps 20 cm str.	Cái	23.2100		Cái/ Gói				
964	Sequestrum Forceps 20 cm cvd.	Cái	23.2101		Cái/ Gói				
965	VAN BUREN Sequest. Fcps. 23 cm	Cái	23.2110		Cái/ Gói				
966	DINGMAN Bone Hold. Fcps. light	Cái	23.2200		Cái/ Gói				
967	DINGMAN Bone Hold. Fcps.heavy	Cái	23.2205		Cái/ Gói				
968	SEMB Bone Holding Fcps. 19 cm	Cái	23.2210		Cái/ Gói				
969	SEMB Boneholding Fcps.w.ratch.	Cái	23.2211		Cái/ Gói				
970	FERGUSSON Bone Hold. Fcps.21cm	Cái	23.2220		Cái/ Gói				
971	Bone Holding Fcps. 20 cm	Cái	23.2224		Cái/ Gói				
972	FARABEUF Bone Hold. Fcps.23 cm	Cái	23.2232		Cái/ Gói				
973	FARABEUF Bone Hold. Fcps.26 cm	Cái	23.2234		Cái/ Gói				
974	FARABEUF-LAMBOTTE B.H.Fcp.26cm with ratchet	Cái	23.2235		Cái/ Gói				
975	LANGENBECK Bone Hold.Fcps 20cm	Cái	23.2240		Cái/ Gói				
976	HEY GROVES Bone Hold. Fcps. w.R 20 cm	Cái	23.2242		Cái/ Gói				
977	HEY GROVES Bone Hold. Fcps. w.R 25 cm	Cái	23.2244		Cái/ Gói				
978	HEY GROVES Bone Hold. Fcps. w.R 30 cm	Cái	23.2246		Cái/ Gói				
979	KERN Bone Hold. Forceps 14 cm	Cái	23.2250		Cái/ Gói				
980	KERN Bone Hold. Fcps. 14cm w.R	Cái	23.2251		Cái/ Gói				
981	KERN Bone Hold. Forceps 17 cm	Cái	23.2252		Cái/ Gói				
982	KERN Bone Hold. Fcps. 17cm w.R	Cái	23.2253		Cái/ Gói				
983	KERN Bone Hold. Forceps 21 cm	Cái	23.2254		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
984	KERN Bone Hold. Fcps. 21cm w.R	Cái	23.2255		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
985	KERN Bone Hold. Forceps 24 cm	Cái	23.2256		Cái/ Gói				
986	KERN Bone Hold. Fcps. 24cm w.R	Cái	23.2257		Cái/ Gói				
987	LANE Bone Hold. Forceps 33 cm	Cái	23.2260		Cái/ Gói				
988	LANE Bone Hold. Fcps. 33cm w.R	Cái	23.2261		Cái/ Gói				
989	LANE Bone Hold. Forceps 45 cm	Cái	23.2262		Cái/ Gói				
990	LANE Bone Hold. Fcps. 45cm w.R	Cái	23.2263		Cái/ Gói				
991	LAMBOTTE Bone Hold. Fcps. 22cm	Cái	23.2270		Cái/ Gói				
992	LAMBOTTE Bone Hold. Fcps. 26cm	Cái	23.2271		Cái/ Gói				
993	LAMBOTTE Bone Hold. Fcps. 30cm	Cái	23.2272		Cái/ Gói				
994	LAMBOTTE Bone Hold. Fcps. 26cm	Cái	23.2274		Cái/ Gói				
995	VERBRUGGE-BABY B.Hold.Fcp.17cm	Cái	23.2280		Cái/ Gói				
996	VERBRUGGE Bone Hold. Fcps.25cm	Cái	23.2282		Cái/ Gói				
997	VERBRUGGE Bone Hold. Fcps.26cm	Cái	23.2284		Cái/ Gói				
998	VERBRUGGE Bone Hold. Fcps.27cm	Cái	23.2286		Cái/ Gói				
999	REPOSITION Forceps 15 cm/ 9 mm self-centering	Cái	23.2290		Cái/ Gói				
1000	REPOSITION Forceps 19 cm/ 9 mm self-centering	Cái	23.2292		Cái/ Gói				
1001	REPOSITION Forceps 24 cm/14 mm self-centering	Cái	23.2294		Cái/ Gói				
1002	REPOSITION Forceps 26 cm/18 mm self-centering	Cái	23.2296		Cái/ Gói				
1003	REPOSITION Forceps 28cm /22 mm self-centering	Cái	23.2298		Cái/ Gói				
1004	ULRICH Bone Hold. Fcps. 18 cm	Cái	23.2300		Cái/ Gói				
1005	ULRICH Bone Hold. Fcps. 23 cm str.	Cái	23.2302		Cái/ Gói				
1006	ULRICH Bone Hold. Fcps. 25 cm str.	Cái	23.2304		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1007	ULRICH Bone Hold. Fcps. 25 cm angled to side	Cái	23.2305		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1008	ULRICH Bone Hold. Fcps. 28 cm str.	Cái	23.2306		Cái/ Gói				
1009	ULRICH Bone Hold. Fcps. 28 cm angled to side	Cái	23.2307		Cái/ Gói				
1010	LOWMAN Bone Clamp 12 cm 1x1	Cái	23.2490		Cái/ Gói				
1011	LOWMAN Bone Clamp 18 cm 1x1	Cái	23.2492		Cái/ Gói				
1012	LOWMAN Bone Clamp 20 cm 1x1	Cái	23.2494		Cái/ Gói				
1013	LOWMAN Bone Clamp 12 cm 1x2	Cái	23.2500		Cái/ Gói				
1014	LOWMAN Bone Clamp 18 cm 1x2	Cái	23.2502		Cái/ Gói				
1015	LOWMAN Bone Clamp 20 cm 1x2	Cái	23.2504		Cái/ Gói				
1016	LOWMAN Bone Clamp 22 cm 1x2	Cái	23.2506		Cái/ Gói				
1017	LOWMAN-HOGLUND Bone Clamp 12cm	Cái	23.2510		Cái/ Gói				
1018	LOWMAN-HOGLUND Bone Clamp 18cm	Cái	23.2512		Cái/ Gói				
1019	LAMBERT-LOWMAN Bone Clamp 19 cm	Cái	23.2520		Cái/ Gói				
1020	LAMBERT-LOWMAN Bone Clamp 22cm	Cái	23.2522		Cái/ Gói				
1021	GERSTER Traction Bar	Cái	23.2550		Cái/ Gói				
1022	CARROLL Tendon-Seiz.Fcps. 11,5 cm	Cái	23.3201		Cái/ Gói				
1023	BUCK-GRAMCKO Tendon Retreiver 20,5cm str	Cái	23.3204		Cái/ Gói				
1024	BUCK-GRAMCKO Tendon Retreiver 20,5cm cvd	Cái	23.3205		Cái/ Gói				
1025	BRAND Tendon-Seiz.Fcps. 15 cm str	Cái	23.3210		Cái/ Gói				
1026	BRAND Tendon-Seiz.Fcps. 19 str	Cái	23.3212		Cái/ Gói				
1027	BRAND Tendon-Seiz.Fcps. 25 str	Cái	23.3214		Cái/ Gói				
1028	KLEINERT-KUTZ Tendon-Seiz.Fcps 20 cm	Cái	23.3216		Cái/ Gói				
1029	HERZ Tendon-Seizing Forceps 15,5 cm 3 m	Cái	23.3218		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1030	HERZ Tendon-Seizing Forceps 15,5 cm 4mm	Cái	23.3219		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1031	LARSEN Tendon Seizing Fcps.10cm 2mm	Cái	23.3222		Cái/ Gói				
1032	LARSEN tendon Seizing Fcps.10cm 3mm	Cái	23.3223		Cái/ Gói				
1033	LARSEN Tendon Seizing Fcps.10cm 4mm	Cái	23.3224		Cái/ Gói				
1034	LARSEN Tendon Seizing Fcps.10cm 5mm	Cái	23.3225		Cái/ Gói				
1035	STEINMANN Tendon Seiz.Fcps.13	Cái	23.3230		Cái/ Gói				
1036	Tendon Interlacing Forceps 15 cm str.	Cái	23.3232		Cái/ Gói				
1037	Tendon Interlacing Forceps 15 cm cvd.	Cái	23.3233		Cái/ Gói				
1038	GRASPING Forceps, with ratchet Ø 3.4mm shaftlength 130mm SPECIAL - NO	Cái	23.3238		Cái/ Gói				
1039	Wire Tightening Fcps. w/side cutter 25cm AUTOMATIC max. cap. 1,2 mm soft wire	Cái	23.4040		Cái/ Gói				
1040	LOUTE Wire Twister 21 cm	Cái	23.4050		Cái/ Gói				
1041	DEMEL Wire Tightening Fcps. 28 cm	Cái	23.4060		Cái/ Gói				
1042	HABILIS Extraction Fcps. 18cm, 3 mm jaw	Cái	23.4113		Cái/ Gói				
1043	HABILIS Extraction Fcps. 18cm, 6mm jaw	Cái	23.4116		Cái/ Gói				
1044	UNIVERSAL Wire bending- and cutting Pl.	Cái	23.4150		Cái/ Gói				
1045	WIRE PLIERS D/A 18 cm / 5 mm	Cái	23.4205		Cái/ Gói				
1046	WIRE PLIERS D/A 18 cm/ 7 mm	Cái	23.4207		Cái/ Gói				
1047	STERNUM wire removal and cutting forceps slender pattern, angled 17cm for soft	Cái	23.4209		Cái/ Gói				
1048	WIRE-BENDING Pliers d/a 18 cm	Cái	23.4210		Cái/ Gói				
1049	WIRE PLIERS D/A 18cm del. PDUR	Cái	23.4213		Cái/ Gói				
1050	WIRE PLIERS D/A 18cm 3,5mmPDUR	Cái	23.4214		Cái/ Gói				
1051	WIRE PLIERS DA PROMEDUR 18 cm, 6 mm, Heavy Pattern	Cái	23.4216HP		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1052	WIRE PLIERS D/A 18cm 7 mm PDUR	Cái	23.4217		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1053	MATHIEU-STYLE Wire Twister 20 cm PDUR	Cái	23.4218		Cái/ Gói				
1054	RUBIO Wire Twister 13 cm PRDUR	Cái	23.4219		Cái/ Gói				
1055	RUBIO Wire Twister 15,5 cm PRDUR	Cái	23.4219.15		Cái/ Gói				
1056	RUBIO Wire Twister 17,5 cm PRDUR	Cái	23.4219.17		Cái/ Gói				
1057	RUBIO Wire Twister 19,5 cm PRDUR	Cái	23.4219.19		Cái/ Gói				
1058	MAYO-HABERISSER Wire Twister 15 cm blunt PROMEDUR	Cái	23.4220		Cái/ Gói				
1059	MAYO-HABERISSER Wire Twister 15 cm delic. PROMEDUR	Cái	23.4221		Cái/ Gói				
1060	MAYO-HABERISSER Wire Twister 18 cm blunt PROMEDUR	Cái	23.4222		Cái/ Gói				
1061	MAYO-HABERISSER Wire Twister 18 cm delic. PROMEDUR	Cái	23.4223		Cái/ Gói				
1062	MAYO-HABERISSER Wire Twister 20 cm blunt PROMEDUR	Cái	23.4224		Cái/ Gói				
1063	MAYO-HABERISSER Wire Twister WIRE TWISTER 20 cm delicate PROMEDUR	Cái	23.4225		Cái/ Gói				
1064	KORKHAUS Wire- and Ligature pliers 16,5	Cái	23.4228		Cái/ Gói				
1065	MARBURG FLAT NOSE Pliers 14 cm serrated, round tip 2 mm	Cái	23.4229		Cái/ Gói				
1066	WIRE PLIERS 17 cm serrated	Cái	23.4230		Cái/ Gói				
1067	FLAT NOSE Pliers 14 cm	Cái	23.4231		Cái/ Gói				
1068	WIRE PLIERS 17cm longt.+transv	Cái	23.4232		Cái/ Gói				
1069	HACKSTOCK Wire holding Forceps 16 cm	Cái	23.4234		Cái/ Gói				
1070	FLAT NOSE Pliers 19 cm	Cái	23.4235		Cái/ Gói				
1071	EXTRACTION Pliers f.wires 13cm	Cái	23.4236		Cái/ Gói				
1072	EXTRACTION Pliers f.wires 18cm	Cái	23.4238		Cái/ Gói				
1073	EXTRACTION Pliers f.wires 18 cm with lat jaws	Cái	23.4239		Cái/ Gói				
1074	WIRE-PLIERS parallel 18 cm SS	Cái	23.4253		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1075	WIRE-PLIERS parallel 18 cm w.side cutter	Cái	23.4255		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1076	Screw- and Pin Holding Pliers 20,5 cm	Cái	23.4260		Cái/ Gói				
1077	LOCKING Pliers 18cm SS	Cái	23.4262		Cái/ Gói				
1078	LOCKING Pliers 20 cm SS	Cái	23.4263		Cái/ Gói				
1079	LOCKING Pliers 24 cm SS	Cái	23.4264		Cái/ Gói				
1080	Needle Nosed Plier 22 cm	Cái	23.4265		Cái/ Gói				
1081	Needle Nosed Plier 25 cm	Cái	23.4266		Cái/ Gói				
1082	Needle Nosed Plier 30 cm	Cái	23.4267		Cái/ Gói				
1083	Bending iron for K-wires up to Ø 2,7 mm	Cái	23.4590		Cái/ Gói				
1084	WAGNER Bending Iron 30cm for K-wires up to Ø 3,0 mm	Cái	23.4593		Cái/ Gói				
1085	ADSON Dura-Protecting Fcps. 15cm	Cái	23.4990		Cái/ Gói				
1086	ALIGATOR GRASPING FORCEPS 4mm 13cm SPECIAL SERRATION	Cái	23.6350		Cái/ Gói				
1087	PERIARTICULAR reduction forceps medium with pointed ball tips 30cm	Cái	23.9828		Cái/ Gói				
1088	PERIARTICULAR reduction forceps large with pointed ball tips 33cm	Cái	23.9830		Cái/ Gói				
1089	LOCKING Pliers f. Extract. Hammer 18 cm	Cái	24.0962		Cái/ Gói				
1090	LOCKING Pliers f. Extract. Hammer 20 cm	Cái	24.0963		Cái/ Gói				
1091	LOCKING Pliers f. Extract. Hammer 24 cm	Cái	24.0964		Cái/ Gói				
1092	Needle Nosed Plier f. Extract. Hammer 22	Cái	24.0965		Cái/ Gói				
1093	Needle Nosed Plier f. Extract. Hammer 25	Cái	24.0966		Cái/ Gói				
1094	Needle Nosed Plier f. Extract. Hammer 30	Cái	24.0967		Cái/ Gói				
1095	ROD Gripping Forceps 20 cm	Cái	24.1086		Cái/ Gói				
1096	CUTTER for wires etc.up to 3mm, 30,5 cm	Cái	24.1094		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1097	BENDING Pliers 20 cm for plates up to 1,6 mm	Cái	24.1095		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1098	BENDING Pliers 24 cm for plates up to 3,0 mm	Cái	24.1096		Cái/ Gói				
1099	MESH-BENDING Pliers 22 cm Ø 30mm R22	Cái	24.1097		Cái/ Gói				
1100	Plates articulated tension device w join to tension of 20mm color scale yellow up	Cái	24.1100		Cái/ Gói				
1101	LANE Screwholding Fcps. 23 cm	Cái	24.2252		Cái/ Gói				
1102	Screwholding Fcps. self-holding 8 cm	Cái	24.2254		Cái/ Gói				
1103	LANE Screwholding Fcps. 18 cm	Cái	24.2258		Cái/ Gói				
1104	Cutting Pliers 13 cm PROMEDUR without spring	Cái	24.8340		Cái/ Gói				
1105	PLAT Nose Plier f.3-D Plates14	Cái	24.8342		Cái/ Gói				
1106	ADERER Plate-Modelling Plier 13 cm	Cái	24.8350		Cái/ Gói				
1107	CONE Skull Punch 19 cm up to 7 mm	Cái	27.0500		Cái/ Gói				
1108	CONE Skull Punch 23 cm up to 12 mm	Cái	27.0502		Cái/ Gói				
1109	DEVILBIS Rongeur 21 cm	Cái	27.0510		Cái/ Gói				
1110	DAHLGREN Rongeur 20 cm	Cái	27.0515		Cái/ Gói				
1111	PEAPOD Intevert.Disc.Rong. 14 cm 2x6 mm	Cái	27.2248		Cái/ Gói				
1112	ADSON Dress. Fcps. 18,5 cm bay	Cái	27.2500		Cái/ Gói				
1113	ADSON Dress. Fcps. 18,5 cm bay smooth	Cái	27.2500SM		Cái/ Gói				
1114	ADSON Diss. Forceps 18 cm bay.	Cái	27.2501		Cái/ Gói				
1115	ADSON Dress. Forceps 21 cm bay.	Cái	27.2504		Cái/ Gói				
1116	ADSON Diss. Forceps 21 cm bay.	Cái	27.2505		Cái/ Gói				
1117	ADSON Tiss. Fcps. 18,5 cm bay	Cái	27.2510		Cái/ Gói				
1118	HOEN Dress. Fcps. 20 cm bay	Cái	27.2520		Cái/ Gói				
1119	HOEN Tissue Fcps. 20 cm bay	Cái	27.2521		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1120	ADSON Hypophys.Fcps.23 cm str.	Cái	27.2540		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1121	ADSON Hypophys.Fcps.23 cm down	Cái	27.2541		Cái/ Gói				
1122	ADSON Hypophys.Fcps.23 cm upw.	Cái	27.2542		Cái/ Gói				
1123	McKENZIE Clips Silver 100 pcs.	Cái	27.2740		Cái/ Gói				
1124	RANEY Scalp Clips NICKEL x 12	Cái	27.2780		Cái/ Gói				
1125	CASPAR Lam. Rong. 14cm 2x12mm str fenestrated	Cái	27.6502		Cái/ Gói				
1126	CASPAR Lam. Rong. 14cm 3x12mm str fenestrated	Cái	27.6503		Cái/ Gói				
1127	CASPAR Lam. Rong. 14cm 4x14mm str fenestrated	Cái	27.6504		Cái/ Gói				
1128	CASPAR Lam. Rong. 14cm 5x14mm str fenestrated	Cái	27.6505		Cái/ Gói				
1129	CASPAR Lam. Rong. 14cm 6x16mm str fenestrated	Cái	27.6506		Cái/ Gói				
1130	CASPAR Lam. Rong. 14cm 2x12mm fenestrated cvd. up	Cái	27.6512		Cái/ Gói				
1131	CASPAR Lam. Rong. 14cm 3x12mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6513		Cái/ Gói				
1132	CASPAR Lam. Rong. 14cm 4x14mm fenestrated cvd. up	Cái	27.6514		Cái/ Gói				
1133	CASPAR Lam. Rong. 14cm 5x14mm fenestrated cvd. up	Cái	27.6515		Cái/ Gói				
1134	CASPAR Lam. Rong. 14cm 2x12mm fenestrated cvd. down	Cái	27.6522		Cái/ Gói				
1135	CASPAR Lam. Rong. 14cm 3x12mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6523		Cái/ Gói				
1136	CASPAR Lam. Rong. 14cm 4x14mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6524		Cái/ Gói				
1137	CASPAR Lam. Rong. 14cm 5x14mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6525		Cái/ Gói				
1138	CASPAR Lam. Rong. 16cm 2x12mm str fenestrated	Cái	27.6532		Cái/ Gói				
1139	CASPAR Lam. Rong. 16cm 3x12mm str fenestrated	Cái	27.6533		Cái/ Gói				
1140	CASPAR Lam. Rong. 16cm 4x14mm str fenestrated	Cái	27.6534		Cái/ Gói				
1141	CASPAR Lam. Rong. 16cm 5x16mm str fenestrated	Cái	27.6535		Cái/ Gói				
1142	CASPAR Lam. Rong. 16cm 6x16mm str fenestrated	Cái	27.6536		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1143	CASPAR Lam. Rong. 16cm 2x12mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6542		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1144	CASPAR Lam. Rong. 16cm 3x12mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6543		Cái/ Gói				
1145	CASPAR Lam. Rong. 14cm 4x16mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6544		Cái/ Gói				
1146	CASPAR Lam. Rong. 16cm 5x14mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6545		Cái/ Gói				
1147	CASPAR Lam. Rong. 16cm 2x12mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6552		Cái/ Gói				
1148	CASPAR Lam. Rong. 16cm 3x12mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6553		Cái/ Gói				
1149	CASPAR Lam. Rong. 16cm 4x14mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6554		Cái/ Gói				
1150	CASPAR Lam. Rong. 16cm 5x14mm cvd. down fenestrated	Cái	27.6555		Cái/ Gói				
1151	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 2x12mm str fenestrated	Cái	27.6562		Cái/ Gói				
1152	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 3x12mm str fenestrated	Cái	27.6563		Cái/ Gói				
1153	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 4x14mm str fenestrated	Cái	27.6564		Cái/ Gói				
1154	CASPAR Lam. Rong. 18cm 4x14mm str fenestrated, serrated	Cái	27.6564.18B		Cái/ Gói				
1155	CASPAR Lam. Rong. 25cm 4x14mm str fenestrated, serrated	Cái	27.6564.25B		Cái/ Gói				
1156	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 5x14mm str fenestrated	Cái	27.6565		Cái/ Gói				
1157	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 6x16mm str fenestrated	Cái	27.6566		Cái/ Gói				
1158	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 2x12mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6572		Cái/ Gói				
1159	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 3x12mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6573		Cái/ Gói				
1160	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 4x14mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6574		Cái/ Gói				
1161	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 5x14mm cvd. up fenestrated	Cái	27.6575		Cái/ Gói				
1162	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 2x12mm cvd.down fenestrated	Cái	27.6582		Cái/ Gói				
1163	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 3x12mm cvd.down fenestrated	Cái	27.6583		Cái/ Gói				
1164	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 4x14mm cvd.down fenestrated	Cái	27.6584		Cái/ Gói				
1165	CASPAR Lam. Rong. 18,5cm 5x14mm cvd.down fenestrated	Cái	27.6585		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1166	JACOBSON-MICRO Fcps. 11 cm 0,4 mm	Cái	28.0011		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1167	JACOBSON-MICRO Fcps. 15 cm 0,5 mm	Cái	28.0015		Cái/ Gói				
1168	JACOBSON-MICRO Fcps. 18 cm 0,5 mm	Cái	28.0018		Cái/ Gói				
1169	PRO-MED-JACOBSON-MICRO Fcps. 24cm 0,4x6 mm diamond tip	Cái	28.0024		Cái/ Gói				
1170	JACOBSON-ADSON Fcps. 12 cm	Cái	28.0030		Cái/ Gói				
1171	JACOBSON-ADSON Fcps. 12 cm 0,1mm "KOSHIMA"	Cái	28.0031		Cái/ Gói				
1172	JACOBSON-ADSON Fcps. 15 cm	Cái	28.0032		Cái/ Gói				
1173	MICRO-FORCEPS 120 mm straight ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0080		Cái/ Gói				
1174	MICRO-FORCEPS 120 mm curved ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0081		Cái/ Gói				
1175	MICRO-FORCEPS 150 mm straight 0,3mm ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0082		Cái/ Gói				
1176	MICRO-FORCEPS 150 mm curved ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0083		Cái/ Gói				
1177	MICRO-FORCEPS 180 mm straight 0,4mm ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0084		Cái/ Gói				
1178	MICRO-FORCEPS 180 mm curved ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0085		Cái/ Gói				
1179	MICRO-FORCEPS 210 mm straight ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0086		Cái/ Gói				
1180	MICRO-FORCEPS 210 mm curved ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0087		Cái/ Gói				
1181	MICRO-FORCEPS 180 mm straight 0,7mm ROUND HANDLE Ø 8 mm	Cái	28.0088		Cái/ Gói				
1182	HUNT Tumor Forceps 20 cm cvd. Ø 5 mm	Cái	28.0101		Cái/ Gói				
1183	YASARGIL Tumor Fcps. 22 cm Ø 3 mm	Cái	28.0103		Cái/ Gói				
1184	YASARGIL Tumor Fcps. 22 cm Ø 5 mm	Cái	28.0105		Cái/ Gói				
1185	YASARGIL Tumor Fcps. 22 cm Ø 3 mm	Cái	28.0113		Cái/ Gói				
1186	YASARGIL Tumor Fcps. 22 cm Ø 5 mm	Cái	28.0115		Cái/ Gói				
1187	HEIFETZ Tumor Fcps. 22 cm Ø 3 mm	Cái	28.0123		Cái/ Gói				
1188	HEIFETZ Tumor Fcps. 22 cm Ø 5 mm	Cái	28.0125		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1189	MICRO-FORCEPS 160mm bay. sharp	Cái	28.0128		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1190	MICRO-FORCEPS 185mm bay. sharp	Cái	28.0130		Cái/ Gói				
1191	MICRO-FORCEPS 185 mm bay. blunt	Cái	28.0132		Cái/ Gói				
1192	MICRO-FORCEPS 225mm bay. sharp	Cái	28.0136		Cái/ Gói				
1193	MICRO-FORCEPS 225mm bay. blunt	Cái	28.0138		Cái/ Gói				
1194	MICRO-FORCEPS 200mm bay. sharp 0,3mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0140AL		Cái/ Gói				
1195	MICRO-FORCEPS 200mm bay. blunt 0,5mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0142AL		Cái/ Gói				
1196	MICRO-FORCEPS 13 cm sharp	Cái	28.0200		Cái/ Gói				
1197	MICRO-FORCEPS 13 cm blunt	Cái	28.0202		Cái/ Gói				
1198	Micro-Forceps 15 cm straight sharp 0,2mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0220AL		Cái/ Gói				
1199	RHOTON Micro-Forceps 15 cm, 0,4 mm str.	Cái	28.0220S		Cái/ Gói				
1200	RHOTON Micro-Forceps 15 cm, Ø 0,4 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0220SD		Cái/ Gói				
1201	RHOTON Micro-Forceps 15 cm, Ø 0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0220T		Cái/ Gói				
1202	Micro-Forceps 15 cm curved sharp 0,2mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0221AL		Cái/ Gói				
1203	RHOTON Micro-Forceps 15 cm, Ø 0,4 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0221SD		Cái/ Gói				
1204	RHOTON Micro-Forceps 15 cm, 0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0221T		Cái/ Gói				
1205	Micro-Forceps 18 cm straight sharp 0,3mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0222AL		Cái/ Gói				
1206	RHOTON Micro-Forceps 18 cm, 0,4 mm str.	Cái	28.0222S		Cái/ Gói				
1207	RHOTON Micro-Forceps 18 cm, Ø 0,4 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0222SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1208	RHOTON Micro-Forceps 18cm,Ø 0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0222T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1209	Micro-Forceps 18 cm curved sharp 0,3mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0223AL		Cái/ Gói				
1210	RHOTON Micro-Forceps 18 cm,Ø 0,4 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0223SD		Cái/ Gói				
1211	RHOTON Micro-Forceps 18cm,Ø 0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0223T		Cái/ Gói				
1212	RHOTON Micro-Forceps 21 cm, 0,4 mm str.	Cái	28.0224S		Cái/ Gói				
1213	RHOTON Micro-Forceps 21 cm,Ø 0,4 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0224SD		Cái/ Gói				
1214	RHOTON Micro-Forceps 21cm,Ø 0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0224T		Cái/ Gói				
1215	RHOTON Micro-Forceps 21 cm,Ø 0,4 mm cvd INOX/DIAMOND	Cái	28.0225SD		Cái/ Gói				
1216	RHOTON Micro-Forceps 21cm,Ø 0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0225T		Cái/ Gói				
1217	RHOTON Micro-Forceps 23 cm,Ø 0,4 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0226SD		Cái/ Gói				
1218	RHOTON Micro-Forceps 23cm,Ø 0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0226T		Cái/ Gói				
1219	RHOTON Micro-Forceps 23 cm,Ø 0,4 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0227SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1220	RHOTON Micro-Forceps 23cm,Ø 0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0227T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1221	Micro-Forceps 15 cm straight blunt 0,3mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0230AL		Cái/ Gói				
1222	RHOTON Micro-Forceps 15 cm,Ø 0,8 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0230SD		Cái/ Gói				
1223	Micro-Forceps 15 cm curved blunt 0,3mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0231AL		Cái/ Gói				
1224	RHOTON Micro-Forceps 15 cm,Ø 0,8 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0231SD		Cái/ Gói				
1225	RHOTON Micro-Forceps 15cm,Ø 0,8 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0231T		Cái/ Gói				
1226	Micro-Forceps 18 cm straight blunt 0,4mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0232AL		Cái/ Gói				
1227	RHOTON Micro-Forceps 18 cm,Ø 0,8 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0232SD		Cái/ Gói				
1228	RHOTON Micro-Forceps 18cm,Ø 0,8 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0232T		Cái/ Gói				
1229	Micro-Forceps 18 cm curved blunt 0,4mm ROUND Lightweight handle	Cái	28.0233AL		Cái/ Gói				
1230	RHOTON Micro-Forceps 18 cm,Ø 0,8 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0233SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1231	RHOTON Micro-Forceps 18cm,Ø 0,8 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0233T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1232	RHOTON Micro-Forceps 21 cm,Ø 0,8 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0234SD		Cái/ Gói				
1233	RHOTON Micro-Forceps 21cm,Ø 0,8 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0234T		Cái/ Gói				
1234	RHOTON Micro-Forceps 21 cm,Ø 0,8 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0235SD		Cái/ Gói				
1235	RHOTON Micro-Forceps 21cm,Ø 0,8 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0235T		Cái/ Gói				
1236	RHOTON Micro-Forceps 23 cm,Ø 0,8 mm str. INOX/DIAMOND	Cái	28.0236SD		Cái/ Gói				
1237	RHOTON Micro-Forceps 23 cm,Ø 0,8 mm cvd. INOX/DIAMOND	Cái	28.0237SD		Cái/ Gói				
1238	RHOTON Micro-Forceps 23cm,Ø 0,8 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0237T		Cái/ Gói				
1239	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 15 cm Ø1x0,5 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0240SD		Cái/ Gói				
1240	RHOTON Ring-Tissue Fcps. 15 cmØ 1x0,5 mm TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0240T		Cái/ Gói				
1241	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cm Ø1x0,5 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0242SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1242	RHOTON Ring-Tissue Fcps. 18 cm Ø1x0,5 m TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0242T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1243	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm Ø1x0,5 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0244SD		Cái/ Gói				
1244	RHOTON Ring-Tissue Fcps. 21 cm, Ø1x0,5 TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0244T		Cái/ Gói				
1245	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 23 cm Ø1x0,5 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0246SD		Cái/ Gói				
1246	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 23 cm Ø1x0,5 mm TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0246T		Cái/ Gói				
1247	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 15 cm Ø2x1,0 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0250SD		Cái/ Gói				
1248	RHOTON Ring-Tissue Fcps. 15 cm Ø 1x0,5 m TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0250T		Cái/ Gói				
1249	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cmØ 2x1,0 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0252SD		Cái/ Gói				
1250	RHOTON Ring-Tissue Fcps. 18 cm Ø2x1,0 mm TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0252T		Cái/ Gói				
1251	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm Ø2x1,0 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0254SD		Cái/ Gói				
1252	RHOTON Ring-Tissue Fcps. 21 cm Ø 2x1,0mm TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0254T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1253	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 23 cm Ø2x1,0 mm STAINLESS/DIAMOND	Cái	28.0256SD		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Günsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Günsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1254	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 23 cm Ø2x1,0 mm TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0256T		Cái/ Gói				
1255	MICRO Tying Fcps. 15 cm 0,3 mm str. ROUND Lightweight handle	Cái	28.0260AL		Cái/ Gói				
1256	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4mm str. DIAMOND	Cái	28.0260SD		Cái/ Gói				
1257	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0260T		Cái/ Gói				
1258	MICRO Tying Fcps. 15 cm 0,3 mm cvd. ROUND Lightweight handle	Cái	28.0261AL		Cái/ Gói				
1259	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4mm cvd. DIAMOND	Cái	28.0261SD		Cái/ Gói				
1260	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0261T		Cái/ Gói				
1261	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4mm str. DIAMOND	Cái	28.0262SD		Cái/ Gói				
1262	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0262T		Cái/ Gói				
1263	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4mm cvd. DIAMOND	Cái	28.0263SD		Cái/ Gói				
1264	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0263T		Cái/ Gói				
1265	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,4mm str. DIAMOND	Cái	28.0264SD		Cái/ Gói				
1266	RHOTON Tying Fcps. 21 cm/0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0264T		Cái/ Gói				
1267	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,4mm cvd. DIAMOND	Cái	28.0265SD		Cái/ Gói				
1268	RHOTON Tying Fcps. 21 cm/0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0265T		Cái/ Gói				
1269	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,4mm str. DIAMOND	Cái	28.0266SD		Cái/ Gói				
1270	RHOTON Tying Fcps. 23 cm/0,4 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0266T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1271	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,4mm cvd. DIAMOND	Cái	28.0267SD		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1272	RHOTON Tying Fcps. 23 cm/0,4 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0267T		Cái/ Gói				
1273	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,8 mm str. DIAMOND	Cái	28.0270SD		Cái/ Gói				
1274	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,8 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0270T		Cái/ Gói				
1275	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,8 mm cvd. DIAMOND	Cái	28.0271SD		Cái/ Gói				
1276	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,8 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0271T		Cái/ Gói				
1277	MICRO Tying Fcps. 18 cm 0,6 mm str. ROUND Lightweight handle	Cái	28.0272AL		Cái/ Gói				
1278	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,8 mm str. DIAMOND	Cái	28.0272SD		Cái/ Gói				
1279	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8 mm str. TITANIUM/DIAMANT	Cái	28.0272T		Cái/ Gói				
1280	MICRO Tying Fcps. 18 cm 0,6 mm cvd. ROUND Lightweight handle	Cái	28.0273AL		Cái/ Gói				
1281	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,8 mm cvd. DIAMOND	Cái	28.0273SD		Cái/ Gói				
1282	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8 mm cvd. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0273T		Cái/ Gói				
1283	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,8 mm str. DIAMOND	Cái	28.0274SD		Cái/ Gói				
1284	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8 mm str. TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0274T		Cái/ Gói				
1285	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,8 mm cvd., DIAMOND	Cái	28.0275SD		Cái/ Gói				
1286	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0275T		Cái/ Gói				
1287	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,8 mm str., DIAMOND	Cái	28.0276SD		Cái/ Gói				
1288	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,8 mm str., TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0276T		Cái/ Gói				
1289	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,8 mm cvd., DIAMOND	Cái	28.0277SD		Cái/ Gói				
1290	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,8 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND	Cái	28.0277T		Cái/ Gói				
1291	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,4 mm str., 1x2	Cái	28.0280S		Cái/ Gói				
1292	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,4 mm str., DIAMOND 1x2	Cái	28.0280SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1293	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,4 mm str., TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0280T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1294	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,4 mm cv, DIAMOND 1x2	Cái	28.0281SD		Cái/ Gói				
1295	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,4 mm cv, 1x2 TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0281T		Cái/ Gói				
1296	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,4 mm str., DIAMOND 1x2	Cái	28.0282SD		Cái/ Gói				
1297	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,4 mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0282T		Cái/ Gói				
1298	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,4 mm cv, DIAMOND 1x2	Cái	28.0283SD		Cái/ Gói				
1299	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,4 mm cv, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0283T		Cái/ Gói				
1300	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,4 mm st, 1x2	Cái	28.0284S		Cái/ Gói				
1301	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,4 mm str., DIAMOND 1x2	Cái	28.0284SD		Cái/ Gói				
1302	RHOTON Tying Fcps. 21cm 6x0,4 mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0284T		Cái/ Gói				
1303	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,4 mm cvd., DIAMOND 1x2	Cái	28.0285SD		Cái/ Gói				
1304	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,4 mm cv, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0285T		Cái/ Gói				
1305	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,4 mm str., DIAMOND 1x2	Cái	28.0286SD		Cái/ Gói				
1306	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,4 mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0286T		Cái/ Gói				
1307	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,4 mm cvd., DIAMOND 1x2	Cái	28.0287SD		Cái/ Gói				
1308	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,4 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0287T		Cái/ Gói				
1309	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,8 mm str., DIAMOND 1x2	Cái	28.0290SD		Cái/ Gói				
1310	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,8mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0290T		Cái/ Gói				
1311	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,8 mm cvd., DIAMOND 1x2	Cái	28.0291SD		Cái/ Gói				
1312	RHOTON Tying Fcps. 15 cm 6x0,8mm cv, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0291T		Cái/ Gói				
1313	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8 mm str., DIAMOND 1x2	Cái	28.0292SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1314	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0292T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1315	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8 mm cvd., DIAMOND 1x2	Cái	28.0293SD		Cái/ Gói				
1316	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8mm cv, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0293T		Cái/ Gói				
1317	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8 mm str, DIAMOND 1x2	Cái	28.0294SD		Cái/ Gói				
1318	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0294T		Cái/ Gói				
1319	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8 mm cv, DIAMOND 1x2	Cái	28.0295SD		Cái/ Gói				
1320	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8mm cv, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0295T		Cái/ Gói				
1321	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,8 mm str, DIAMOND 1x2	Cái	28.0296SD		Cái/ Gói				
1322	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,8mm st, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0296T		Cái/ Gói				
1323	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,8 mm cv, DIAMOND 1x2	Cái	28.0297SD		Cái/ Gói				
1324	RHOTON Tying Fcps. 23 cm 6x0,8mm cvd, TITANIUM/DIAMOND 1x2	Cái	28.0297T		Cái/ Gói				
1325	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 23 cm 1x0,5 mm, TITANIUM/DIAMOND "BAYONET"	Cái	28.0301T		Cái/ Gói				
1326	DEBAKEY-Micro-Forceps 15cm/ 1,2 mm,	Cái	28.0320S		Cái/ Gói				
1327	DEBAKEY-Micro Forceps 15cm/ 1,2 mm TI,	Cái	28.0320T		Cái/ Gói				
1328	DEBAKEY-Micro-Forceps 18cm/ 1,2 mm,	Cái	28.0322S		Cái/ Gói				
1329	DEBAKEY-Micro Forceps 18cm/ 1,2 mm TI,	Cái	28.0322T		Cái/ Gói				
1330	DEBAKEY-Micro-Forceps 21cm/ 1,2 mm,	Cái	28.0324S		Cái/ Gói				
1331	DEBAKEY-Micro Forceps 21cm/ 1,2 mm TI,	Cái	28.0324T		Cái/ Gói				
1332	DEBAKEY-Micro-Forceps 23cm/ 1,2 mm,	Cái	28.0326S		Cái/ Gói				
1333	DEBAKEY-Micro-Forceps 23cm/ 1,2 mm TI,	Cái	28.0326T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1334	DEBAKEY-Micro-Forceps 15cm/ 1,8 mm,	Cái	28.0330S		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänssäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänssäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1335	DEBAKEY-Micro Forceps 15cm/ 1,8 mm TI,	Cái	28.0330T		Cái/ Gói				
1336	DEBAKEY-Micro-Forceps 18cm/ 1,8 mm,	Cái	28.0332S		Cái/ Gói				
1337	DEBAKEY-Micro Forceps 18cm/ 1,8 mm TI,	Cái	28.0332T		Cái/ Gói				
1338	DEBAKEY-Micro-Forceps 21cm/ 1,8 mm,	Cái	28.0334S		Cái/ Gói				
1339	DEBAKEY-Micro Forceps 21cm/ 1,8 mm TI,	Cái	28.0334T		Cái/ Gói				
1340	DEBAKEY-Micro-Forceps 23cm/ 1,8 mm,	Cái	28.0336S		Cái/ Gói				
1341	DEBAKEY-Micro-Forceps 23cm/ 1,8 mm TI,	Cái	28.0336T		Cái/ Gói				
1342	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cm 1x0,5 mm, STAINLESS/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0342SD		Cái/ Gói				
1343	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cm 1x0,5 mm, TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0342T		Cái/ Gói				
1344	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm 1x0,5 mm, STAINLESS/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0344SD		Cái/ Gói				
1345	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm 1x0,5 mm, TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0344T		Cái/ Gói				
1346	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cm 2x1,0 mm, STAINLESS/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0352SD		Cái/ Gói				
1347	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cm 2x1,0 mm, TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0352T		Cái/ Gói				
1348	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm 2x1,0 mm, STAINLESS/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0354SD		Cái/ Gói				
1349	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm 2x1,0 m, TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0354T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1350	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4mm str., "BALANCE"	Cái	28.0360S		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1351	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0360SD		Cái/ Gói				
1352	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4mm cvd., "BALANCE"	Cái	28.0361S		Cái/ Gói				
1353	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,4mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0361SD		Cái/ Gói				
1354	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0362SD		Cái/ Gói				
1355	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0362T		Cái/ Gói				
1356	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4mm cvd., "BALANCE"	Cái	28.0363S		Cái/ Gói				
1357	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0363SD		Cái/ Gói				
1358	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,4 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0363T		Cái/ Gói				
1359	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,4mm str., "BALANCE"	Cái	28.0364S		Cái/ Gói				
1360	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,4mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0364SD		Cái/ Gói				
1361	RHOTON Tying Fcps. 21 cm/0,4 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0364T		Cái/ Gói				
1362	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,4mm cvd., "BALANCE"	Cái	28.0365S		Cái/ Gói				
1363	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,4mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0365SD		Cái/ Gói				
1364	RHOTON Tying Fcps. 21 cm/0,4 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0365T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1365	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,4mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0366SD		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1366	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,4mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0367SD		Cái/ Gói				
1367	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,8mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0370SD		Cái/ Gói				
1368	RHOTON Tying Fcps. 15 cm, 6x0,8mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0371SD		Cái/ Gói				
1369	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,8mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0372SD		Cái/ Gói				
1370	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0372T		Cái/ Gói				
1371	RHOTON Tying Fcps. 18 cm, 6x0,8mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0373SD		Cái/ Gói				
1372	RHOTON Tying Fcps. 18 cm 6x0,8 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0373T		Cái/ Gói				
1373	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,8mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0374SD		Cái/ Gói				
1374	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0374T		Cái/ Gói				
1375	RHOTON Tying Fcps. 21 cm, 6x0,8mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0375SD		Cái/ Gói				
1376	RHOTON Tying Fcps. 21 cm 6x0,8 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0375T		Cái/ Gói				
1377	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,8mm str., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0376SD		Cái/ Gói				
1378	RHOTON Tying Fcps. 23 cm, 6x0,8mm cvd., DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0377SD		Cái/ Gói				
1379	RHOTON Micro-Forceps 18 cm, 0,4 mm str., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0382SD		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1380	RHOTON Micro-Forceps 18cm/0,4 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0382T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1381	RHOTON Micro-Forceps 18 cm, 0,4 mm cvd., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0383SD		Cái/ Gói				
1382	RHOTON Micro-Forceps 18cm/0,4 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0383T		Cái/ Gói				
1383	RHOTON Micro-Forceps 21 cm, 0,4 mm str., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0384SD		Cái/ Gói				
1384	RHOTON Micro-Forceps 21cm/0,4 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0384T		Cái/ Gói				
1385	RHOTON Micro-Forceps 21 cm, 0,4 mm cvd., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0385SD		Cái/ Gói				
1386	RHOTON Micro-Forceps 21cm/0,4 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0385T		Cái/ Gói				
1387	RHOTON Micro-Forceps 18 cm, 0,8 mm str., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0392SD		Cái/ Gói				
1388	RHOTON Micro-Forceps 18cm/0,8 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0392T		Cái/ Gói				
1389	RHOTON Micro-Forceps 18 cm, 0,8 mm cvd., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0393SD		Cái/ Gói				
1390	RHOTON Micro-Forceps 18cm/0,8 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0393T		Cái/ Gói				
1391	RHOTON Micro-Forceps 21 cm, 0,8 mm str., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0394SD		Cái/ Gói				
1392	RHOTON Micro-Forceps 21cm/0,8 mm str., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0394T		Cái/ Gói				
1393	RHOTON Micro-Forceps 21 cm, 0,8 mm cvd., INOX/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0395SD		Cái/ Gói				
1394	RHOTON Micro-Forceps 21cm/0,8 mm cvd., TITANIUM/DIAMOND "BALANCE"	Cái	28.0395T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1395	DEBAKEY-Micro-Forceps 21cm/ 1,2 mm, "BALANCE"	Cái	28.0424S		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1396	SAMII Ring Tissue Fcps. 23 cm Ø 3 mm, cvd. outward	Cái	28.0490		Cái/ Gói				
1397	SAMII Ring Tissue Fcps. 23 cm Ø 4 mm, cvd. outward	Cái	28.0491		Cái/ Gói				
1398	SAMII Ring Tissue Fcps. 23 cm Ø 5 mm, cvd. outward	Cái	28.0492		Cái/ Gói				
1399	SAMII Ring Tissue Fcps. 23 cm Ø 3 mm, cvd. inward	Cái	28.0495		Cái/ Gói				
1400	SAMII Ring Tissue Fcps. 23 cm Ø 4 mm, cvd. inward	Cái	28.0496		Cái/ Gói				
1401	SAMII Ring Tissue Fcps. 23 cm Ø 5 mm, cvd. inward	Cái	28.0497		Cái/ Gói				
1402	MICRO-FORCEPS 16cm / 0,6mm profile-hdle.,	Cái	28.0600		Cái/ Gói				
1403	MICRO-FORCEPS 18cm / 0,6mm profile-hdle.,	Cái	28.0602		Cái/ Gói				
1404	MICRO-FORCEPS 20cm / 0,6mm profile-hdle.,	Cái	28.0604		Cái/ Gói				
1405	MICRO-FORCEPS 22cm / 0,6mm profile-hdle.,	Cái	28.0606		Cái/ Gói				
1406	MICRO-FORCEPS 24cm / 0,6mm profile-hdle.,	Cái	28.0608		Cái/ Gói				
1407	MICRO-FORCEPS 16cm / 0,9mm profile-hdle.,	Cái	28.0610		Cái/ Gói				
1408	MICRO-FORCEPS 18cm / 0,9mm profile-hdle.,	Cái	28.0612		Cái/ Gói				
1409	MICRO-FORCEPS 20cm / 0,9mm profile-hdle.,	Cái	28.0614		Cái/ Gói				
1410	MICRO-FORCEPS 22cm / 0,9mm profile-hdle.,	Cái	28.0616		Cái/ Gói				
1411	MICRO-FORCEPS 24cm / 0,9mm profile-hdle.,	Cái	28.0618		Cái/ Gói				
1412	MICRO-FORCEPS 18cm / 1x2 profile-hdle.,	Cái	28.0622		Cái/ Gói				
1413	MICRO-FORCEPS 20cm / 1x2 profile-hdle.,	Cái	28.0624		Cái/ Gói				
1414	RING-TISSUE-FORCEPS 24 cm Ø 3 mm,	Cái	28.0700		Cái/ Gói				
1415	RING-TISSUE-FORCEPS 24 cm Ø 5 mm,	Cái	28.0702		Cái/ Gói				
1416	RING-TISSUE-FORCEPS 24 cm Ø 7 mm,	Cái	28.0704		Cái/ Gói				
1417	RING-TISSUE-FORCEPS 22 cm Ø 3 mm,	Cái	28.0710		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1418	RING-TISSUE-FORCEPS 22 cm Ø 5 mm,	Cái	28.0712		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1419	RING-TISSUE-FORCEPS serr. 22 cm Ø 3 mm,	Cái	28.0714		Cái/ Gói				
1420	RING-TISSUE-FORCEPS serr. 16 cm Ø 3 mm,	Cái	28.0714.16		Cái/ Gói				
1421	RING-TISSUE-FORCEPS serr. 20 cm Ø 3 mm,	Cái	28.0714.20		Cái/ Gói				
1422	HEIFETZ Ring Tissue Fcps.serr.22cm Ø 3mm,	Cái	28.0715		Cái/ Gói				
1423	RING-TISSUE-FORCEPS serr. 22 cm Ø 5 mm,	Cái	28.0716		Cái/ Gói				
1424	RING-TISSUE-FORCEPS serr. 16 cm Ø 5 mm, bayonet YASARGIL	Cái	28.0716.16		Cái/ Gói				
1425	RING-TISSUE-FORCEPS serr. 20 cm Ø 5 mm,	Cái	28.0716.20		Cái/ Gói				
1426	HEIFETZ Ring Tissue Fcps.serr.22cm Ø 5mm,	Cái	28.0717		Cái/ Gói				
1427	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 18 cm Ø1x0,5 mm, STAINLESS/DIAMOND/TYING PLATFORM	Cái	28.0742SD		Cái/ Gói				
1428	RHOTON Ring-Tissue-Fcps. 21 cm Ø1x0,5 mm, STAINLESS/DIAMOND/TYING PLATFORM	Cái	28.0744SD		Cái/ Gói				
1429	RHOTON Micro Cup Fcp. 150 / 1 mm oval st,	Cái	28.0800		Cái/ Gói				
1430	RHOTON Micro Cup Fcp. 180 / 1 mm oval st, with "ceramic" TiAlN coating DELICATE	Cái	28.0800.18B		Cái/ Gói				
1431	RHOTON Micro Cup Fcp. 150 / 1 mm oval st, with "ceramic" TiAlN coating DELICATE	Cái	28.0800B		Cái/ Gói				
1432	RHOTON Micro Cup Fcp. 150 / 1 mm oval, cvd. right	Cái	28.0801		Cái/ Gói				
1433	RHOTON Micro Cup Fcp. 150 / 1 mm oval, cvd. left	Cái	28.0803		Cái/ Gói				
1434	RHOTON Micro Cup Fcp. 150 / 2 mm round s,	Cái	28.0804		Cái/ Gói				
1435	SILK-TOUCH Micro-forceps str. 0,5 mm., 19 cm, w/ 70mm, bayonet	Cái	28.0850		Cái/ Gói				
1436	SILK-TOUCH Micro-forceps str. 0,5 mm., 21 cm, w/ 90mm, bayonet	Cái	28.0853		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1437	SILK-TOUCH Micro-forceps str. 0,5 mm, 24 cm, w/l 120mm, bayonet	Cái	28.0856		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1438	SILK-TOUCH Micro-forceps str. 0,15 mm,, 11 cm	Cái	28.1001		Cái/ Gói				
1439	SILK-TOUCH Micro-forceps str. 0,5 mm 1x2, 11 cm	Cái	28.1004		Cái/ Gói				
1440	Micro-forceps 14 cm 0,1mm EXTRA DELICATE, "KOSHIMA"	Cái	28.1101		Cái/ Gói				
1441	Micro-forceps 14 cm 0,2mm VERY DELICATE, "KOSHIMA"	Cái	28.1102		Cái/ Gói				
1442	MICRO-JEWELLERS Forceps # 4, 11 cm 0,2mm,	Cái	28.1604		Cái/ Gói				
1443	MICRO-JEWELLERS Forceps # 5, 11 cm 0,2mm,	Cái	28.1605		Cái/ Gói				
1444	KOSHIMA-Select Microforceps 11 cm 0,1 mm, Jeweller Type	Cái	28.1605 SELECT		Cái/ Gói				
1445	MICRO-JEWELLERS Forceps # 7, 11 cm 0,3mm, curved	Cái	28.1607		Cái/ Gói				
1446	MICRO-JEWELLERS Forceps # 7, 11 cm 0,2mm, curved SELECT	Cái	28.1607 SELECT		Cái/ Gói				
1447	MICRO-JEWELLERS Forceps #5s 45° 10,5cm, 0,3mm angled	Cái	28.1608		Cái/ Gói				
1448	MICRO-JEWELLERS Forceps #5s 45° 10,5cm, 0,2mm angled SELECT	Cái	28.1608 SELECT		Cái/ Gói				
1449	MICRO-JEWELLERS Forceps #5 90° 10,5cm, 0,3mm angled	Cái	28.1609		Cái/ Gói				
1450	LANDOLT Hypophyseal. Fcps.21,5 cm angled,	Cái	28.4083		Cái/ Gói				
1451	MICRO Forceps straight, Pen-type handle	Cái	28.4100		Cái/ Gói				
1452	MICRO Forceps curved up, Pen-type handle	Cái	28.4101		Cái/ Gói				
1453	MICRO Forceps curved right, Pen-type handle	Cái	28.4103		Cái/ Gói				
1454	MICRO Forceps curved left, Pen-type handle	Cái	28.4104		Cái/ Gói				
1455	MICRO Forceps straight, Pen-type handle	Cái	28.4105		Cái/ Gói				
1456	MICRO Forceps curved up, Pen-type handle	Cái	28.4106		Cái/ Gói				
1457	MICRO Forceps curved right, Pen-type handle	Cái	28.4107		Cái/ Gói				
1458	MICRO Forceps curved left, Pen-type handle	Cái	28.4109		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1459	MICRO Forceps straight 1x2, Pen-type handle	Cái	28.4110		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1460	MICRO Forceps cvd. up 1x2, Pen-type handle	Cái	28.4111		Cái/ Gói				
1461	MICRO Forceps cup-sh. 1 mm str., Pen-type handle	Cái	28.4201		Cái/ Gói				
1462	MICRO Forceps cup-sh. 1 mm str.MALLeable, Pen-type handle	Cái	28.4201M		Cái/ Gói				
1463	MICRO Forceps cup-sh. 1,5 mm str., Pen-type handle	Cái	28.4202		Cái/ Gói				
1464	MICRO Forceps cup-sh. 2 mm str., Pen-type handle	Cái	28.4203		Cái/ Gói				
1465	MICRO Forceps cup-sh. 2,5 mm str., Pen-type handle	Cái	28.4204		Cái/ Gói				
1466	MICRO Forceps cup-sh. 1 mm cvd.up, Pen-type handle	Cái	28.4211		Cái/ Gói				
1467	MICRO Forceps cup-sh.1,5mm cvd.up, Pen-type handle	Cái	28.4212		Cái/ Gói				
1468	MICRO Forceps cup-sh. 2 mm cvd.up, Pen-type handle	Cái	28.4213		Cái/ Gói				
1469	MICRO Forceps cup-sh.2,5mm cvd.up, Pen-type handle	Cái	28.4214		Cái/ Gói				
1470	MICRO Forceps cub-sh. 1 mm cvd. up, Pen-type handle	Cái	28.4221		Cái/ Gói				
1471	MICRO Forceps cup-sh.1,5mm cvd., right Pen-type handle	Cái	28.4222		Cái/ Gói				
1472	MICRO Forceps cup-sh.2mm cvd.righ, Pen-type handle	Cái	28.4223		Cái/ Gói				
1473	MICRO Forceps cup-sh.2,5mm cvd., right Pen-type handle	Cái	28.4224		Cái/ Gói				
1474	MICRO Forceps cup-sh.1mm cvd.left, Pen-type handle	Cái	28.4231		Cái/ Gói				
1475	MICRO Forceps cup-sh.1,5mm cvd., left Pen-type handle	Cái	28.4232		Cái/ Gói				
1476	MICRO Forceps cup-sh.2mm cvd.left, Pen-type handle	Cái	28.4233		Cái/ Gói				
1477	MICRO Forceps cup-sh.2,5mm cvd., left Pen-type handle	Cái	28.4234		Cái/ Gói				
1478	MICRO Forceps oval straight, Pen-type handle	Cái	28.4241		Cái/ Gói				
1479	MICRO Forceps oval cvd. up, Pen-type handle	Cái	28.4242		Cái/ Gói				
1480	MICRO Forceps oval cvd. to right, Pen-type handle	Cái	28.4243		Cái/ Gói				
1481	MICRO Forceps oval cvd. left, Pen-type handle	Cái	28.4244		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1482	NICOLA MICRO Forceps 16,5 cm,	Cái	28.4410		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1483	NICOLA Micro-Fcps.cup-sh.16,5cm Ø 2,5mm,	Cái	28.4420		Cái/ Gói				
1484	VESSEL Dilator 11cm, 0,3 mm 10° angled,	Cái	28.4900		Cái/ Gói				
1485	VESSEL Dilator 18cm, 0,3 mm 10° angled,	Cái	28.4900.18		Cái/ Gói				
1486	Micro Vessel Dilator angled 10°, 0.1 x 8.0mm jaw flat 9mm wide handle	Cái	28.4901 SELECT		Cái/ Gói				
1487	Micro Vessel Dilator angled 10°, 0.2 x 8.0mm jaw flat 9mm wide handle	Cái	28.4902 SELECT		Cái/ Gói				
1488	Micro Vessel Dilator angled 10°, 0.3 x 4.0mm jaw flat 9mm wide handle	Cái	28.4903 SELECT		Cái/ Gói				
1489	Micro Vessel Cannulation Fcps. 45° ang., Ø 0.35mm Tip, flat 9mm wide handle 12 cm	Cái	28.4911.35 SELECT		Cái/ Gói				
1490	Micro Vessel Cannulation Fcps. 45° ang., Ø 0.6mm Tip, flat 9mm wide handle 12 cm	Cái	28.4911.60 SELECT		Cái/ Gói				
1491	Micro Vessel Cannulation Fcps. 45° ang., Ø 0.6mm Tip, flat 9mm wide handle 13,5cm	Cái	28.4913.60 SELECT		Cái/ Gói				
1492	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,8 str.,	Cái	30.2000		Cái/ Gói				
1493	GRAEFE Iris Forceps 10 cm del.str., TITANIUM	Cái	30.2000T		Cái/ Gói				
1494	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,8 l.cv,	Cái	30.2001		Cái/ Gói				
1495	GRAEFE Iris Forceps 10 cm del.l.cvd., TITANIUM	Cái	30.2001T		Cái/ Gói				
1496	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,8 st.cv,	Cái	30.2003		Cái/ Gói				
1497	GRAEFE Iris Forceps 10 cm del.st.cv, TITANIUM	Cái	30.2003T		Cái/ Gói				
1498	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,5 str,	Cái	30.2004		Cái/ Gói				
1499	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,5 lcv,	Cái	30.2005		Cái/ Gói				
1500	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,5 scv,	Cái	30.2007		Cái/ Gói				
1501	GRAEFE-SELECT Iris Fcps. 10cm 0,8 45°,	Cái	30.2009		Cái/ Gói				
1502	GRAEFE-SELECT Iris Fcps.10cm 0,8 1x2 str,	Cái	30.2010		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1503	GRAEFE-SELECT Iris Fcps.10cm 0,8 1x2 lcv,	Cái	30.2011		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1504	GRAEFE-SELECT Iris Fcps.10cm 0,8 1x2 scv,	Cái	30.2013		Cái/ Gói				
1505	GRAEFE-SELECT Iris Fcps10cm0,5 1x2 str,	Cái	30.2014		Cái/ Gói				
1506	GRAEFE-SELECT Iris Fcps10cm0,5 1x2 lcv,	Cái	30.2015		Cái/ Gói				
1507	GRAEFE-SELECT Iris Fcps10cm0,5 1x2 scv,	Cái	30.2017		Cái/ Gói				
1508	FISHER-ARLT Iris Forceps 7 cm 1x2,	Cái	30.2020		Cái/ Gói				
1509	GRAEFE Iris Forceps 7 cm str. 0.7 mm,	Cái	30.2050		Cái/ Gói				
1510	GRAEFE Iris Forceps 7 cm cvd. 0.7 mm,	Cái	30.2051		Cái/ Gói				
1511	GRAEFE Iris Forceps 7 cm str.1x2, 0.7 m,	Cái	30.2056		Cái/ Gói				
1512	GRAEFE Iris Forceps 7 cm cvd.1x2, 0.7 m,	Cái	30.2057		Cái/ Gói				
1513	STEVENS Iris Forceps straight,	Cái	30.2062		Cái/ Gói				
1514	STEVENS Iris Forceps l. cvd.,	Cái	30.2063		Cái/ Gói				
1515	STEVENS Iris Forceps st. cvd.,	Cái	30.2065		Cái/ Gói				
1516	STEVENS Iris Forceps 10 cm 1x2 str.,	Cái	30.2066		Cái/ Gói				
1517	STEVENS Iris Forceps 10 cm 1x2 l.cv,	Cái	30.2067		Cái/ Gói				
1518	STEVENS Iris Forceps 10 cm 1x2 s.cv,	Cái	30.2069		Cái/ Gói				
1519	FOERSTER Iris Forceps 8,5 cm str,	Cái	30.2070		Cái/ Gói				
1520	FOERSTER Iris Forceps 8,5 cm cvd,	Cái	30.2071		Cái/ Gói				
1521	FOERSTER Iris Forceps 8,5 cm str.1x2,	Cái	30.2076		Cái/ Gói				
1522	FOERSTER Iris Forceps 8,5 cm cvd.1x2,	Cái	30.2077		Cái/ Gói				
1523	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,8 mm, "Criss-Cross"	Cái	30.2078		Cái/ Gói				
1524	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,8 mm,	Cái	30.2080		Cái/ Gói				
1525	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,5,	Cái	30.2082		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1526	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,3,	Cái	30.2083		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1527	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,8,1x2,	Cái	30.2086		Cái/ Gói				
1528	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,5,1x2,	Cái	30.2088		Cái/ Gói				
1529	BISHOP-HARMAN Iris Forceps 8 cm 0,3,1x2,	Cái	30.2089		Cái/ Gói				
1530	BONN Iris Forceps 7 cm 1 x 2,	Cái	30.2090		Cái/ Gói				
1531	BONN Iris Forceps 7 cm 1 x 2,	Cái	30.2091		Cái/ Gói				
1532	BONN Iris Forceps 10 cm 1 x 2,	Cái	30.2094		Cái/ Gói				
1533	BONN Iris Forceps 10 cm 1 x 2, 0,5 mm, with 5 mm tying platform	Cái	30.2096		Cái/ Gói				
1534	GILL Iris Forceps 7,5 cm 1x2 cvd.,	Cái	30.2111		Cái/ Gói				
1535	DERMOT PIERSE Fixation Fcps. 8cm str., 0,2 mm	Cái	30.2120		Cái/ Gói				
1536	DERMOT PIERSE Fixation Forceps 8 cm angl, 0,2 mm	Cái	30.2121		Cái/ Gói				
1537	DERMOT PIERSE Fixation Fcps. 8cm str., 0,3 mm	Cái	30.2122		Cái/ Gói				
1538	DERMOT PIERSE Fixation Forceps 8 cm angl, 0,3 mm	Cái	30.2125		Cái/ Gói				
1539	DERMOT PIERSE Fixation Fcps. 8cm str., 0,4 mm	Cái	30.2126		Cái/ Gói				
1540	DERMOT PIERSE Fixation Forceps 8 cm angl, 0,4 mm	Cái	30.2127		Cái/ Gói				
1541	DERMOT PIERSE Fixation Forceps 8 cm cvd., 0,2 mm	Cái	30.2129		Cái/ Gói				
1542	GILL-HESS Iris Forceps 7,5 cm 1x2, teeth below	Cái	30.2137		Cái/ Gói				
1543	GILL-HESS Iris Forceps 7,5 cm 1x2, lateral teeth	Cái	30.2138		Cái/ Gói				
1544	HESS Iris Forceps 7 cm 1x2 ang.,	Cái	30.2140		Cái/ Gói				
1545	HESS Iris Forceps 7 cm 1x2 cvd.,	Cái	30.2141		Cái/ Gói				
1546	BARRAQUER-KATZIN Iris Forceps 7 cm, 1x2 / 0,12 mm	Cái	30.2150		Cái/ Gói				
1547	BARRAQUER-COLIBRI Fixation Fcps. 7 cm1x2,	Cái	30.2152		Cái/ Gói				
1548	TROUTMAN Iris Forceps 7 cm 1x2, (Colibri)	Cái	30.2154		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1549	BARRAQUER Suture Forceps 7 cm 1x2,	Cái	30.2156		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1550	BARRAQUER Suture Forceps 7 cm 1x2,	Cái	30.2158		Cái/ Gói				
1551	O'CONNOR Conjunctiva Forceps 10 cm,	Cái	30.2170		Cái/ Gói				
1552	GRAEFE Fixation Forceps 11 cm,	Cái	30.2300		Cái/ Gói				
1553	GRAEFE Fixation Forceps 11 cm w. Lock,	Cái	30.2302		Cái/ Gói				
1554	Debaquey-GRAEFE Select Forceps 11cm1,2mm,	Cái	30.2304		Cái/ Gói				
1555	MOODY Fixation Fcps. 11cm 0,5mm w.Lock L, left	Cái	30.2305		Cái/ Gói				
1556	MOODY Fixation Fcps. 11cm 0,5mm w.Lock R, right	Cái	30.2307		Cái/ Gói				
1557	GREEN Fixation Forceps 10cm,5mm w/o lock,	Cái	30.2310		Cái/ Gói				
1558	GREEN Fixation Forceps 10cm, 5 mm w.lock,	Cái	30.2312		Cái/ Gói				
1559	GREEN Fixation Fcps. 10cm,10mm w/o lock,	Cái	30.2314		Cái/ Gói				
1560	GREEN Fixation Forceps 10cm, 10mm w.lock,	Cái	30.2316		Cái/ Gói				
1561	BARRAQUER Fixation Forceps 10 cm,	Cái	30.2320		Cái/ Gói				
1562	ELSCHNIG Fixation Forceps 11 cm,	Cái	30.2330		Cái/ Gói				
1563	ELSCHNIG Fixation Forceps 11 cm 2x3,	Cái	30.2332		Cái/ Gói				
1564	NORDAN Lens Folding Forceps 12cm, with lock Titanium	Cái	30.2340T		Cái/ Gói				
1565	FAULKNER Lens holding Forceps 11 cm,	Cái	30.2342		Cái/ Gói				
1566	LESTER Fixation Forceps 9 cm 1x2,	Cái	30.2350		Cái/ Gói				
1567	LESTER Fixation Forceps 9 cm 2x3,	Cái	30.2352		Cái/ Gói				
1568	CASTROVIEJO Fixation Forceps 9 cm 1x1str,	Cái	30.2380		Cái/ Gói				
1569	CASTROVIEJO Fixation Forceps 9 cm 1x1cvd,	Cái	30.2381		Cái/ Gói				
1570	CASTROVIEJO Fixation Forceps 9 cm 2x2str,	Cái	30.2382		Cái/ Gói				
1571	CASTROVIEJO Fixation Forceps 9 cm 2x2cvd,	Cái	30.2383		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1572	EPISCLERAL Forceps 10 cm,	Cái	30.2390		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1573	CASTROVIEJO Suture Forceps 10 cm 0,12,	Cái	30.2510		Cái/ Gói				
1574	CASTROVIEJO Suture Forceps 10 cm 0,30,	Cái	30.2512		Cái/ Gói				
1575	CASTROVIEJO Suture Forceps 10 cm 0,50,	Cái	30.2514		Cái/ Gói				
1576	CASTROVIEJO Suture Forceps 10 cm 0,50 cv, 1x2 teeth 45° with tying platform	Cái	30.2515		Cái/ Gói				
1577	CASTROVIEJO Suture Forceps 10 cm 1,00,	Cái	30.2516		Cái/ Gói				
1578	CASTROVIEJO Suture Fcps 10cm 1,0mm cvd, 1x2 teeth 45° with tying platform	Cái	30.2517		Cái/ Gói				
1579	CASTROVIEJO Suture Fcps 10 cm 1,5mm str,	Cái	30.2518		Cái/ Gói				
1580	CASTROVIEJO Suture Fcps 10 cm 1,5mm cvd, 1x2 teeth 45° with tying platform	Cái	30.2519		Cái/ Gói				
1581	PAUFIQUE Suture Forceps 8,5 cm,	Cái	30.2520		Cái/ Gói				
1582	PAUFIQUE Suture Forceps 8,5 cm 1x2,	Cái	30.2522		Cái/ Gói				
1583	PAUFIQUE Suture Forceps 8,5 cm 1x2 TITAN,	Cái	30.2522T		Cái/ Gói				
1584	St.MARTIN Suture Forceps 7 cm,	Cái	30.2530		Cái/ Gói				
1585	TUEBINGEN Suture Forceps 10 cm,	Cái	30.2540		Cái/ Gói				
1586	TUEBINGEN Suture Forceps 10 cm str.,	Cái	30.2542		Cái/ Gói				
1587	TUEBINGEN Suture Forceps 10 cm cvd.,	Cái	30.2543		Cái/ Gói				
1588	BONN Suture Forceps 10 cm str. 1x2,	Cái	30.2548		Cái/ Gói				
1589	McPHERSON Suture Forceps 8,5 cm str,	Cái	30.2550		Cái/ Gói				
1590	McPHERSON Suture Forceps 8,5 cm angled,	Cái	30.2551		Cái/ Gói				
1591	McPHERSON Suture Forceps 8.5 cm str.1x2,	Cái	30.2554		Cái/ Gói				
1592	McPHERSON Suture Forceps 8.5 cm angled.,	Cái	30.2555		Cái/ Gói				
1593	McPHERSON Suture Forceps 5mm/10cm str,	Cái	30.2558		Cái/ Gói				
1594	McPHERSON Suture Forceps 10 cm ang,	Cái	30.2560		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1595	McPHERSON Suture Forceps 10 cm ang.,	Cái	30.2561		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1596	McPHERSON Suture Forceps 10 cm ang.1x2,	Cái	30.2563		Cái/ Gói				
1597	McPHERSON Suture Forceps 10 cm TITANIUM, smooth curved 5mm	Cái	30.2565T		Cái/ Gói				
1598	KELMAN-McPHERSON Suture Forceps 10 cm,	Cái	30.2570		Cái/ Gói				
1599	BARRAQUER Suture Forceps 7 cm,	Cái	30.2575		Cái/ Gói				
1600	ARRUGA Capsular Forceps 10 cm,	Cái	30.2600		Cái/ Gói				
1601	ARRUGA Capsular Forceps 10 cm,	Cái	30.2602		Cái/ Gói				
1602	KALT Capsular Forceps 10 cm,	Cái	30.2610		Cái/ Gói				
1603	CASTROVIEJO Capsular Forceps cross-actio,	Cái	30.2615		Cái/ Gói				
1604	CAPSULORHEXIS Forceps 10cm, thin shanks 11mm sharp tips ang.	Cái	30.2620		Cái/ Gói				
1605	UTRATA-CAPSULORHEXIS micro Forceps 10cm, thin shanks 11mm sharp tips	Cái	30.2621		Cái/ Gói				
1606	ELSCHNIG Capsular Fcps. 10 cm,	Cái	30.2630		Cái/ Gói				
1607	CLARK-VERHOEFF Capsular Forceps 10 cm,	Cái	30.2645		Cái/ Gói				
1608	MOORFIELD Suture Fcps. 10,5 cm,	Cái	30.2650		Cái/ Gói				
1609	TERSON Capsular Forceps 9 cm,	Cái	30.2660		Cái/ Gói				
1610	GILL-FUCHS Capsular Forceps 7,5cm,	Cái	30.2680		Cái/ Gói				
1611	FUCHS Capsular Fcps. 7 cm,	Cái	30.2682		Cái/ Gói				
1612	HESS Capsular Forceps 6 cm,	Cái	30.2684		Cái/ Gói				
1613	HESS Capsular Forceps 6,5 cm,	Cái	30.2685		Cái/ Gói				
1614	SCHWEIGGER Suture Fcps.10cmcvd,	Cái	30.2687		Cái/ Gói				
1615	SCHWEIGGER Suture Fcps.10cmang,	Cái	30.2689		Cái/ Gói				
1616	McCOLLOUGH Strabismus Fcps. 9,5cm,	Cái	30.2700		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1617	McCOLLOUGH Strabismus Fcps. 9,5cm1x2,	Cái	30.2702		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1618	TROUTMAN-RECTUS Muscular Fcps.1x2,	Cái	30.2705		Cái/ Gói				
1619	BONACCOLTO Strabismus Fcps.10cm del.,	Cái	30.2720		Cái/ Gói				
1620	BONACCOLTO Strabismus Fcps.10cm standad,	Cái	30.2722		Cái/ Gói				
1621	BONACCOLTO Suture Fcps. 11 cm,	Cái	30.2725		Cái/ Gói				
1622	ALABAMA Strabismus Forceps 9,5cm,	Cái	30.2730		Cái/ Gói				
1623	NUGENT Strabismus Fcps.SMOOTH,	Cái	30.2740		Cái/ Gói				
1624	NUGENT Strabismus Fcps.SERRAT.,	Cái	30.2742		Cái/ Gói				
1625	DASTOOR Strabismus Fcps.11 cm serrated,	Cái	30.2744		Cái/ Gói				
1626	DASTOOR Strabismus Fcps. 11 cm 1x2,	Cái	30.2746		Cái/ Gói				
1627	DASTOOR Strabismus Fcps. 11 cm 2x3,	Cái	30.2748		Cái/ Gói				
1628	SCHAAF Foreign Body Fcps. 9,5 cm,	Cái	30.2811		Cái/ Gói				
1629	BARRAQUER Cilia Fcps. 10,5 cm,	Cái	30.2840		Cái/ Gói				
1630	DOUGLAS Cilia Fcps. 9cm BROAD,	Cái	30.2850		Cái/ Gói				
1631	DOUGLAS Cilia Fcps. 9cm NARROW,	Cái	30.2852		Cái/ Gói				
1632	BEER Cilia Forceps 9 cm,	Cái	30.2862		Cái/ Gói				
1633	BERGH Cilia Forceps 9 cm,	Cái	30.2865		Cái/ Gói				
1634	LITTAUER Cilia Forceps 8,5 cm,	Cái	30.2870		Cái/ Gói				
1635	HENRY Cilia Forceps 12 cm,	Cái	30.2885		Cái/ Gói				
1636	KNAPP Trachoma Fcps. 11 cm,	Cái	30.2900		Cái/ Gói				
1637	PRINCE Trachoma Fcps. 9 cm,	Cái	30.2905		Cái/ Gói				
1638	PRINCE Trachoma Fcps. w. screw,	Cái	30.2906		Cái/ Gói				
1639	ERHARDT Entropium Forceps 9 cm,	Cái	30.2920		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1640	SNELLEN Entropium Fcps. 10cm left,	Cái	30.2930		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1641	SNELLEN Entropium Fcps.10cm right,	Cái	30.2931		Cái/ Gói				
1642	PRINCE Muscular Forceps left,	Cái	30.2950		Cái/ Gói				
1643	PRINCE Muscular Forceps right,	Cái	30.2951		Cái/ Gói				
1644	JAMESON Muscular Fcps.10cm left,	Cái	30.2960		Cái/ Gói				
1645	JAMESON Muscular Fcps.10cm right,	Cái	30.2961		Cái/ Gói				
1646	BERKE Muscular Fcps. 20 mm,	Cái	30.2970		Cái/ Gói				
1647	BERKE Muscular Fcps. 27 mm,	Cái	30.2977		Cái/ Gói				
1648	BANGERTER Muscular Clamp 10 cm, w/ push button, 10 teeth ultrafine	Cái	30.2984		Cái/ Gói				
1649	BLASCOVICS Muscular Fcps. left,	Cái	30.2990		Cái/ Gói				
1650	BLASCOVICS Muscular Fcps. righ,	Cái	30.2991		Cái/ Gói				
1651	DESMARRES Chalazion Fcps. 9cm/20mm,	Cái	30.3000		Cái/ Gói				
1652	DESMARRES Chalazion Fcps. 9cm/26mm,	Cái	30.3001		Cái/ Gói				
1653	DESMARRES Chalazion Fcps. 9cm/32mm,	Cái	30.3002		Cái/ Gói				
1654	DESMARRES Chalazion Fcps. 9cm/35mm,	Cái	30.3003		Cái/ Gói				
1655	AYER Chalazion Fcps. w/o screw,	Cái	30.3014		Cái/ Gói				
1656	AYER Chalazion Fcps. w. screw,	Cái	30.3015		Cái/ Gói				
1657	LAMBERT Chalazion Forceps 9 cm 9mm,	Cái	30.3020		Cái/ Gói				
1658	LORDAN Chalazion Forceps 9 cm,	Cái	30.3030		Cái/ Gói				
1659	HEATH (Hunt) Chalazion Fcps. 9,5 cm,	Cái	30.3050		Cái/ Gói				
1660	FRANCIS Chalazion Fcps. 9,5 cm,	Cái	30.3060		Cái/ Gói				
1661	LITTAUER Ear Polypus Fcp.12 cm,	Cái	32.0600		Cái/ Gói				
1662	HARTMANN Ear Polypus Fcp.12 cm,	Cái	32.0610		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1663	HARTMANN Ear Polypus Fcp.14 cm,	Cái	32.0612		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1664	TILLEY Tampon Forceps 14 cm,	Cái	32.0615		Cái/ Gói				
1665	QUIRE Foreign Body Forceps 10 cm,	Cái	32.0620		Cái/ Gói				
1666	BUCK Foreign Body Fcps. 11 cm,	Cái	32.0630		Cái/ Gói				
1667	TROELTSCH Ear Dress.Fcps.11 cm,	Cái	32.0640		Cái/ Gói				
1668	TROELTSCH Ear TISS.Fcp.1!cm1x2,	Cái	32.0641		Cái/ Gói				
1669	TROELTSCH Ear Dress.Fcps.13 cm,	Cái	32.0642		Cái/ Gói				
1670	TROELTSCH Ear Dress.Fcps.13 cm, smooth	Cái	32.0643		Cái/ Gói				
1671	TROELTSCH Ear TISS.Fcp.13cm1x2,	Cái	32.0644		Cái/ Gói				
1672	WILDE Ear Fcps. 14cm crossact.,	Cái	32.0650		Cái/ Gói				
1673	LUCAE Ear Dressing Fcps. 14 cm,	Cái	32.0660		Cái/ Gói				
1674	LUCAE Ear Dressing Fcps. 14 cm FINO,	Cái	32.0661		Cái/ Gói				
1675	LUCAE Ear Dressing Fcps. 16 cm,	Cái	32.0662		Cái/ Gói				
1676	LUCAE Ear Dressing Fcps. 14 cm, Cup jaws 1,6 x 2,5 mm	Cái	32.0663		Cái/ Gói				
1677	HARTMANN Ear Fcps. 8,5cm serr.,	Cái	32.0700		Cái/ Gói				
1678	HARTMANN Ear Fcps. 14 cm serr.,	Cái	32.0701		Cái/ Gói				
1679	HARTMANN Ear Fcps.16,5cm serr.,	Cái	32.0702		Cái/ Gói				
1680	HARTMANN Ear Fcps. 8,5 cm 1x2,	Cái	32.0705		Cái/ Gói				
1681	HARTMANN Ear Fcps. 14 cm 1x2,	Cái	32.0706		Cái/ Gói				
1682	HARTMANN Ear Fcps. 16,5 cm 1x2,	Cái	32.0707		Cái/ Gói				
1683	HERZFELD Ear Fcps. Ø 2 mm str.,	Cái	32.0710		Cái/ Gói				
1684	HERZFELD Ear Fcps. 2 mm up,	Cái	32.0711		Cái/ Gói				
1685	HERZFELD Ear Fcps. Ø 2,5 mm str.,	Cái	32.0712		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1686	HERZFELD Ear Fcps. Ø 3 mm str.,	Cái	32.0714		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1687	HERZFELD Ear Fcps. 3 mm up,	Cái	32.0715		Cái/ Gói				
1688	HOFFMANN Ear Forceps 8,5 cm Ø 2 mm, THROUG CUTTING	Cái	32.0720		Cái/ Gói				
1689	HARTMANN Ear Forceps 8,5 cm, through-cutting	Cái	32.0730		Cái/ Gói				
1690	HARTMANN Ear Forceps 8,5 cm,	Cái	32.0735		Cái/ Gói				
1691	STRUEMPPEL Ear Forceps 8,5 cm,	Cái	32.0740		Cái/ Gói				
1692	STRUEMPPEL Forceps cvd up 45° 2,5 mm,	Cái	32.0741		Cái/ Gói				
1693	STRUEMPPEL Forceps cvd up 90° 2,5 mm,	Cái	32.0743		Cái/ Gói				
1694	CAWTHORNE Aural Forceps str. smooth, 1,25 mm x 7,0 mm smooth	Cái	32.0790		Cái/ Gói				
1695	HARTMANN Mikro Aural Forceps, str. serra, 8cm, 1.5mmx7.0mm, heighth 2.6mm	Cái	32.0791		Cái/ Gói				
1696	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.4x0,8 mm smooth,	Cái	32.0801		Cái/ Gói				
1697	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.8 cm, 6x0,8mm, serr.	Cái	32.0802		Cái/ Gói				
1698	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.8 cm, 8x0,8mm, serr.	Cái	32.0803		Cái/ Gói				
1699	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.10cm, 8x0,8mm, serr.	Cái	32.0803.10		Cái/ Gói				
1700	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.8 cm, 8x0,8mm, serr. black with PVD-coating:deQoline®	Cái	32.0803B		Cái/ Gói				
1701	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.8 cm, 3x0,6mm, serr.0,3 tip with PVD-coating(TiAIN)	Cái	32.0804B		Cái/ Gói				
1702	HARTMANN-MICRO Ear Fcps.8 cm, 4x0,8mm, serr.	Cái	32.0805		Cái/ Gói				
1703	HARTMANN-MICRO Ear Fcps., 8 cm 4x0,8 mm upcvd.	Cái	32.0806		Cái/ Gói				
1704	HARTMANN-MICRO Ear Fcps., 8 cm 7x0,8 mm cvd left	Cái	32.0807		Cái/ Gói				
1705	HARTMANN-MICRO Ear. Fcps., 8 cm 7x0,8 mm cvd. right	Cái	32.0808		Cái/ Gói				
1706	HARTMANN-MICRO Ear Fcps., 8 cm 7x0,8 mm cvd. down	Cái	32.0809		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1707	WULLSTEIN Cup-Fcps. 0,8mm oval str,	Cái	32.0810		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1708	WULLSTEIN Cup-Fcps. 0,8x1mm oval str, black with PVD-coating:deQoline® Med C11	Cái	32.0810B		Cái/ Gói				
1709	WULLSTEIN Cup-Fcps. 0,8mm oval left,	Cái	32.0811		Cái/ Gói				
1710	WULLSTEIN Cup-Fcps. 0,8mm oval right,	Cái	32.0812		Cái/ Gói				
1711	WULLSTEIN Cup-Fcps. 0,8mm oval up,	Cái	32.0813		Cái/ Gói				
1712	WULLSTEIN Cup-Fcps. 0,8mm oval down,	Cái	32.0814		Cái/ Gói				
1713	HARTMANN-WULLSTEIN Earfcps.0,5x0,6mm str,	Cái	32.0815		Cái/ Gói				
1714	HARTMANN-WULLSTEIN Earfcps.0,5x0,6mm str, black with PVD-coating:deQoline® Med C11	Cái	32.0815B		Cái/ Gói				
1715	HARTMANN-WULLSTEIN Earfcps.0,5x0,6mm lef,	Cái	32.0816		Cái/ Gói				
1716	HARTMANN-WULLSTEIN Earfcps.0,5x0,6mm rig,	Cái	32.0817		Cái/ Gói				
1717	HARTMANN-WULLSTEIN Earfcps.0,5x0,6mm upw,	Cái	32.0818		Cái/ Gói				
1718	HARTMANN-WULLSTEIN Earfcps.0,5x0,6mm dow,	Cái	32.0819		Cái/ Gói				
1719	GREVEN Ear Fcps. 8,5 cm,	Cái	32.0820		Cái/ Gói				
1720	WULLSTEIN Micro Cup Forceps 80mm, straight 1,7 x 2,5mm tubular shaft	Cái	32.0821		Cái/ Gói				
1721	WULLSTEIN Cup Forceps Ø 1 mm,	Cái	32.0825		Cái/ Gói				
1722	WULLSTEIN Cup Forceps Ø 2 mm,	Cái	32.0826		Cái/ Gói				
1723	DIETER Malleous Nipper up-cutt,	Cái	32.0830		Cái/ Gói				
1724	DIETER Malleous Nipper down-cu,	Cái	32.0832		Cái/ Gói				
1725	DIETER Malleous Nipper right,	Cái	32.0833		Cái/ Gói				
1726	DIETER Malleous Nipper left,	Cái	32.0835		Cái/ Gói				
1727	SCHUKNECHT Bending Forceps,	Cái	32.0840		Cái/ Gói				
1728	McGEE Wire Bending Fcps. 3,5mm,	Cái	32.0850		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1729	McGEE Wire Bending Fcps. 6,0mm,	Cái	32.0852		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1730	HARTMANN Tampon Forceps 20 cm,	Cái	33.0400		Cái/ Gói				
1731	HARTMANN Nasal Polypus Forceps 16 cm,	Cái	33.0402		Cái/ Gói				
1732	LITTAUER Nasal Polypus Forceps 18 cm,	Cái	33.0410		Cái/ Gói				
1733	KNIGHT Nasal Polypus Forceps 18 cm,	Cái	33.0420		Cái/ Gói				
1734	KILLIAN Nasal Polypus Forceps 17 cm,	Cái	33.0422		Cái/ Gói				
1735	LUBET-BARBON Nasal Polypus Forceps 20 cm,	Cái	33.0424		Cái/ Gói				
1736	NOYES Nasal Polypus Forceps 4,5 cm,	Cái	33.0430		Cái/ Gói				
1737	NOYES Nasal Polypus Forceps 14,5 cm 1x2,	Cái	33.0432		Cái/ Gói				
1738	COTTLE Fixation Forceps 15 cm bay,	Cái	33.0440		Cái/ Gói				
1739	COTTLE Columnella Forceps 11 cm,	Cái	33.0446		Cái/ Gói				
1740	COTTLE Cartilage forceps 15 cm,	Cái	33.0448		Cái/ Gói				
1741	TROELTSCH Dressing Forceps 15 cm,	Cái	33.0450		Cái/ Gói				
1742	TROELTSCH Tampon Forceps 18 cm,	Cái	33.0452		Cái/ Gói				
1743	GRUENWALD (Jansen) Tampon Forceps 16 cm,	Cái	33.0460		Cái/ Gói				
1744	GRUENWALD (Jansen) Tampon Forceps 18 cm,	Cái	33.0461		Cái/ Gói				
1745	GRUENWALD (Jansen) Tampon Forceps 20 cm,	Cái	33.0462		Cái/ Gói				
1746	GRUENWALD Tissue Forceps 16 cm 1x2,	Cái	33.0465		Cái/ Gói				
1747	GRUENWALD Tissue Forceps 20 cm 1x2,	Cái	33.0467		Cái/ Gói				
1748	BRUENINGS Nasal Cutting Forceps # 2,	Cái	33.0601		Cái/ Gói				
1749	BRUENINGS Nasal Cutting Forceps # 3,	Cái	33.0602		Cái/ Gói				
1750	BRUENINGS Nasal Cutting Forceps # 4,	Cái	33.0603		Cái/ Gói				
1751	HEYMANN Nasal Cutting Forceps 18 cm #1,	Cái	33.0610		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1752	HEYMANN Nasal Cutting Forceps 18 cm #2,	Cái	33.0611		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1753	HEYMANN Nasal Cutting Forceps 18 cm #3,	Cái	33.0612		Cái/ Gói				
1754	WATSON-WILLIAMS Ethmoid Forceps # 1,	Cái	33.0615		Cái/ Gói				
1755	WATSON-WILLIAMS Ethmoid Forceps # 2,	Cái	33.0616		Cái/ Gói				
1756	WATSON-WILLIAMS Ethmoid Forceps # 3,	Cái	33.0617		Cái/ Gói				
1757	WATSON-WILLIAMS Grasping Forceps,	Cái	33.0618		Cái/ Gói				
1758	LUC Nasal Cutting Forceps 19 cm #1,	Cái	33.0620		Cái/ Gói				
1759	LUC Nasal Cutting Forceps 19 cm #2,	Cái	33.0621		Cái/ Gói				
1760	LUC Nasal Cutting Forceps 19 cm #1,	Cái	33.0625		Cái/ Gói				
1761	LUC Nasal Cutting Forceps 19 cm #2,	Cái	33.0626		Cái/ Gói				
1762	CRAIG Vomer Forceps 18 cm str.,	Cái	33.0640		Cái/ Gói				
1763	CRAIG Vomer Forceps 18 cm left,	Cái	33.0641		Cái/ Gói				
1764	CRAIG Vomer Forceps 18 cm right,	Cái	33.0643		Cái/ Gói				
1765	HEUWIESER Antrum polypus grasping fcps., working length 10cm cvd. 90° downwards	Cái	33.0650		Cái/ Gói				
1766	HEUWIESER Antrum polypus grasping fcps., working length 10cm cvd. 90° uprds	Cái	33.0651		Cái/ Gói				
1767	HEUWIESER Antrum polypus grasping fcps., working length 10cm cvd. 90° right	Cái	33.0652		Cái/ Gói				
1768	HEUWIESER Antrum polypus grasping fcps., working length 10cm cvd. 90° left	Cái	33.0653		Cái/ Gói				
1769	HEUWIESER Antrum polypus grasping fcps., working length 10cm cvd. 115° downwards	Cái	33.0654		Cái/ Gói				
1770	Frontal Sinus Recess Giraffe Forceps, 45°, 2mm Vertical Jaws oval cupped	Cái	33.0660		Cái/ Gói				
1771	Frontal Sinus Recess Giraffe Forceps, 45°, 2mm Horizontal Jaws oval cupped	Cái	33.0661		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1772	Frontal Sinus Recess Giraffe Forceps, 90°, 2mm Horizontal Jaws oval cupped	Cái	33.0662		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1773	Frontal Sinus Recess Giraffe Forceps, 90°, 2mm Vertical Jaws oval cupped	Cái	33.0663		Cái/ Gói				
1774	STAMMBERGER Sinus fcps 12cm, 3mm vertical opening cvd. 65° upwards	Cái	33.0665		Cái/ Gói				
1775	STAMMBERGER Sinus fcps 12cm, 3mm horizontal opening cvd. 65° upwards	Cái	33.0666		Cái/ Gói				
1776	JATHO Nasopharynx forceps 24cm 60° up, left opening	Cái	33.0670		Cái/ Gói				
1777	JANSEN-MIDDLETON Septum Compressison Fcp, through-cutting	Cái	33.0690		Cái/ Gói				
1778	Gruenwald Nasal Cutt. Forceps str. 3mm, oval Working Length 12cm through cutting	Cái	33.0705		Cái/ Gói				
1779	Nasal Cutt. Forceps str. 2,5mm oval, Working Length 13 cm through cutting	Cái	33.0706		Cái/ Gói				
1780	Nasal Cutt. Forceps upw.30° 2,5mm oval, Working Length 13 cm through cutting	Cái	33.0707		Cái/ Gói				
1781	GRÜNWARD-HENKE Nasal Cutt. Forceps str., Working Length 11 cm	Cái	33.0708		Cái/ Gói				
1782	GRÜNWARD-HENKE Nasal Cutt. Forceps, 45° upw. Working Length 11 cm	Cái	33.0709		Cái/ Gói				
1783	STRUYCKEN Nasal Cutt. Forceps small,	Cái	33.0710		Cái/ Gói				
1784	STRUYCKEN Nasal Cutt. Forceps large,	Cái	33.0711		Cái/ Gói				
1785	MYLES Nasal Cutting Forceps # 1,	Cái	33.0715		Cái/ Gói				
1786	MYLES Nasal Cutting Forceps # 2,	Cái	33.0716		Cái/ Gói				
1787	MYLES Nasal Cutting Forceps # 3,	Cái	33.0717		Cái/ Gói				
1788	FANOUS Turbinectomy through cutting, forceps, shaft 120 mm	Cái	33.0720		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1789	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 1, 3,0 mm working length 12 cm	Cái	33.0721		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1790	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 0, 2,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0721.0		Cái/ Gói				
1791	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps, #0 2.5mm Arbeitslänge 13cm tube	Cái	33.0721.0RS		Cái/ Gói				
1792	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 1, 3,0 mm working length 14 cm	Cái	33.0721.14		Cái/ Gói				
1793	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 2, 3,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0722		Cái/ Gói				
1794	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps, #2 3.5mm, Arbeitslänge 12cm tube	Cái	33.0722.RS		Cái/ Gói				
1795	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 3, 4,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0723		Cái/ Gói				
1796	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 4, 5,0 mm working length 12 cm	Cái	33.0724		Cái/ Gói				
1797	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 5, 5,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0725		Cái/ Gói				
1798	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 1, 3,0 mm working length 12 cm	Cái	33.0726		Cái/ Gói				
1799	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 2, 3,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0727		Cái/ Gói				
1800	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 3, 4,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0728		Cái/ Gói				
1801	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 4, 5,0 mm working length 12 cm	Cái	33.0729		Cái/ Gói				
1802	WEIL-BLAKESLEY Nasal Cutting Forceps # 5, 5,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0730		Cái/ Gói				
1803	TAKAHASHI Ethmoid Forceps 12 cm 2x10,	Cái	33.0732		Cái/ Gói				
1804	TAKAHASHI Ethmoid Forceps 12 cm 3x10,	Cái	33.0733		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1805	TAKAHASHI Ethmoid Forceps 12 cm 4x10,	Cái	33.0734		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1806	TAKAHASHI Ethmoid Forceps 2x10 mm cvd. u,	Cái	33.0735		Cái/ Gói				
1807	TAKAHASHI Ethmoid Forceps 3x10 mm cvd. u,	Cái	33.0737		Cái/ Gói				
1808	TAKAHASHI Ethmoid Forceps .4x10 mm cvd.,	Cái	33.0739		Cái/ Gói				
1809	PRO-MED Ethmoid Fcps 3 x 7 mm cvd. down, 11,5 cm shaft, jaw opening downward	Cái	33.0740		Cái/ Gói				
1810	WEIL-BLAKESLEY Forceps cvd.up # 1,	Cái	33.0741		Cái/ Gói				
1811	WEIL-BLAKESLEY Forceps cvd.up # 2, 3,5 mm working length 11cm	Cái	33.0742		Cái/ Gói				
1812	WEIL-BLAKESLEY Forceps, cvd.up, 45° #2 tube shaft	Cái	33.0742.RS		Cái/ Gói				
1813	WEIL-BLAKESLEY Forceps cvd.up # 3,	Cái	33.0743		Cái/ Gói				
1814	WEIL-BLAKESLEY Forceps cvd.up # 4,	Cái	33.0744		Cái/ Gói				
1815	WEIL-BLAKESLEY Forceps cvd.up # 5,	Cái	33.0745		Cái/ Gói				
1816	BLAKESLEY-CASTELNUOVO Forceps 13cm, working length, 2,5 mm jaws 45° upangled	Cái	33.0747.RS		Cái/ Gói				
1817	TILLEY-HENCKEL Ethmoid Forceps 10 cm, shaft graduated	Cái	33.0749		Cái/ Gói				
1818	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 90°, 3,0 mm working length 11 cm	Cái	33.0762		Cái/ Gói				
1819	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 90°, 3,5 mm working length 12 cm	Cái	33.0763		Cái/ Gói				
1820	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 90° #4, 4,0 mm working length 12 cm	Cái	33.0764		Cái/ Gói				
1821	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 90°, 5,0 mm working length 12 cm	Cái	33.0765		Cái/ Gói				
1822	WEIL-BLAKESLEY Forceps straight 2,5mm, THROUGH CUTTING working length 12 cm	Cái	33.0766		Cái/ Gói				
1823	GRÜN WALD-HENKE nasal forceps, through-cutting, #1, 3mm, 13cm str.	Cái	33.0766.RS		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1824	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 45° 3mm, THROUGH CUTTING	Cái	33.0767		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1825	GRÜN WALD-HENKE nasal forceps, through-cutting, #1, 4mm, 13cm, 45° up	Cái	33.0767.RS		Cái/ Gói				
1826	WEIL-BLAKESLEY Forceps straight 3,5 mm, THROUGH CUTTING	Cái	33.0768		Cái/ Gói				
1827	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 45° 3,5mm, THROUGH CUTTING	Cái	33.0769		Cái/ Gói				
1828	WEIL-BLAKESLEY Forceps straight 4 mm, THROUGH CUTTING	Cái	33.0770		Cái/ Gói				
1829	WEIL-BLAKESLEY Forceps. cvd.up 45° 4 mm, THROUGH CUTTING	Cái	33.0771		Cái/ Gói				
1830	WILDE Nasal Rongeur 4 x 10 mm 14cm,	Cái	33.0772		Cái/ Gói				
1831	WILDE Nasal Rongeur 5 x 11 mm 14cm,	Cái	33.0773		Cái/ Gói				
1832	WILDE Nasal Rongeur 6 x 12 mm 14 cm,	Cái	33.0774		Cái/ Gói				
1833	WILDE Nasal Rongeur 4 x 10 mm 18 cm,	Cái	33.0775		Cái/ Gói				
1834	WILDE Nasal Rongeur 5 x 11 mm 18 cm,	Cái	33.0776		Cái/ Gói				
1835	WILDE Nasal Rongeur 6 x 12 mm 18 cm,	Cái	33.0777		Cái/ Gói				
1836	WILDE Nasal Rongeur 4 x 10 mm 23cm,	Cái	33.0778		Cái/ Gói				
1837	WILDE Nasal Rongeur 5 x 10 mm 23 cm,	Cái	33.0779		Cái/ Gói				
1838	WILDE Nasal Rongeur 6 x 10 mm 23 cm,	Cái	33.0780		Cái/ Gói				
1839	CITELLI Punch 1 mm,	Cái	33.0840		Cái/ Gói				
1840	CITELLI Punch 2 mm,	Cái	33.0841		Cái/ Gói				
1841	CITELLI Punch 3 mm,	Cái	33.0842		Cái/ Gói				
1842	ASCH Septum Forceps 23 cm,	Cái	33.2600		Cái/ Gói				
1843	WALSHAM Septum Fcps. 23 cm str.,	Cái	33.2610		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1844	WALSHAM Septum Fcps. 23 cm left,	Cái	33.2612		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1845	WALSHAM Septum Fcps. 23 cm righ,	Cái	33.2614		Cái/ Gói				
1846	RUBIN Septum Morselizer 21 cm,	Cái	33.2630		Cái/ Gói				
1847	RUBIN Protective Guard only,	Cái	33.2639		Cái/ Gói				
1848	SAWTELL (George) Tonsil Forcep 18,5 cm, "S"-Curved	Cái	34.0301		Cái/ Gói				
1849	SCHNIDT Tonsil Forceps 19 cm sl. cvd.,	Cái	34.0303		Cái/ Gói				
1850	SAWTELL Tonsil Forcep 19 cm str.cvd.,	Cái	34.0305		Cái/ Gói				
1851	SCHNIDT Tonsil Forcep 19 cm sl. cvd.,	Cái	34.0307		Cái/ Gói				
1852	SAWTELL Tonsil Forcep 19 cm str.cvd.,	Cái	34.0309		Cái/ Gói				
1853	NEGUS Tonsil Forcep 19 cm sl.curved,	Cái	34.0311		Cái/ Gói				
1854	NEGUS Tonsil Forceps 19 cm str. cvd.,	Cái	34.0313		Cái/ Gói				
1855	WHITE Tonsil Seizing Fcp 18 cm,	Cái	34.0321		Cái/ Gói				
1856	WHITE Tonsil Seizing Fcp 23 cm,	Cái	34.0323		Cái/ Gói				
1857	COLVER Tonsil Seizing Fcp 19 cm str.,	Cái	34.0327		Cái/ Gói				
1858	COLVER Tonsil Seizing Fcp 19 cm cvd.,	Cái	34.0329		Cái/ Gói				
1859	BALLENGER Tonsil Seizing Fcps. 21,5 cm,	Cái	34.0333		Cái/ Gói				
1860	BLOHMKE Tonsil Seizing Fcps. 20 cm,	Cái	34.0335		Cái/ Gói				
1861	BLOHMKE Tonsil Seizing Fcps. 20 cm, 10 mm	Cái	34.0337		Cái/ Gói				
1862	TIVNEN-TYDING Tonsil Fcps. 21 cm 2x2,	Cái	34.0342		Cái/ Gói				
1863	TIVNEN-TYDING Tonsil Fcps. 21 cm 3 x3,	Cái	34.0343		Cái/ Gói				
1864	MARSCHIK Tonsil Seizing Fcps. 22 cm,	Cái	34.0350		Cái/ Gói				
1865	HARTMANN Nasal Cutting Fcps 12cm Ø 5 mm,	Cái	34.1205		Cái/ Gói				
1866	HARTMANN Nasal Cutting Fcps 12cm Ø 7mm,	Cái	34.1207		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1867	HARTMANN Nasal Cutting Fcps 12cm Ø 9mm,	Cái	34.1209		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1868	HARTMANN Nasal Cutting Fcps 12cm Ø 11 mm,	Cái	34.1211		Cái/ Gói				
1869	HARTMANN Nasal Cutting Fcps 12cm Ø 13 mm,	Cái	34.1213		Cái/ Gói				
1870	HARTMANN Nasal Cutting Fcps 12cm Ø 15mm,	Cái	34.1215		Cái/ Gói				
1871	HARTMANN Tonsil Forceps 12cm Ø17mm,	Cái	34.1217		Cái/ Gói				
1872	JURASZ Adenoid Cutting Fcps 21cm,	Cái	34.1220		Cái/ Gói				
1873	WIRE Twister automatic 15 cm blunt,	Cái	34.5120		Cái/ Gói				
1874	WIRE Twister automatic 15 cm standard,	Cái	34.5122		Cái/ Gói				
1875	WIRE Twister automatic 15 cm delicate,	Cái	34.5124		Cái/ Gói				
1876	WIRE Twister automatic 18 cm coarse,	Cái	34.5126		Cái/ Gói				
1877	ROWE Reposition Fcp. 23 cm left, for babies	Cái	34.5300		Cái/ Gói				
1878	ROWE Disimpaction Fcp. 23 cm left, for children / juveniles	Cái	34.5302		Cái/ Gói				
1879	ROWE Disimpaction Fcp. 23 cm left, for adults	Cái	34.5304		Cái/ Gói				
1880	ROWE Reposition Fcp. 23 cm right, for babies	Cái	34.5310		Cái/ Gói				
1881	ROWE Disimpaction Fcp. 23 cm right, for children / juveniles	Cái	34.5312		Cái/ Gói				
1882	ROWE Disimpaction Fcp. 23 cm right, for adults	Cái	34.5314		Cái/ Gói				
1883	TESSIER Bone Mashing Fcps.angled 22cm,	Cái	34.5340		Cái/ Gói				
1884	JACKSON Laryngeal Fcps.22 cm # 1,	Cái	35.0100		Cái/ Gói				
1885	JACKSON Laryngeal Fcps.22 cm # 2,	Cái	35.0105		Cái/ Gói				
1886	FRAENKEL Laryngeal Polypus Fcps. 18 cm,	Cái	35.0110		Cái/ Gói				
1887	JURASZ Laryngeal Polypus Fcps. # 1, opening right	Cái	35.0120		Cái/ Gói				
1888	JURASZ Laryngeal Polypus Fcps. # 2, opening to left	Cái	35.0121		Cái/ Gói				
1889	JURASZ Laryngeal Polypus Fcps. # 3, opening downward	Cái	35.0122		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1890	JURASZ Laryngeal Polypus Fcps. 4, opening upward	Cái	35.0123		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1891	FRAENKEL Laryngeal Polypus Fcps. oval, both jaws moveable	Cái	35.0125		Cái/ Gói				
1892	#N/A	Cái	35.0127		Cái/ Gói				
1893	HUBER Universal handle,	Cái	35.0200		Cái/ Gói				
1894	BRUENINGS Extension Canula 20 cm str,	Cái	35.0220		Cái/ Gói				
1895	BRUENINGS Extension Canula 30 cm str,	Cái	35.0230		Cái/ Gói				
1896	BRUENINGS Extension Canula 40 cm str,	Cái	35.0240		Cái/ Gói				
1897	BRUENINGS Extension Canula 50 cm str,	Cái	35.0250		Cái/ Gói				
1898	BRUENINGS Extension Canula 60 cm str,	Cái	35.0260		Cái/ Gói				
1899	BRUENINGS Extension Canula 20 cm cvd,	Cái	35.0320		Cái/ Gói				
1900	FRAENKEL Forceps Tip serrated,	Cái	35.0400		Cái/ Gói				
1901	#N/A	Cái	35,0405		Cái/ Gói				
1902	FRAENKEL Forceps Tip,	Cái	35.0420		Cái/ Gói				
1903	LANGE Forceps Tip,	Cái	35.0430		Cái/ Gói				
1904	BRUENINGS Fcps. Tip round Ø 2 mm,	Cái	35.0440		Cái/ Gói				
1905	BRUENINGS Fcps. Tip round Ø 3 mm,	Cái	35.0442		Cái/ Gói				
1906	BRUENINGS Tip round Ø 4 mm,	Cái	35.0444		Cái/ Gói				
1907	BRUENINGS Tip Ø 3 mm round ang.up,	Cái	35.0445		Cái/ Gói				
1908	SCHEINMANN Tip,	Cái	35.0450		Cái/ Gói				
1909	SCHEINMANN Tip with basket,	Cái	35.0452		Cái/ Gói				
1910	KRAUSE Forceps Tip # 1,	Cái	35.0460		Cái/ Gói				
1911	KRAUSE Forceps Tip # 2,	Cái	35.0461		Cái/ Gói				
1912	KRAUSE Forceps Tip,	Cái	35.0465		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1913	SCHUMACHER Forceps Tip 3,8 x 5,6mm,	Cái	35.0468		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1914	CORDES Forceps Tip # 1,	Cái	35.0485		Cái/ Gói				
1915	CORDES Forceps Tip # 2,	Cái	35.0486		Cái/ Gói				
1916	CORDES Forceps Tip round,	Cái	35.0487		Cái/ Gói				
1917	CORDES Forceps Tip # 1, 3 mm,	Cái	35.0488		Cái/ Gói				
1918	CORDES Forceps Tip # 2, 4 mm,	Cái	35.0489		Cái/ Gói				
1919	CORDES Forceps Tip # 3, 5 mm,	Cái	35.0490		Cái/ Gói				
1920	CORDES Forceps Tip # 4, 8 mm,	Cái	35.0491		Cái/ Gói				
1921	ROSENBERG Forceps Tip,	Cái	35.0495		Cái/ Gói				
1922	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#1,	Cái	35.0603		Cái/ Gói				
1923	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp40cm#1,	Cái	35.0604		Cái/ Gói				
1924	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#1,	Cái	35.0605		Cái/ Gói				
1925	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#1,	Cái	35.0606		Cái/ Gói				
1926	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#2,	Cái	35.0623		Cái/ Gói				
1927	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp40cm#2,	Cái	35.0624		Cái/ Gói				
1928	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#2,	Cái	35.0625		Cái/ Gói				
1929	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#2,	Cái	35.0626		Cái/ Gói				
1930	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#3,	Cái	35.0643		Cái/ Gói				
1931	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp40cm#3,	Cái	35.0644		Cái/ Gói				
1932	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#3,	Cái	35.0645		Cái/ Gói				
1933	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#3,	Cái	35.0646		Cái/ Gói				
1934	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#4, 4 mm Ø	Cái	35.0653		Cái/ Gói				
1935	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#4, 2 mm Ø	Cái	35.0653.02		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1936	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#4, 4 mm Ø	Cái	35.0655		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1937	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#4, 4 mm Ø	Cái	35.0656		Cái/ Gói				
1938	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#5,	Cái	35.0663		Cái/ Gói				
1939	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp40cm#5,	Cái	35.0664		Cái/ Gói				
1940	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#5,	Cái	35.0665		Cái/ Gói				
1941	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#5,	Cái	35.0666		Cái/ Gói				
1942	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#6,	Cái	35.0703		Cái/ Gói				
1943	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp40cm#6,	Cái	35.0704		Cái/ Gói				
1944	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#6,	Cái	35.0705		Cái/ Gói				
1945	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#6,	Cái	35.0706		Cái/ Gói				
1946	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp30cm#7,	Cái	35.0713		Cái/ Gói				
1947	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp40cm#7,	Cái	35.0714		Cái/ Gói				
1948	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp50cm#7,	Cái	35.0715		Cái/ Gói				
1949	CHEVALIER-JACKSON Broncho Fcp60cm#7,	Cái	35.0716		Cái/ Gói				
1950	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps, 23 cm straight	Cái	35.3030		Cái/ Gói				
1951	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps, 23 cm straight with rinsing port	Cái	35.3030.RS		Cái/ Gói				
1952	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps X-fine, 23 cm straight with rinsing port	Cái	35.3030X.RS		Cái/ Gói				
1953	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps, 23 cm horizontal	Cái	35.3032		Cái/ Gói				
1954	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps, 23 cm cvd. up	Cái	35.3034		Cái/ Gói				
1955	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps X-fine, 23 cm cvd. up with rinsing port	Cái	35.3034X.RS		Cái/ Gói				
1956	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps, 23 cm cvd. right	Cái	35.3036		Cái/ Gói				
1957	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps X-fine, 23 cm cvd. right	Cái	35.3036X		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1958	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps X-fine, 23 cm cvd. right with rinsing port	Cái	35.3036X.RS		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Günsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Günsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1959	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 23 cm, delicate curved up on right 45°	Cái	35.3037		Cái/ Gói				
1960	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps, 23 cm cvd. left	Cái	35.3038		Cái/ Gói				
1961	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps X-fine, 23 cm cvd. left	Cái	35.3038X		Cái/ Gói				
1962	MICRO-Laryngo-Alligator Forceps X-fine, 23 cm cvd. left with rinsing port	Cái	35.3038X.RS		Cái/ Gói				
1963	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 23 cm, delicate curved up on left 45°	Cái	35.3039		Cái/ Gói				
1964	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 25 cm, curved up straight	Cái	35.3040		Cái/ Gói				
1965	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 25 cm, curved up on right 45° triangular jaws	Cái	35.3041		Cái/ Gói				
1966	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 25 cm st., triangular jaws	Cái	35.3042		Cái/ Gói				
1967	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 25 cm, curved up on left 45° triangular jaws	Cái	35.3043		Cái/ Gói				
1968	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 25 cm, curved right triangular jaws	Cái	35.3045		Cái/ Gói				
1969	MICRO-Laryngo Grasping Forceps 25 cm, curved left triangular jaws	Cái	35.3047		Cái/ Gói				
1970	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 2,5 mm, 23 cm straight	Cái	35.3050		Cái/ Gói				
1971	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 2,0 mm, 18 cm straight	Cái	35.3050.18		Cái/ Gói				
1972	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 2,5 m, 23 cm angled up	Cái	35.3052		Cái/ Gói				
1973	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 2,5 mm, 23 cm angled up horizontal	Cái	35.3054		Cái/ Gói				
1974	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 2,5 mm, 23 cm cvd. right	Cái	35.3056		Cái/ Gói				
1975	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 1 mm, X-fine 23 cm cvd. right	Cái	35.3056X		Cái/ Gói				
1976	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 2,5 mm, 23 cm cvd. left	Cái	35.3058		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1977	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. Ø 1 mm, X-fine23 cm cvd. left	Cái	35.3058X		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1978	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. oval 23cm,	Cái	35.3060		Cái/ Gói				
1979	MICRO-Laryngo-cup-shaped Fcps. cutting, 23 cm, fenestrated	Cái	35.3062		Cái/ Gói				
1980	Micro-Laryngeal Forceps 17 cm str., cvd. down tubular shaft Ø 3,0 - 2,0 mm	Cái	35.3070		Cái/ Gói				
1981	Micro-Laryngeal Forceps str. spoon-sh., 17 cm tubular shaft cvd, down	Cái	35.3071		Cái/ Gói				
1982	Micro-Laryngeal Forceps spoon-sh. up-cvd, 17 cm tubular shaft cvd down	Cái	35.3072		Cái/ Gói				
1983	Micro-Laryngeal Forceps spoon-sh., right-cutting 17 cm tubular shaft cvd	Cái	35.3073		Cái/ Gói				
1984	Micro-Laryngeal Forceps spoon-sh., left-cutting 17 cm tubular shaft cvd	Cái	35.3074		Cái/ Gói				
1985	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 1,	Cái	35.3101		Cái/ Gói				
1986	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 2,	Cái	35.3102		Cái/ Gói				
1987	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 3,	Cái	35.3103		Cái/ Gói				
1988	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 4,	Cái	35.3104		Cái/ Gói				
1989	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 5,	Cái	35.3105		Cái/ Gói				
1990	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 6,	Cái	35.3106		Cái/ Gói				
1991	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 7,	Cái	35.3107		Cái/ Gói				
1992	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 8,	Cái	35.3108		Cái/ Gói				
1993	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 9,	Cái	35.3109		Cái/ Gói				
1994	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 10,	Cái	35.3110		Cái/ Gói				
1995	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 30 cm # 11,	Cái	35.3111		Cái/ Gói				
1996	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 1,	Cái	35.3121		Cái/ Gói				
1997	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 2,	Cái	35.3122		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1998	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 3,	Cái	35.3123		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
1999	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 4,	Cái	35.3124		Cái/ Gói				
2000	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 5,	Cái	35.3125		Cái/ Gói				
2001	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 6,	Cái	35.3126		Cái/ Gói				
2002	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 7,	Cái	35.3127		Cái/ Gói				
2003	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 8,	Cái	35.3128		Cái/ Gói				
2004	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 9,	Cái	35.3129		Cái/ Gói				
2005	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 10,	Cái	35.3130		Cái/ Gói				
2006	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 35 cm # 11,	Cái	35.3131		Cái/ Gói				
2007	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 0,	Cái	35.3600		Cái/ Gói				
2008	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 1,	Cái	35.3601		Cái/ Gói				
2009	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 2,	Cái	35.3602		Cái/ Gói				
2010	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 3,	Cái	35.3603		Cái/ Gói				
2011	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 4,	Cái	35.3604		Cái/ Gói				
2012	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 6,	Cái	35.3606		Cái/ Gói				
2013	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 7,	Cái	35.3607		Cái/ Gói				
2014	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm # 8,	Cái	35.3608		Cái/ Gói				
2015	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 40 cm #10,	Cái	35.3610		Cái/ Gói				
2016	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 50 cm # 2,	Cái	35.3622		Cái/ Gói				
2017	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 50 cm # 3, alligator jaws	Cái	35.3623		Cái/ Gói				
2018	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 50 cm # 4,	Cái	35.3624		Cái/ Gói				
2019	Laryngo-Bronchoscopy Forceps 50 cm #11,	Cái	35.3631		Cái/ Gói				
2020	MASTIN Muscle Clamp 17 cm,	Cái	36.0300		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2021	LAHEY Tissue Grasping Fcps.15 cm 2x2,	Cái	36.0309		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2022	LAHEY Tissue Grasping Fcps.15 cm 3x3,	Cái	36.0310		Cái/ Gói				
2023	LAHEY Goitre Seizing Fcps.20cm,	Cái	36.0312		Cái/ Gói				
2024	ZENKER "DA" Clamp 330 mm slightly cvd., for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1690		Cái/ Gói				
2025	RUMEL "DA" Clamp 330 mm strong cvd., for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1691		Cái/ Gói				
2026	OVERHOLT "DA" Clamp 330 mm slightly cvd., for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1692		Cái/ Gói				
2027	ZENKER "DA" Clamp 370 mm slightly cvd., for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1694		Cái/ Gói				
2028	RUMEL "DA" Clamp 370 mm strong cvd., for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1695		Cái/ Gói				
2029	OVERHOLT "DA" Clamp 370 mm slightly cvd., for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1696		Cái/ Gói				
2030	DEBAKEY 2X3 "SLIDER" Clamp 360/93mm cvd., w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1697		Cái/ Gói				
2031	DEBAKEY 2X3 "SLIDER" Clamp 330/62mm cvd., w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1698		Cái/ Gói				
2032	DEBAKEY 2X3 "SLIDER" Clamp 290/82mm cvd., w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1699		Cái/ Gói				
2033	D'AMICO 1X2 "SLIDER" Clamp 380/115/3 mm, straight for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1787		Cái/ Gói				
2034	D'AMICO 1X2 "SLIDER" Clamp 375/110/3 mm, curved for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1788		Cái/ Gói				
2035	D'AMICO 1X2 "SLIDER" Clamp 370/105/3,8mm, curved for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1789		Cái/ Gói				
2036	DEBAKEY 1X2 "SLIDER" Clamp 360/93mm cvd., w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1792		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2037	DEBAKEY 1X2 "SLIDER" Clamp 330/62mm cvd., w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1793		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2038	DEBAKEY 1X2 "SLIDER" Clamp 290/82mm cvd., w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1794		Cái/ Gói				
2039	HARKEN 1X2 "SLIDER" Clamp 329 / 82 mm, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1795		Cái/ Gói				
2040	HARKEN 1X2 "SLIDER" Clamp 349 / 84 mm, w/o. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1796		Cái/ Gói				
2041	HARKEN 1X2 "SLIDER" Clamp 347 / 82 mm, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1797		Cái/ Gói				
2042	HARKEN 1X2 "SLIDER" Clamp 349 / 84 mm, w/o. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1798		Cái/ Gói				
2043	FOERSTER "SLIDER" Clamp 335/6mm str.serr, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1828		Cái/ Gói				
2044	FOERSTER "SLIDER" Clamp 335/6mm cvd.serr, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1829		Cái/ Gói				
2045	FOERSTER "SLIDER" Clamp 335/13mm cvd.ser, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1830		Cái/ Gói				
2046	Lunggrasping Fcps. "SLIDER" 335/11mm cvd, w/o ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1830.11		Cái/ Gói				
2047	DUVAL 1X2"SLIDER" Clamp 330/14mm cvd.se, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1831		Cái/ Gói				
2048	DUVAL 1X2"SLIDER" Clamp 330/20mm cvd.ser, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1832		Cái/ Gói				
2049	DEBAKEY "SLIDER" Clamp 330 mm 90°, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1833		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2050	DEBAKEY "SLIDER" Clamp 330 mm 90°, w/o ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1834		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2051	DENNIS "SLIDER" Clamp 330 mm, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1835		Cái/ Gói				
2052	GLASSMAN-ALLIS "SLIDER" Clamp 330 mm, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1836		Cái/ Gói				
2053	GONZALES-RIVAS "SLIDER" Clamp 330 mm, w/o ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1841		Cái/ Gói				
2054	FOERSTER "SLIDER" Clamp 343/20mm cvd.ser, w. ratchet for VATS / Thoracoscopy	Cái	39.1846.10		Cái/ Gói				
2055	BABCOCK "DA" Thoracic Clamp, straight 330 mm for VATS / MICS	Cái	39.4020		Cái/ Gói				
2056	BABCOCK "DA" Thoracic Clamp, angled 330 mm fpr VATS / MICS	Cái	39.4022		Cái/ Gói				
2057	BABCOCK "DA" Thoracic Clamp, straight 370 mm fpr VATS / MICS	Cái	39.4024		Cái/ Gói				
2058	BABCOCK "DA" Thoracic Clamp, angled 370 mm for VATS / MICS	Cái	39.4026		Cái/ Gói				
2059	HALLMANN "DA" Thoracic Clamp 345 mm cvd, serrated jaw Ø 13mm for VATS / MICS	Cái	39.4493		Cái/ Gói				
2060	HALLMANN "DA" Thoracic Clamp 400 mm cvd, serrated jaw Ø 13mm for VATS / MICS	Cái	39.4494		Cái/ Gói				
2061	HALLMANN-GREGORY "DA" Clamp 380 mm cvd, round ring tip jaw Ø 15mm for VATS/MICS	Cái	39.4975		Cái/ Gói				
2062	HALLMANN-GREGORY "DA" Clamp 480 mm cvd, round ring tip jaw Ø 15mm for VATS/MICS	Cái	39.4976		Cái/ Gói				
2063	SELLORS Rib Contractor 19 cm,	Cái	40.0600		Cái/ Gói				
2064	BAILEY Rib Contractor 20 cm, short claws	Cái	40.0610		Cái/ Gói				
2065	BAILEY-BABY Rib Contractor 16 cm,	Cái	40.0612		Cái/ Gói				
2066	BAILEY-GIBBON Rib Contractor 20 cm, long claws	Cái	40.0620		Cái/ Gói				
2067	LEMMON Rib Contractor 18 cm,	Cái	40.0630		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2068	HARRINGTON Bronchus Forceps 30,5 cm,	Cái	40.0701		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2069	HARRINGTON Bronchus Forceps 29,5 cm,	Cái	40.0702		Cái/ Gói				
2070	HARRINGTON Bronchus Forceps 36 cm,	Cái	40.0705		Cái/ Gói				
2071	SAROT Bronchus Clamp left # 2,	Cái	40.0713		Cái/ Gói				
2072	SAROT Bronchus Clamp right # 2,	Cái	40.0714		Cái/ Gói				
2073	FINOCHIETTO Bronchus Forceps 24 cm,	Cái	40.0720		Cái/ Gói				
2074	PRICE-THOMAS Bronchus Forceps 22 cm,	Cái	40.0730		Cái/ Gói				
2075	PRICE-THOMAS Bronch.Fcp.22cm#1, teeth left side	Cái	40.0731		Cái/ Gói				
2076	PRICE-THOMAS Bronch.Fcp.22cm#2, teeth right side	Cái	40.0732		Cái/ Gói				
2077	BRONCHUS Clamp 23 cm 60 mm,	Cái	40.0740		Cái/ Gói				
2078	BRONCHUS Clamp 23 cm 80 mm,	Cái	40.0742		Cái/ Gói				
2079	LOVELACE Lunggrasping Forceps 20 cm str,	Cái	40.0750		Cái/ Gói				
2080	LOVELACE Lunggrasp. Forceps 20 cm cvd,	Cái	40.0751		Cái/ Gói				
2081	SEMB Bronchus Clamp 24 cm # 1,	Cái	40.0761		Cái/ Gói				
2082	SEMB Bronchus Clamp 24 cm # 2,	Cái	40.0763		Cái/ Gói				
2083	CRAWFORD Suturing ring 25 cm,	Cái	40.0800		Cái/ Gói				
2084	COOLEY-DERRA Clamp 17 cm # 1,	Cái	40.0901		Cái/ Gói				
2085	COOLEY-DERRA Clamp 17 cm # 2,	Cái	40.0905		Cái/ Gói				
2086	COOLEY-DERRA Clamp 17 cm # 3,	Cái	40.0910		Cái/ Gói				
2087	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A2,	Cái	40.1922T		Cái/ Gói				
2088	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A3,	Cái	40.1923		Cái/ Gói				
2089	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A3,	Cái	40.1923T		Cái/ Gói				
2090	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A4,	Cái	40.1924		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2091	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A4,	Cái	40.1924T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2092	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A5,	Cái	40.1925		Cái/ Gói				
2093	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A5,	Cái	40.1925T		Cái/ Gói				
2094	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A6,	Cái	40.1926		Cái/ Gói				
2095	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A6,	Cái	40.1926T		Cái/ Gói				
2096	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A7,	Cái	40.1927		Cái/ Gói				
2097	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A7,	Cái	40.1927T		Cái/ Gói				
2098	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A8,	Cái	40.1928		Cái/ Gói				
2099	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A8,	Cái	40.1928T		Cái/ Gói				
2100	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A9,	Cái	40.1929		Cái/ Gói				
2101	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A9,	Cái	40.1929T		Cái/ Gói				
2102	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A10,	Cái	40.1930		Cái/ Gói				
2103	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A10,	Cái	40.1930T		Cái/ Gói				
2104	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A11,	Cái	40.1931		Cái/ Gói				
2105	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A11,	Cái	40.1931T		Cái/ Gói				
2106	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A12,	Cái	40.1932		Cái/ Gói				
2107	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A12,	Cái	40.1932T		Cái/ Gói				
2108	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A13,	Cái	40.1933		Cái/ Gói				
2109	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A13,	Cái	40.1933T		Cái/ Gói				
2110	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A14,	Cái	40.1934		Cái/ Gói				
2111	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A14,	Cái	40.1934T		Cái/ Gói				
2112	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A15,	Cái	40.1935		Cái/ Gói				
2113	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A15,	Cái	40.1935T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2114	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A16,	Cái	40.1936		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2115	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A16,	Cái	40.1936T		Cái/ Gói				
2116	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A17,	Cái	40.1937		Cái/ Gói				
2117	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A17,	Cái	40.1937T		Cái/ Gói				
2118	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A18,	Cái	40.1938		Cái/ Gói				
2119	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A18,	Cái	40.1938T		Cái/ Gói				
2120	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B1,	Cái	40.1941		Cái/ Gói				
2121	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B1,	Cái	40.1941T		Cái/ Gói				
2122	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B2,	Cái	40.1942		Cái/ Gói				
2123	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B2,	Cái	40.1942T		Cái/ Gói				
2124	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B3,	Cái	40.1943		Cái/ Gói				
2125	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B3,	Cái	40.1943T		Cái/ Gói				
2126	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B4,	Cái	40.1944		Cái/ Gói				
2127	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B4,	Cái	40.1944T		Cái/ Gói				
2128	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B5,	Cái	40.1945		Cái/ Gói				
2129	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B5,	Cái	40.1945T		Cái/ Gói				
2130	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B6,	Cái	40.1946		Cái/ Gói				
2131	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B6,	Cái	40.1946T		Cái/ Gói				
2132	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B7,	Cái	40.1947		Cái/ Gói				
2133	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B7,	Cái	40.1947T		Cái/ Gói				
2134	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B8,	Cái	40.1948		Cái/ Gói				
2135	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B8,	Cái	40.1948T		Cái/ Gói				
2136	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B9,	Cái	40.1949		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2137	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B9,	Cái	40.1949T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2138	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B10,	Cái	40.1950		Cái/ Gói				
2139	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B10,	Cái	40.1950T		Cái/ Gói				
2140	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B11,	Cái	40.1951		Cái/ Gói				
2141	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B11,	Cái	40.1951T		Cái/ Gói				
2142	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B12,	Cái	40.1952		Cái/ Gói				
2143	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B12,	Cái	40.1952T		Cái/ Gói				
2144	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B13,	Cái	40.1953		Cái/ Gói				
2145	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B13,	Cái	40.1953T		Cái/ Gói				
2146	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B14,	Cái	40.1954		Cái/ Gói				
2147	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B14,	Cái	40.1954T		Cái/ Gói				
2148	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B15,	Cái	40.1955		Cái/ Gói				
2149	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B15,	Cái	40.1955T		Cái/ Gói				
2150	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B16,	Cái	40.1956		Cái/ Gói				
2151	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B16,	Cái	40.1956T		Cái/ Gói				
2152	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B17,	Cái	40.1957		Cái/ Gói				
2153	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B17,	Cái	40.1957T		Cái/ Gói				
2154	ULTRAFINO Clamp 12,5cm B18,	Cái	40.1958		Cái/ Gói				
2155	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN B18,	Cái	40.1958T		Cái/ Gói				
2156	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C1,	Cái	40.1961		Cái/ Gói				
2157	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C1,	Cái	40.1961T		Cái/ Gói				
2158	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C2,	Cái	40.1962		Cái/ Gói				
2159	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C2,	Cái	40.1962T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2160	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C3,	Cái	40.1963		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2161	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C3,	Cái	40.1963T		Cái/ Gói				
2162	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C4,	Cái	40.1964		Cái/ Gói				
2163	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C4,	Cái	40.1964T		Cái/ Gói				
2164	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C5,	Cái	40.1965		Cái/ Gói				
2165	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C5,	Cái	40.1965T		Cái/ Gói				
2166	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C6,	Cái	40.1966		Cái/ Gói				
2167	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C6,	Cái	40.1966T		Cái/ Gói				
2168	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C7,	Cái	40.1967		Cái/ Gói				
2169	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C7,	Cái	40.1967T		Cái/ Gói				
2170	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C8,	Cái	40.1968		Cái/ Gói				
2171	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C8,	Cái	40.1968T		Cái/ Gói				
2172	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C9,	Cái	40.1969		Cái/ Gói				
2173	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C9,	Cái	40.1969T		Cái/ Gói				
2174	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C10,	Cái	40.1970		Cái/ Gói				
2175	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C10,	Cái	40.1970T		Cái/ Gói				
2176	ULTRAFINO Clamp 12,5cm 12,5cm C11,	Cái	40.1971		Cái/ Gói				
2177	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C11,	Cái	40.1971T		Cái/ Gói				
2178	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C12,	Cái	40.1972		Cái/ Gói				
2179	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C12,	Cái	40.1972T		Cái/ Gói				
2180	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C13,	Cái	40.1973		Cái/ Gói				
2181	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C13,	Cái	40.1973T		Cái/ Gói				
2182	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C14,	Cái	40.1974		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2183	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C14,	Cái	40.1974T		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2184	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C15,	Cái	40.1975		Cái/ Gói				
2185	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C15,	Cái	40.1975T		Cái/ Gói				
2186	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C16,	Cái	40.1976		Cái/ Gói				
2187	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C16,	Cái	40.1976T		Cái/ Gói				
2188	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C17,	Cái	40.1977		Cái/ Gói				
2189	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C17,	Cái	40.1977T		Cái/ Gói				
2190	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C18,	Cái	40.1978		Cái/ Gói				
2191	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C18,	Cái	40.1978T		Cái/ Gói				
2192	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D1,	Cái	40.1981		Cái/ Gói				
2193	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D1,	Cái	40.1981T		Cái/ Gói				
2194	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D2,	Cái	40.1982		Cái/ Gói				
2195	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D2,	Cái	40.1982T		Cái/ Gói				
2196	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D3,	Cái	40.1983		Cái/ Gói				
2197	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D3,	Cái	40.1983T		Cái/ Gói				
2198	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D4,	Cái	40.1984		Cái/ Gói				
2199	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D4,	Cái	40.1984T		Cái/ Gói				
2200	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D5,	Cái	40.1985		Cái/ Gói				
2201	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D5,	Cái	40.1985T		Cái/ Gói				
2202	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D6,	Cái	40.1986		Cái/ Gói				
2203	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D6,	Cái	40.1986T		Cái/ Gói				
2204	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D7,	Cái	40.1987		Cái/ Gói				
2205	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D7,	Cái	40.1987T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2206	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D8,	Cái	40.1988		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2207	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D8,	Cái	40.1988T		Cái/ Gói				
2208	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 1,	Cái	40.2001		Cái/ Gói				
2209	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 2,	Cái	40.2002		Cái/ Gói				
2210	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 3,	Cái	40.2003		Cái/ Gói				
2211	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 4,	Cái	40.2004		Cái/ Gói				
2212	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 5,	Cái	40.2005		Cái/ Gói				
2213	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 6,	Cái	40.2006		Cái/ Gói				
2214	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 7,	Cái	40.2007		Cái/ Gói				
2215	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 8,	Cái	40.2008		Cái/ Gói				
2216	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 9,	Cái	40.2009		Cái/ Gói				
2217	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 1,	Cái	40.2021		Cái/ Gói				
2218	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 2,	Cái	40.2022		Cái/ Gói				
2219	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 3,	Cái	40.2023		Cái/ Gói				
2220	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 4,	Cái	40.2024		Cái/ Gói				
2221	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 5,	Cái	40.2025		Cái/ Gói				
2222	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 6,	Cái	40.2026		Cái/ Gói				
2223	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 7,	Cái	40.2027		Cái/ Gói				
2224	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 8,	Cái	40.2028		Cái/ Gói				
2225	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 9,	Cái	40.2029		Cái/ Gói				
2226	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 1,	Cái	40.2041		Cái/ Gói				
2227	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 2,	Cái	40.2042		Cái/ Gói				
2228	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 3,	Cái	40.2043		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2229	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 4,	Cái	40.2044		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2230	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 5,	Cái	40.2045		Cái/ Gói				
2231	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 6,	Cái	40.2046		Cái/ Gói				
2232	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 7,	Cái	40.2047		Cái/ Gói				
2233	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 8,	Cái	40.2048		Cái/ Gói				
2234	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 9,	Cái	40.2049		Cái/ Gói				
2235	CASTANEDA Neonatal Clamp 13 cm str,	Cái	40.2130		Cái/ Gói				
2236	CASTANEDA Neonatal Clamp 13 cm 30°,	Cái	40.2133		Cái/ Gói				
2237	CASTANEDA Neonatal Clamp 12 cm 45°,	Cái	40.2135		Cái/ Gói				
2238	CASTANEDA Neonatal Clamp 11cm 75°,	Cái	40.2137		Cái/ Gói				
2239	CASTANEDA Neonatal Clamp 11cm 90°,	Cái	40.2139		Cái/ Gói				
2240	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm cvd,	Cái	40.2140		Cái/ Gói				
2241	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm cvd,	Cái	40.2141		Cái/ Gói				
2242	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm cvd,	Cái	40.2142		Cái/ Gói				
2243	CASTANEDA Neonatal Clamp 12 cm cvd,	Cái	40.2145		Cái/ Gói				
2244	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm Fig. K,	Cái	40.2146		Cái/ Gói				
2245	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm Fig. L,	Cái	40.2147		Cái/ Gói				
2246	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 1,	Cái	40.2150		Cái/ Gói				
2247	DEBAKEY Bulldog Clamp 10 cm 90°,	Cái	41.0136		Cái/ Gói				
2248	DEBAKEY Bulldog Clamp 12.5cm S-cvd,	Cái	41.0138		Cái/ Gói				
2249	DEBAKEY-SATINSKY Bulldog Clamp 55 mm,	Cái	41.0140		Cái/ Gói				
2250	DE BAKEY Bulldog Clamp 50 mm str.,	Cái	41.0141		Cái/ Gói				
2251	DE BAKEY Bulldog Clamp 49 mm cvd.,	Cái	41.0142		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2252	GLOVER Bulldog Clamp 52 mm articulated,	Cái	41.0143		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2253	DEBAKEY-SATINSKY Bulldog Clamp 65 mm,	Cái	41.0144		Cái/ Gói				
2254	DEBAKEY-SATINSKY Bulldog Clamp 100 mm,	Cái	41.0146		Cái/ Gói				
2255	DEBAKEY-CAROTID Bulldog Clamp 90 mm,	Cái	41.0147		Cái/ Gói				
2256	DEBAKEY-MOSQUITO Forceps 12 cm str,	Cái	41.0150		Cái/ Gói				
2257	DEBAKEY-MOSQUITO Forceps cvd.,	Cái	41.0151		Cái/ Gói				
2258	DEBAKEY-PEAN Forceps 14 cm str.,	Cái	41.0160		Cái/ Gói				
2259	DEBAKEY-PEAN Forceps 14 cm cvd.,	Cái	41.0161		Cái/ Gói				
2260	DEBAKEY-PEAN Forceps 16 cm str.,	Cái	41.0162		Cái/ Gói				
2261	DEBAKEY-PEAN Forceps 16 cm cvd.,	Cái	41.0163		Cái/ Gói				
2262	DEBAKEY-PEAN Forceps 18 cm str.,	Cái	41.0164		Cái/ Gói				
2263	DEBAKEY-PEAN Forceps 18 cm cvd.,	Cái	41.0165		Cái/ Gói				
2264	DEBAKEY-PEAN Forceps 20 cm str.,	Cái	41.0166		Cái/ Gói				
2265	DEBAKEY-PEAN Forceps 20 cm cvd.,	Cái	41.0167		Cái/ Gói				
2266	DEBAKEY Patent-Ductus Clamp 23 cm str.,	Cái	41.0200		Cái/ Gói				
2267	DEBAKEY Patent-Ductus Clamp 23 cm angled,	Cái	41.0203		Cái/ Gói				
2268	DEBAKEY Patent-Ductus Clamp 19.5 cm str.,	Cái	41.0210		Cái/ Gói				
2269	DEBAKEY Patent Ductus Clamp 19.5 cm ang.,	Cái	41.0213		Cái/ Gói				
2270	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 18 cm,	Cái	41.0235		Cái/ Gói				
2271	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 26,5cm,	Cái	41.0237		Cái/ Gói				
2272	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 20 cm,	Cái	41.0240		Cái/ Gói				
2273	DEBAKEY Aorta Exclusion Clamp 20 cm,	Cái	41.0245		Cái/ Gói				
2274	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 15,	Cái	41.0250		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2275	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 17cm str.,	Cái	41.0260		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2276	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 18,5 cm,	Cái	41.0262		Cái/ Gói				
2277	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 17 cm evd,	Cái	41.0265		Cái/ Gói				
2278	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 18,5 cm,	Cái	41.0267		Cái/ Gói				
2279	DEBAKEY Renal Artery Clamp 20 cm,	Cái	41.0270		Cái/ Gói				
2280	LELAND-JONES Periph. Vasc. Clamp 19,5cm,	Cái	41.0290		Cái/ Gói				
2281	LELAND-JONES Peripheral Vascular Clamp, 19 cm, 15°	Cái	41.0291		Cái/ Gói				
2282	LELAND-JONES Peripheral Vascular Clamp, 19,0 cm 30°	Cái	41.0292		Cái/ Gói				
2283	DEBAKEY-OCHSNER Aortic Clamp 23 cm,	Cái	41.0317		Cái/ Gói				
2284	DEBAKEY-DIETRICH Aortic Clamp 21 cm,	Cái	41.0319		Cái/ Gói				
2285	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 18,5 cm,	Cái	41.0340		Cái/ Gói				
2286	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 17 cm,	Cái	41.0341		Cái/ Gói				
2287	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 17,5 cm,	Cái	41.0342		Cái/ Gói				
2288	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 18,5 cm,	Cái	41.0343		Cái/ Gói				
2289	DEBAKEY-GREGORY Profunda Clamp 14 cm,	Cái	41.0345		Cái/ Gói				
2290	DEBAKEY-GREGORY Profunda Clamp 16 cm,	Cái	41.0346		Cái/ Gói				
2291	DEBAKEY-GREGORY Profunda Clamp 18 cm,	Cái	41.0347		Cái/ Gói				
2292	WYLIE Vascular Cl. 16cm shanks cur.down,	Cái	41.0350		Cái/ Gói				
2293	WYLIE Vascular Cl. 19cm shanks cur.down,	Cái	41.0352		Cái/ Gói				
2294	WYLIE Vascular Cl. 17cm shanks cur.up,	Cái	41.0355		Cái/ Gói				
2295	WYLIE Vascular Cl. 20cm shanks cur.up,	Cái	41.0357		Cái/ Gói				
2296	DEBAKEY-RUMEL Ligature Clamp 25 cm, shallow curve	Cái	41.0486		Cái/ Gói				
2297	DEBAKEY-RUMEL Ligature Clamp 24 cm, strong curve	Cái	41.0487		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2298	DEBAKEY-MC QUIGG-MIXTER Diss.Clamp 21 cm,	Cái	41.0496		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2299	DEBAKEY-MIXTER Dissecting Clamp 28,5 cm, strong curve	Cái	41.0497		Cái/ Gói				
2300	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 25,5 cm,	Cái	41.0600		Cái/ Gói				
2301	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 26,5 cm,	Cái	41.0602		Cái/ Gói				
2302	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 31 cm,	Cái	41.0605		Cái/ Gói				
2303	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 34 cm,	Cái	41.0607		Cái/ Gói				
2304	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 31,5 cm,	Cái	41.0610		Cái/ Gói				
2305	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 28 cm,	Cái	41.0620		Cái/ Gói				
2306	DEBAKEY-BAHNSON Aorta Clamp 24 cm,	Cái	41.0630		Cái/ Gói				
2307	DEBAKEY-BAHNSON Aorta Clamp 26 cm,	Cái	41.0631		Cái/ Gói				
2308	DEBAKEY-BAHNSON Aorta Clamp 26,5 cm,	Cái	41.0632		Cái/ Gói				
2309	DEBAKEY Aorta Clamp 26,5 cm,	Cái	41.0635		Cái/ Gói				
2310	DEBAKEY Ligature Carrier 26 cm,	Cái	41.0640		Cái/ Gói				
2311	WEBER Aorta Clamp cvd. left 26 cm,	Cái	41.0642		Cái/ Gói				
2312	WEBER Aorta Clamp cvd. right 26 cm,	Cái	41.0643		Cái/ Gói				
2313	DIETHRICH Aorta Clamp 21 cm,	Cái	41.0645		Cái/ Gói				
2314	SUBRAMANIAN Anastomosis Cl.15,5 cm,	Cái	41.0647		Cái/ Gói				
2315	CALNE Vena-Cava inferior Clamp 27 cm,	Cái	41.0649		Cái/ Gói				
2316	DEBAKEY Aorta Clamp 26 cm,	Cái	41.0650		Cái/ Gói				
2317	LEMOLE Aortic Clamp 4,1x1, 6 cm straight,	Cái	41.0651		Cái/ Gói				
2318	LEMOLE Aortic Clamp 4,1x1, 6 cm angled, 20,5 cm	Cái	41.0652		Cái/ Gói				
2319	LEMOLE Aortic Clamp 4,5x2,3 cm angled, 20,5 cm	Cái	41.0654		Cái/ Gói				
2320	WYLIE Aortic Clamp 23 cm,	Cái	41.0655		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2321	WYLIE Aortic Clamp 22 cm,	Cái	41.0656		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2322	LAMBERT-KAY Aorta Clamp 21 cm,	Cái	41.0657		Cái/ Gói				
2323	LAMBERT-KAY Aorta Clamp 21,	Cái	41.0658		Cái/ Gói				
2324	DEBAKEY-LAMBERTAorta Clamp 26 cm,	Cái	41.0659		Cái/ Gói				
2325	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 20 cm,	Cái	41.0660		Cái/ Gói				
2326	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 24 cm,	Cái	41.0662		Cái/ Gói				
2327	DEBAKEY Iliac Clamp 20 cm str.,	Cái	41.1690		Cái/ Gói				
2328	ALLIS-BABY Tissue Forceps 13 cm,	Cái	48.0004		Cái/ Gói				
2329	ALLIS-BABY Tissue Forceps 14 cm,	Cái	48.0006		Cái/ Gói				
2330	ALLIS Tissue Forceps 15 cm 3x4,	Cái	48.0009		Cái/ Gói				
2331	ALLIS Tissue Forceps 15 cm 4x5,	Cái	48.0010		Cái/ Gói				
2332	ALLIS Tissue Forceps 15 cm 5x6,	Cái	48.0011		Cái/ Gói				
2333	ALLIS Tissue Forceps 19 cm 5x6,	Cái	48.0014		Cái/ Gói				
2334	ALLIS Tissue Forceps 22,5 cm 5x6,	Cái	48.0015		Cái/ Gói				
2335	ALLIS Tissue Forceps 25 cm 5x6,	Cái	48.0016		Cái/ Gói				
2336	ALLIS Tissue Forceps 30 cm 5x6,	Cái	48.0017		Cái/ Gói				
2337	ALLIS Tissue Forceps 36 cm 5x6,	Cái	48.0019		Cái/ Gói				
2338	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 16 cm,	Cái	48.0020		Cái/ Gói				
2339	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 15,5 cm, slender pattern	Cái	48.0020 SELECT		Cái/ Gói				
2340	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 20 cm,	Cái	48.0024		Cái/ Gói				
2341	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 19 cm, slender pattern	Cái	48.0024 SELECT		Cái/ Gói				
2342	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 22 cm,	Cái	48.0026		Cái/ Gói				
2343	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 25 cm,	Cái	48.0028		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2344	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 25,5 cm, delicate	Cái	48.0028 SELECT		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2345	ALLIS Atraumatic Tissue Forceps 30 cm,	Cái	48.0029		Cái/ Gói				
2346	ALLIS-ADAIR Tissue Forceps 15,5 cm,	Cái	48.0030		Cái/ Gói				
2347	JUDD-ALLIS Tissue Forceps 15 cm 3x4,	Cái	48.0032		Cái/ Gói				
2348	JUDD-ALLIS Tissue Forceps 19 cm 3x4,	Cái	48.0034		Cái/ Gói				
2349	LITTLEWOOD Tissue Forceps 19 cm 2x3,	Cái	48.0035		Cái/ Gói				
2350	LITTLEWOOD-SELECT Tissue Forceps 19 cm, 2x3 delicate jaws	Cái	48.0035 SELECT		Cái/ Gói				
2351	BOYS-ALLIS Tissue Forceps 15 cm,	Cái	48.0036		Cái/ Gói				
2352	THOMS-ALLIS Tissue Forceps 20 cm 6x7, (STILLE)	Cái	48.0038		Cái/ Gói				
2353	LOCKWOOD Tissue Forceps 19,5 cm,	Cái	48.0040		Cái/ Gói				
2354	WILLIAMS Tissue Forceps 16,5 cm,	Cái	48.0045		Cái/ Gói				
2355	OMBREDANNE Tissue Forceps 13,5 cm,	Cái	48.0050		Cái/ Gói				
2356	BABCOCK Intestinal Fcps. 14 cm,	Cái	48.0061		Cái/ Gói				
2357	BABCOCK Tissue Forceps 16 cm,	Cái	48.0062		Cái/ Gói				
2358	BABCOCK Tissue Forceps 18 cm,	Cái	48.0064		Cái/ Gói				
2359	BABCOCK Tissue Forceps 20 cm,	Cái	48.0066		Cái/ Gói				
2360	BABCOCK Tissue Forceps 24 cm,	Cái	48.0068		Cái/ Gói				
2361	BABCOCK Tissue Forceps 30 cm,	Cái	48.0068.30		Cái/ Gói				
2362	BABCOCK Tissue Forceps 36 cm,	Cái	48.0069		Cái/ Gói				
2363	BABCOCK Tissue Forceps 16 cm PRODUR,	Cái	48.0072		Cái/ Gói				
2364	BABCOCK Tissue Forceps 18 cm PRODUR,	Cái	48.0074		Cái/ Gói				
2365	BABCOCK Tissue Forceps 20 cm PRODUR,	Cái	48.0076		Cái/ Gói				
2366	BABCOCK Tissue Forceps 24 cm PRODUR,	Cái	48.0078		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2367	BABCOCK-DEBAKEY Tissue Forceps 16 cm,	Cái	48.0082		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2368	BABCOCK-DEBAKEY Tissue Forceps 20 cm,	Cái	48.0086		Cái/ Gói				
2369	BABCOCK-DEBAKEY Tissue Forceps 23 cm,	Cái	48.0088		Cái/ Gói				
2370	BABCOCK-DEBAKEY Tissue Forceps 28 cm,	Cái	48.0088.28		Cái/ Gói				
2371	COLLIN Intestinal Forceps 14 cm,	Cái	48.0089		Cái/ Gói				
2372	DUVAL Intestinal Forceps 18 cm/14 mm,	Cái	48.0090		Cái/ Gói				
2373	DUVAL Intestinal Forceps 20 cm/14 mm,	Cái	48.0092		Cái/ Gói				
2374	DUVAL Intestinal Forceps 20 cm/25 mm,	Cái	48.0094		Cái/ Gói				
2375	DUVAL Intestinal Forceps 20 cm / 20 mm, NON-TRAUMATIC	Cái	48.0094AT		Cái/ Gói				
2376	DUVAL Intestinal Forceps 23 cm/25 mm,	Cái	48.0098		Cái/ Gói				
2377	DUVAL Intestinal Forceps 23 cm / 25 mm, NON-TRAUMATIC	Cái	48.0098AT		Cái/ Gói				
2378	DUVAL Intestinal Forceps 20cm/15mm, PROMEDUR	Cái	48.0099		Cái/ Gói				
2379	KOCHER-BABY Intestinal Forceps 13 cm str,	Cái	48.0100		Cái/ Gói				
2380	KOCHER-BABY Intestinal Forceps 13 cm cvd,	Cái	48.0101		Cái/ Gói				
2381	DOYEN Intestinal Forceps 18 cm str.,	Cái	48.0102		Cái/ Gói				
2382	DOYEN Intestinal Forceps 18 cm cvd.,	Cái	48.0103		Cái/ Gói				
2383	DOYEN Intestinal Forceps 21 cm str.,	Cái	48.0104		Cái/ Gói				
2384	DOYEN Intestinal Forceps 21 cm cvd.,	Cái	48.0105		Cái/ Gói				
2385	DOYEN Intestinal Forceps 23 cm str.,	Cái	48.0106		Cái/ Gói				
2386	DOYEN Intestinal Forceps 23 cm cvd.,	Cái	48.0107		Cái/ Gói				
2387	KOCHER Intestinal Forceps 22 cm str.,	Cái	48.0110		Cái/ Gói				
2388	KOCHER Intestinal Forceps 22 cm cvd.,	Cái	48.0111		Cái/ Gói				
2389	KOCHER Intestinal Forceps 25 cm str.,	Cái	48.0112		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2390	KOCHER Intestinal Forceps 25 cm cvd.,	Cái	48.0113		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2391	KOCHER Intestinal Forceps 28 cm str.,	Cái	48.0114		Cái/ Gói				
2392	KOCHER Intestinal Forceps 28 cm cvd.,	Cái	48.0115		Cái/ Gói				
2393	MAYO-ROBSON Intestinal Forceps 25 cm str,	Cái	48.0118		Cái/ Gói				
2394	MAYO-ROBSON Intestinal Forceps 25 cm cvd,	Cái	48.0119		Cái/ Gói				
2395	SCUDDER Intestinal Forceps 33 cm str,	Cái	48.0120		Cái/ Gói				
2396	SCUDDER Intestinal Forceps 33 cm cvd,	Cái	48.0121		Cái/ Gói				
2397	NUSSBAUM Intestinal Forceps 25 cm str,	Cái	48.0122		Cái/ Gói				
2398	NUSSBAUM Intestinal Forceps 25 cm cvd,	Cái	48.0123		Cái/ Gói				
2399	DEBAKEY-BRUNNER Intestinal Forceps 24 c,	Cái	48.0124		Cái/ Gói				
2400	BRUNNER Intestinal Forceps 23 cm,	Cái	48.0125		Cái/ Gói				
2401	FEHLAND Intestinal Forceps 24 cm,	Cái	48.0126		Cái/ Gói				
2402	DEBAKEY "AT"Stomach- & Intest. Fcps. 20,	Cái	48.0136		Cái/ Gói				
2403	DEBAKEY "AT"Stomach- & Intest. Fcps. 26,	Cái	48.0137		Cái/ Gói				
2404	LANE Stomach Clamp 30 cm str.,	Cái	48.0140		Cái/ Gói				
2405	LANE Stomach Clamp 30 cm cvd.,	Cái	48.0141		Cái/ Gói				
2406	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 13 cm str,	Cái	48.0150		Cái/ Gói				
2407	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 13 cm cvd,	Cái	48.0151		Cái/ Gói				
2408	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 16 cm str,	Cái	48.0152		Cái/ Gói				
2409	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 16 cm cvd,	Cái	48.0153		Cái/ Gói				
2410	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 18 cm str,	Cái	48.0154		Cái/ Gói				
2411	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 18 cm cvd,	Cái	48.0155		Cái/ Gói				
2412	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 21 cm str,	Cái	48.0156		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2413	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 21 cm cvd,	Cái	48.0157		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2414	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 23 cm str,	Cái	48.0158		Cái/ Gói				
2415	DOYEN-DEBAKEY Intestinal Clamp 23 cm cvd,	Cái	48.0159		Cái/ Gói				
2416	KOCHER-DEBAKEY Intestinal Clamp 22 cm st,	Cái	48.0160		Cái/ Gói				
2417	KOCHER-DEBAKEY Intestinal Clamp 22 cm cv,	Cái	48.0161		Cái/ Gói				
2418	KOCHER-DEBAKEY Intestinal Clamp 25 cm st,	Cái	48.0162		Cái/ Gói				
2419	KOCHER-DEBAKEY Intestinal Clamp 25 cm cv,	Cái	48.0163		Cái/ Gói				
2420	KOCHER-DEBAKEY Intestinal Clamp 28 cm st,	Cái	48.0164		Cái/ Gói				
2421	KOCHER-DEBAKEY Intestinal Clamp 28 cm cv,	Cái	48.0165		Cái/ Gói				
2422	HAYES-DEBAKEY Intestinal Clamp 26cm/55mm,	Cái	48.0170		Cái/ Gói				
2423	HAYES-DEBAKEY Intestinal Clamp 28cm/85mm,	Cái	48.0172		Cái/ Gói				
2424	FEHLAND-DEBAKEY Intest.Clamp 24cm, 90°,	Cái	48.0180		Cái/ Gói				
2425	GLASSMAN-COOLEY Intestinal Clamp 23cm60°,	Cái	48.0181		Cái/ Gói				
2426	GLASSMAN-COOLEY Intestinal Clamp 23cm90°,	Cái	48.0183		Cái/ Gói				
2427	KERSTING Intestinal Clamp 31 cm,	Cái	48.0184		Cái/ Gói				
2428	RESANO Intestinal Clamp 30 cm,	Cái	48.0186		Cái/ Gói				
2429	SCUDDER-DEBAKEY Intestinal Clamp 33 cm s,	Cái	48.0190		Cái/ Gói				
2430	SCUDDER-DEBAKEY Intest.Fcps. 33 cm cvd,	Cái	48.0191		Cái/ Gói				
2431	MARINUS Intestinal Clamp 25 cm 0°,	Cái	48.0200		Cái/ Gói				
2432	MARINUS Intestinal Clamp 25 cm 15°,	Cái	48.0201		Cái/ Gói				
2433	MARINUS Intestinal Clamp 28 cm 0°,	Cái	48.0204		Cái/ Gói				
2434	MARINUS Intestinal Clamp 28 cm 15°,	Cái	48.0205		Cái/ Gói				
2435	MARINUS Intestinal Clamp 28 cm 30°,	Cái	48.0207		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2436	LANG-STEVENSON Intestinal Clamp 20 cm,	Cái	48.0210		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2437	COOLEY "AT" Intest.Clamp 24 cm str.,	Cái	48.0212		Cái/ Gói				
2438	COOLEY "AT" Intest.Clamp 24 cm ang.,	Cái	48.0213		Cái/ Gói				
2439	COOLEY "AT" Intest.Clamp 24 cm 90°,50mm, GLASSMAN	Cái	48.0220		Cái/ Gói				
2440	COOLEY "AT" Intest.Clamp 24 cm 90°,60mm,	Cái	48.0222		Cái/ Gói				
2441	COOLEY "AT" Intest.Clamp 24 cm 90°,75mm,	Cái	48.0224		Cái/ Gói				
2442	BUIE Angiotribe 21 cm,	Cái	48.0300		Cái/ Gói				
2443	FERGUSSON Angiotribe 20 cm str.,	Cái	48.0312		Cái/ Gói				
2444	FERGUSSON Angiotribe 20 cm cvd.,	Cái	48.0313		Cái/ Gói				
2445	LLOYD-DAVIS Sigmoid Anastom. Fcps. 31,5,	Cái	48.0350		Cái/ Gói				
2446	PAYR-BABY Crushing Clamp 18 cm, with pin	Cái	48.0510		Cái/ Gói				
2447	PAYR Crushing Clamp 20 cm, with pin	Cái	48.0511		Cái/ Gói				
2448	PAYR Crushing Clamp 28 cm, with pin	Cái	48.0512		Cái/ Gói				
2449	PAYR Crushing Clamp 35 cm, with pin	Cái	48.0513		Cái/ Gói				
2450	DEMARTEL-WOLFSON Anast.Clamps 5 cm/ 3,	Cái	48.0530		Cái/ Gói				
2451	DEMARTEL-WOLFSON Anast.Clamps 7,5 cm/3,	Cái	48.0532		Cái/ Gói				
2452	DEMARTEL-WOLFSON Anast.Clamps 10cm/3,	Cái	48.0534		Cái/ Gói				
2453	DEMARTEL-WOLFSON Clampholder 8,5 cm,	Cái	48.0536		Cái/ Gói				
2454	DEMARTEL-WOLFSON Clampholder 23 cm,	Cái	48.0537		Cái/ Gói				
2455	DEMARTEL-WOLFSON Applying Forceps 26 cm,	Cái	48.0538		Cái/ Gói				
2456	PURSE-STRING Suture Forceps 28 cm,	Cái	48.0650		Cái/ Gói				
2457	KLEINSCHMIDT Appendectomy Clamp 12,5 cm, & Spur Crusher	Cái	48.0710		Cái/ Gói				
2458	COTTON Carrier for Rectoscopes 28cm 3-pr,	Cái	48.1601		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2459	COTTON Carrier for Rectoscopes 38cm 2-pr,	Cái	48.1602		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2460	COTTON Carrier for Rectoscopes 38cm 3-pr,	Cái	48.1603		Cái/ Gói				
2461	McGIVNEY Seizing Forceps 19 cm, flat tip	Cái	48.1702		Cái/ Gói				
2462	McGIVNEY Seizing Forceps 19 cm, SHORT JAW	Cái	48.1704		Cái/ Gói				
2463	McGIVNEY Seizing Forceps 17,5cm, SHORT JAW	Cái	48.1706		Cái/ Gói				
2464	LAUFE Haemorrhoidal Seizing Forceps, 20 cm curved	Cái	48.1707		Cái/ Gói				
2465	BARRON Haemmorh. Seizing Fcps. 25 cm,	Cái	48.1900		Cái/ Gói				
2466	YEOMAN Biopsy Forceps 28 cm # 1,	Cái	48.2001		Cái/ Gói				
2467	YEOMAN Biopsy Forceps 28 cm # 2,	Cái	48.2002		Cái/ Gói				
2468	YEOMAN Biopsy Forceps 28 cm # 3,	Cái	48.2003		Cái/ Gói				
2469	YEOMAN Biopsy Forceps 28 cm # 4,	Cái	48.2004		Cái/ Gói				
2470	YEOMAN Biopsy Forceps 35 cm # 1,	Cái	48.2011		Cái/ Gói				
2471	YEOMAN Biopsy Forceps 35 cm # 2,	Cái	48.2012		Cái/ Gói				
2472	YEOMAN Biopsy Forceps 35 cm # 3,	Cái	48.2013		Cái/ Gói				
2473	YEOMAN Biopsy Forceps 35 cm # 4,	Cái	48.2014		Cái/ Gói				
2474	YEOMAN Biopsy Forceps 42 cm # 1,	Cái	48.2015		Cái/ Gói				
2475	YEOMAN Biopsy Forceps 42 cm # 2,	Cái	48.2016		Cái/ Gói				
2476	YEOMAN Biopsy Forceps 42 cm # 3,	Cái	48.2017		Cái/ Gói				
2477	YEOMAN Biopsy Forceps 42 cm # 4,	Cái	48.2018		Cái/ Gói				
2478	YEOMAN Biopsy Forceps 23 cm str. 360°,	Cái	48.2020		Cái/ Gói				
2479	YEOMAN Biopsy Forceps 33 cm str. 360°,	Cái	48.2022		Cái/ Gói				
2480	YEOMAN Biopsy Forceps 40 cm str. 360°,	Cái	48.2024		Cái/ Gói				
2481	HEYWOOD-SMITH Haemorrhoidal Fcps. 20 cm,	Cái	48.2200		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2482	HEYWOOD-SMITH Haemorrhoidal Fcps. 21 cm,	Cái	48.2202		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2483	HEYWOOD-SMITH Haemorrhoidal Fcps. 25 cm,	Cái	48.2204		Cái/ Gói				
2484	BLAKE Gall Stone Forceps 20 cm str,	Cái	50.0300		Cái/ Gói				
2485	BLAKE Gall Stone Forceps 20 cm cvd,	Cái	50.0301		Cái/ Gói				
2486	DESJARDINS Gall Stone Forceps # 1,	Cái	50.0311		Cái/ Gói				
2487	DESJARDINS Gall Stone Forceps # 2,	Cái	50.0313		Cái/ Gói				
2488	DESJARDINS Gall Stone Forceps delicate, 24 cm	Cái	50.0315		Cái/ Gói				
2489	DESJARDINS Gall Stone Forceps delicate, 22,5 cm	Cái	50.0317		Cái/ Gói				
2490	MAYO-BLAKE Gall Stone Forceps 20 cm,	Cái	50.0320		Cái/ Gói				
2491	MAYO-BLAKE Gall Stone Forceps 20 cm,	Cái	50.0321		Cái/ Gói				
2492	MIXTER Gall Stone Forceps 22 cm,	Cái	50.0325		Cái/ Gói				
2493	DOYEN Polypus Forceps 20 cm,	Cái	50.0330		Cái/ Gói				
2494	RANDALL Kidney Stone Forceps 23cm # 1,	Cái	50.0340		Cái/ Gói				
2495	RANDALL Kidney Stone Forceps 21cm # 2,	Cái	50.0342		Cái/ Gói				
2496	RANDALL Kidney Stone Forceps 19cm # 3,	Cái	50.0344		Cái/ Gói				
2497	RANDALL Kidney Stone Forceps 18cm # 4,	Cái	50.0346		Cái/ Gói				
2498	RANDALL Kidney Stone Forceps Set of 1-4,	Cái	50.0347		Cái/ Gói				
2499	RANDALL Kidney Stone Forceps 19cm # 5,	Cái	50.0348		Cái/ Gói				
2500	RANDALL Kidney Stone Forceps 19cm # 6,	Cái	50.0350		Cái/ Gói				
2501	Ureter Forceps AT # 1 23,5 cm,	Cái	50.0401		Cái/ Gói				
2502	Ureter Forceps AT # 2 24 cm,	Cái	50.0402		Cái/ Gói				
2503	PITTSBURG Liver-Transplant Clamp 25 cm, 55 x 42 mm	Cái	50.3100		Cái/ Gói				
2504	PITTSBURG Liver-Transplant Clamp 26 cm, 60 x 52 mm	Cái	50.3102		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2505	PITTSBURG Liver-Transplant Clamp 27 cm, 60 x 62 mm	Cái	50.3104		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2506	PITTSBURG Liver-Transplant Clamp 27 cm, 70 x 72 mm	Cái	50.3106		Cái/ Gói				
2507	KLINTMALM Liver-Transplant Clamp 18 cm, 65 mm single row atrauma jaws	Cái	50.3110		Cái/ Gói				
2508	KLINTMALM Liver-Transplant Clamp 21 cm, 80 mm single row atrauma jaws	Cái	50.3112		Cái/ Gói				
2509	KLINTMALM Liver-Transplant Clamp 25 cm, 95 mm single row atrauma jaws	Cái	50.3114		Cái/ Gói				
2510	YOUNG Prostatectomy Forceps 20 cm,	Cái	51.0004		Cái/ Gói				
2511	MacDougal Prostatectomy Forceps 26,5 cm, ANGLED LEFT	Cái	51.0005		Cái/ Gói				
2512	MacDougal Prostatectomy Forceps 30,5 cm, ANGLED RIGHT	Cái	51.0007		Cái/ Gói				
2513	MILLIN "AT" Capsule Forceps 23 cm,	Cái	51.0009		Cái/ Gói				
2514	MILLIN Capsule Forceps 23 cm,	Cái	51.0010		Cái/ Gói				
2515	MILLIN Prost.Lobeholding Forceps 23 cm,	Cái	51.0011		Cái/ Gói				
2516	MILLIN Ligature Holding Forceps 24 cm,	Cái	51.0015		Cái/ Gói				
2517	SPERMATIC Cord Fixation Clamp 14,5 cm,	Cái	51.0040		Cái/ Gói				
2518	LURZ Ureter Clamp 21 cm # 1,	Cái	51.0041		Cái/ Gói				
2519	LURZ Ureter Clamp 21 cm # 2,	Cái	51.0042		Cái/ Gói				
2520	VASECTOMY Clamp 14 cm Ø 3,0 mm,	Cái	51.0043		Cái/ Gói				
2521	VASECTOMY Clamp 14 cm Ø 3,0 mm, EXTRA DELICATE	Cái	51.0043X		Cái/ Gói				
2522	VASECTOMY Clamp 14 cm Ø 4,7 mm,	Cái	51.0044		Cái/ Gói				
2523	VASECTOMY Clamp 12,5 cm cvd. sharp,	Cái	51.0045		Cái/ Gói				
2524	VASECTOMY Clamp 12,5 cm cvd. sharp, EXTRA DELICATE	Cái	51.0045X SELECT		Cái/ Gói				
2525	STOCKMANN Meatus Clamp 8 cm,	Cái	51.0600		Cái/ Gói				
2526	STRAUSS Meatus Clamp 11 cm,	Cái	51.0610		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2527	MOGEN Circumcision Instrument 7,5 cm,	Cái	51.0720		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2528	MATHIEU Foreign Body Forceps 20 cm,	Cái	51.0800		Cái/ Gói				
2529	MATHIEU Foreign Body Forceps 28 cm,	Cái	51.0802		Cái/ Gói				
2530	BARRET Tenaculum Forceps 18 cm,	Cái	55.0930		Cái/ Gói				
2531	STAUDE-MOORE Tenaculum Forceps 17 cm,	Cái	55.0932		Cái/ Gói				
2532	BRAUN Tenaculum Forceps 16 cm,	Cái	55.0933		Cái/ Gói				
2533	BRAUN Tenaculum Forceps 25 cm,	Cái	55.0934		Cái/ Gói				
2534	CZERNY Tumor Forceps 21 cm,	Cái	55.0936		Cái/ Gói				
2535	ADAIR Tenaculum Forceps 16 cm,	Cái	55.0937		Cái/ Gói				
2536	ADAIR Tenaculum Forceps 19 cm,	Cái	55.0938		Cái/ Gói				
2537	SCHROEDER Tenaculum Forceps 25 m,	Cái	55.0940		Cái/ Gói				
2538	POZZI Tenaculum Forceps 25cm smooth,	Cái	55.0942		Cái/ Gói				
2539	POZZI-PALMER Tenaculum Forceps 25cm sh, very delicate	Cái	55.0943		Cái/ Gói				
2540	POZZI Tenaculum Forceps 25cm sharp,	Cái	55.0944		Cái/ Gói				
2541	JARCHO Tenaculum Forceps 20 cm S-curved,	Cái	55.0945		Cái/ Gói				
2542	DUPLAY Tenaculum Forceps 28 cm,	Cái	55.0947		Cái/ Gói				
2543	HULKA Tenaculum Forceps 29 cm,	Cái	55.0948		Cái/ Gói				
2544	HULKA-KENWICK Tenaculum Forceps 29 cm,	Cái	55.0949		Cái/ Gói				
2545	SKENE Tenaculum Forceps 24 cm,	Cái	55.0951		Cái/ Gói				
2546	TIEMANN Bullet Forceps 22 cm,	Cái	55.0956		Cái/ Gói				
2547	SCHROEDER Vulsellum Forceps 24 cm 2x2 st,	Cái	55.0962		Cái/ Gói				
2548	SCHROEDER Vulsellum Forceps 2x2 cvd.,	Cái	55.0963		Cái/ Gói				
2549	HENROTIN Vulsellum Forceps 21 cm 2x3,	Cái	55.0965		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2550	PRATT Tumor Forceps 26,5 cm,	Cái	55.0966		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2551	PRATT (Billroth) Tumor Forceps 28 cm,	Cái	55.0968		Cái/ Gói				
2552	JACOBS Vulsellum Forceps 21cm str,	Cái	55.0970		Cái/ Gói				
2553	JACOBS Vulsellum Forceps 21cm cvd,	Cái	55.0971		Cái/ Gói				
2554	TEALE Vulsellum Forceps 18cm 3x4,	Cái	55.0973		Cái/ Gói				
2555	TEALE Vulsellum Forceps 23cm 3x4,	Cái	55.0975		Cái/ Gói				
2556	KÜSTNER Vulsellum Forceps 25 cm 2x3,	Cái	55.0977		Cái/ Gói				
2557	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 6 mm str,	Cái	55.0980		Cái/ Gói				
2558	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 6 mm cvd,	Cái	55.0981		Cái/ Gói				
2559	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 8 mm str,	Cái	55.0982		Cái/ Gói				
2560	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 8 mm cvd,	Cái	55.0983		Cái/ Gói				
2561	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 10 mm st,	Cái	55.0984		Cái/ Gói				
2562	IUD Manipulator Forceps Ø 3 mm, rigid	Cái	55.0990		Cái/ Gói				
2563	IUD Manipulator & Sponge Forceps, flexible 22 cm, Ø 3 mm	Cái	55.0991		Cái/ Gói				
2564	IUD Manipulator & Sponge Forceps, flexible 28 cm, Ø 3 mm	Cái	55.0992		Cái/ Gói				
2565	SOMER Uterine Elevating Forceps 23 cm,	Cái	55.1500		Cái/ Gói				
2566	COLLIN Uterine Elevating Forceps 25 cm, (Shirodkar)	Cái	55.1510		Cái/ Gói				
2567	COLLIN Uterine Elevating Forceps 25 cm, curved	Cái	55.1511		Cái/ Gói				
2568	DARTIGUES Uterine Elevating Forceps 27 c,	Cái	55.1520		Cái/ Gói				
2569	DOUAY Biopsy Forceps 20 cm,	Cái	55.1700		Cái/ Gói				
2570	DOUAY Biopsy Forceps 25 cm,	Cái	55.1701		Cái/ Gói				
2571	DOUAY Biopsy Forceps 30 cm,	Cái	55.1702		Cái/ Gói				
2572	DOUAY Biopsy Forceps 40 cm,	Cái	55.1704		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2573	THOMS-GAYLOR Biopsy Forceps 24 cm,	Cái	55.1802		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2574	VAN DOREN Biopsy Forceps 25 cm,	Cái	55.1803		Cái/ Gói				
2575	SCHUMACHER-VAN DOREN Biopsy Forceps, 5 mm	Cái	55.1805		Cái/ Gói				
2576	SCHUBERT Biopsy Forceps 21 cm str,	Cái	55.1820		Cái/ Gói				
2577	SCHUBERT Biopsy Forceps 28 cm str,	Cái	55.1822		Cái/ Gói				
2578	SCHUBERT Biopsy Forceps 26 cm cvd,	Cái	55.1825		Cái/ Gói				
2579	FAURE Biopsy Forceps 21 cm,	Cái	55.1835		Cái/ Gói				
2580	ALEXANDER Biopsy Forceps 20 cm,	Cái	55.1840		Cái/ Gói				
2581	TISCHLER Biopsy Forceps 21 cm,Ø 3x7 mm,	Cái	55.1850		Cái/ Gói				
2582	TISCHLER Biopsy Forceps Ø 3x7 mm, SPECIAL: Shaftlength 25 cm	Cái	55.1850-25		Cái/ Gói				
2583	TISCHLER Biopsy Fcps. 27 cm,	Cái	55.1851		Cái/ Gói				
2584	TISCHLER (Baggish) Biopsy Forceps 21cm, 3,5x6,5mm	Cái	55.1852		Cái/ Gói				
2585	TISCHLER-MINI Biopsy Forceps 4x2,3 mm,	Cái	55.1854		Cái/ Gói				
2586	TISCHLER-MINI Biopsy Forceps 4x2,3 mm, shaft length 25cms	Cái	55.1854-25		Cái/ Gói				
2587	TISCHLER-BURKE Biopsy Forceps 3x5,5 mm,	Cái	55.1856		Cái/ Gói				
2588	TISCHLER-KEVORKIAN Biopsy Forceps,	Cái	55.1858		Cái/ Gói				
2589	KEVORKIAN-PACIFIC Biopsy Forceps, 21 cm, 3x9 mm	Cái	55.1859		Cái/ Gói				
2590	TOWNSEND-TISCHLER Biopsy Forceps, 360° rotating straight	Cái	55.1860		Cái/ Gói				
2591	TOWNSEND-TISCHLER Biopsy Forceps, 360° cvd. up	Cái	55.1861		Cái/ Gói				
2592	TOWNSEND-TISCHLER Biopsy Forceps, 360° cvd. down	Cái	55.1863		Cái/ Gói				
2593	TOWNSEND-MINI Biopsy Forceps, 360° straight 2,3 x 4 mm	Cái	55.1866		Cái/ Gói				
2594	TOWNSEND-MINI Biopsy Forceps, 360° cvd. up 2,3 x 4 mm	Cái	55.1867		Cái/ Gói				
2595	TOWNSEND-MINI Biopsy Forceps, 360° cvd. down 2,3 x 4 mm	Cái	55.1869		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2596	TOWNSEND-BURKE Biopsy Forceps, 360° 3 x 4 mm	Cái	55.1870		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2597	TOWNSEND-KERVORKIAN Biopsy Forceps, 360° 3 x 9 mm	Cái	55.1872		Cái/ Gói				
2598	TOWNSEND-KRAUSE Biopsy Forceps, 360° 3 x 5 mm	Cái	55.1874		Cái/ Gói				
2599	TOWNSEND-TISCHLER Tip straight,	Cái	55.1880		Cái/ Gói				
2600	TOWNSEND-TISCHLER Tip cvd. up,	Cái	55.1881		Cái/ Gói				
2601	TOWNSEND-TISCHLER Tip cvd.down,	Cái	55.1883		Cái/ Gói				
2602	TOWNSEND-MINI Tip straight,	Cái	55.1886		Cái/ Gói				
2603	TOWNSEND-MINI Tip cvd. up,	Cái	55.1887		Cái/ Gói				
2604	TOWNSEND-MINI Tip cvd. down,	Cái	55.1889		Cái/ Gói				
2605	TOWNSEND-BURKE Tip 3 x 5 mm,	Cái	55.1890		Cái/ Gói				
2606	TOWNSEND-KERVORKIAN Fcps. Tip,	Cái	55.1892		Cái/ Gói				
2607	TOWNSEND-KRAUSE Fcps. Tip,	Cái	55.1894		Cái/ Gói				
2608	Ring-Handle only,	Cái	55.1898		Cái/ Gói				
2609	TOWNSEND Handle only,	Cái	55.1899		Cái/ Gói				
2610	EPPENDORF Biopsy Forceps 20 cm,	Cái	55.1900		Cái/ Gói				
2611	WITTNER Biopsy Forceps 20cm str. 4,5x8mm,	Cái	55.1910		Cái/ Gói				
2612	WITTNER Biopsy Forceps 20cm cvd. 4,5x8mm,	Cái	55.1915		Cái/ Gói				
2613	SCHUMACHER Biopsy Forceps 23 cm #1,	Cái	55.1920		Cái/ Gói				
2614	SCHUMACHER Biopsy Forceps 23cm 6x9 mm,	Cái	55.1922		Cái/ Gói				
2615	KEVORKIAN Biopsy Forceps 26 cm,	Cái	55.1962		Cái/ Gói				
2616	BERGER Biopsy Forceps 21 cm, Ø 3mm,	Cái	55.1973		Cái/ Gói				
2617	BERGER Biopsy Forceps 21 cm, Ø 5mm,	Cái	55.1975		Cái/ Gói				
2618	MIcro Uterine Biopsy Punch str., 18cm, Ø 2,7 mm; 1,2 x 3,5 mm	Cái	55.1980		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2619	NAEGELE (DELEE) Obstetrical Forceps 36cm,	Cái	56.0200		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2620	NAEGELE (DELEE) Obstetrical Forceps 40cm,	Cái	56.0202		Cái/ Gói				
2621	KIELLAND Obstetrical Fcps. 41cm,	Cái	56.0210		Cái/ Gói				
2622	De LEE Obstetrical Forceps 30cm,	Cái	56.0220		Cái/ Gói				
2623	SIMPSON-BRAUN Obstetrical Forceps 36 cm,	Cái	56.0222		Cái/ Gói				
2624	SIMPSON Obstetrical Forceps 23 cm,	Cái	56.0224		Cái/ Gói				
2625	WRIGLEY Obstetrical Forceps 28 cm,	Cái	56.0226		Cái/ Gói				
2626	PIPER Obstetrical Forceps 44 cm,	Cái	56.0230		Cái/ Gói				
2627	BOERMA Obstetrical Forceps 28 cm,	Cái	56.0240		Cái/ Gói				
2628	ELLIOT Obstetrical Forceps 32 cm,	Cái	56.0250		Cái/ Gói				
2629	ELLIOT Obstetrical Forceps 38 cm,	Cái	56.0252		Cái/ Gói				
2630	LUIKART Obstetrical Forceps 40 cm,	Cái	56.0260		Cái/ Gói				
2631	KIELLAND-LUIKART Obstetrical Forceps 40c,	Cái	56.0262		Cái/ Gói				
2632	SIMPSON-LUIKART Obst. Forceps 36 cm,	Cái	56.0265		Cái/ Gói				
2633	McLEAN-LUIKART Obstetrical Forceps 39cm,	Cái	56.0270		Cái/ Gói				
2634	McLEAN-LUIKART Obstetrical Forceps 39cm,	Cái	56.0272		Cái/ Gói				
2635	McLEAN-TUCKER Obstetrical Forceps 36cm,	Cái	56.0274		Cái/ Gói				
2636	BARTON Obstetrical Forceps 36 cm,	Cái	56.0280		Cái/ Gói				
2637	DEWEY Axis Traction Fcps. 37 cm,	Cái	56.0290		Cái/ Gói				
2638	TARNIER Obstetrical Fcps. 40 cm,	Cái	56.0300		Cái/ Gói				
2639	PIPER Axis Traction Fcps.40 cm,	Cái	56.0310		Cái/ Gói				
2640	BARNES-NEVILLE Obst.Fcps. 41 cm,	Cái	56.0320		Cái/ Gói				
2641	BILL Traction Handle,	Cái	56.0350		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2642	GREEN-ARMYTAGE Uterine Hemost. Fcps.21cm,	Cái	56.0800		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttligen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2643	GREEN-ARMYTAGE Uterine Hemost. Fcps.20cm, angled	Cái	56.0801		Cái/ Gói				
2644	GAUSS Scalp Flap Forceps 26 cm,	Cái	56.0805		Cái/ Gói				
2645	HEYWOOD-SMITH Uterine Polypus Forceps 21,	Cái	56.0880		Cái/ Gói				
2646	HEYWOOD-SMITH Uterine Polypus Forceps 25,	Cái	56.0882		Cái/ Gói				
2647	DOYEN Uterine Polypus Forceps 20 cm,	Cái	56.0890		Cái/ Gói				
2648	NOTO Uterine Polypus Forceps 27 cm, sim. Remington	Cái	56.0896		Cái/ Gói				
2649	BUMM Uterine Polypus and Ovum Fcps. 28cm,	Cái	56.0898		Cái/ Gói				
2650	KELLY Ovum Forceps 32 cm,	Cái	56.0900		Cái/ Gói				
2651	SAENGER Ovum Forceps 27 cm str.,	Cái	56.0910		Cái/ Gói				
2652	SAENGER Ovum Forceps 27 cm cvd.,	Cái	56.0911		Cái/ Gói				
2653	WINTER Ovum Forceps 29 cm str. # 1,	Cái	56.1000		Cái/ Gói				
2654	WINTER Ovum Forceps 29 cm cvd. # 1,	Cái	56.1001		Cái/ Gói				
2655	WINTER Ovum Forceps 29 cm str. # 2,	Cái	56.1002		Cái/ Gói				
2656	WINTER Ovum Forceps 29 cm cvd. # 2,	Cái	56.1003		Cái/ Gói				
2657	WINTER Ovum Forceps 29 cm str. # 3,	Cái	56.1004		Cái/ Gói				
2658	WINTER Ovum Forceps 29 cm cvd. # 3,	Cái	56.1005		Cái/ Gói				
2659	RADOLF Nail-Extracting Feps 14,	Cái	58.0320		Cái/ Gói				
2660	Nail Nipper 14 cm STAINLESS,	Cái	58.0501		Cái/ Gói				
2661	ANVIL Nail Splitter 14 cm,	Cái	58.0517		Cái/ Gói				
2662	TURNBULL Nail Nipper 11,5 cm,	Cái	58.0520		Cái/ Gói				
2663	TURNBULL Nail Nipper 13,5 cm,	Cái	58.0522		Cái/ Gói				
2664	Nail Nipper 14 cm,	Cái	58.0530		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2665	Nail Nipper 15 cm doubleaction,	Cái	58.0540		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2666	SPRING for 58.0540 Nailpliers,	Cái	58.0549		Cái/ Gói				
2667	Nail Nipper 13 cm,	Cái	58.0550		Cái/ Gói				
2668	LITTAUER Nail Splitting Fcps. 11 cm,	Cái	58.0551		Cái/ Gói				
2669	LITTAUER Nail Splitting Fcps. 13 cm,	Cái	58.0553		Cái/ Gói				
2670	LITTAUER Nail Splitting Fcps. 15 cm,	Cái	58.0555		Cái/ Gói				
2671	LEMPERT Cuticle Nipper 11 cm str., one serrated edge	Cái	58.0631		Cái/ Gói				
2672	COHEN Cuticle Nipper 10 cm,	Cái	58.0637		Cái/ Gói				
2673	ILIC Cuticle Nipper 14 cm,	Cái	58.0638		Cái/ Gói				
2674	Fixation Clamp for Drapes 50x20x12mm,	Cái	80.8150		Cái/ Gói				
2675	Fixation Clamp for Drapes 65x20x20mm,	Cái	80.8151		Cái/ Gói				
2676	Fixation Clamp for Drapes Ø 7 - 12 mm,	Cái	80.8160		Cái/ Gói				
2677	Fixation Clamp for Drapes Ø 12 - 16 mm,	Cái	80.8161		Cái/ Gói				
2678	Fixation Clamp for Drapes Ø 16 - 26 mm,	Cái	80.8162		Cái/ Gói				
2679	Fixation Clamp for Drapes Ø 26 - 36 mm,	Cái	80.8163		Cái/ Gói				
2680	Fixation Clamp for Drapes Ø 36 - 45 mm,	Cái	80.8164		Cái/ Gói				
2681	MAGILL Forceps 17 cm ECONOLINE,	Cái	E11.0304		Cái/ Gói				
2682	ADSON Dressing Fcps. 12 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0040		Cái/ Gói				
2683	Dressing Fcps. 13 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0122		Cái/ Gói				
2684	Dressing Fcps. 16 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0125		Cái/ Gói				
2685	ADSON-MICRO Tissue Fcps. 12 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0530		Cái/ Gói				
2686	ADSON Tissue Fcps. 12 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0540		Cái/ Gói				
2687	Tissue Fcps. 13 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0622		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2688	Tissue Fcps. 14,5 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0623		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2689	Tissue Fcps. 16 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0625		Cái/ Gói				
2690	ECONOLINE Tissue Fcps. 25 cm,	Cái	E14.0629		Cái/ Gói				
2691	ECONOLINE Tissue Fcps. 30 cm,	Cái	E14.0630		Cái/ Gói				
2692	ADSON-BROWN Tissue Forceps 12cm 7 x 7, ECONOLINE	Cái	E14.0907		Cái/ Gói				
2693	RUSSIAN Fcps. 15 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0930		Cái/ Gói				
2694	RUSSIAN Fcps. 20 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0932		Cái/ Gói				
2695	RUSSIAN Fcps. 25 cm ECONOLINE,	Cái	E14.0934		Cái/ Gói				
2696	TURN-OVER Dressing Forceps 13 cm,	Cái	E14.1802		Cái/ Gói				
2697	TURN-OVER Dressing Forceps 15 cm,	Cái	E14.1805		Cái/ Gói				
2698	TURN-OVER Dressing Forceps 18 cm,	Cái	E14.1807		Cái/ Gói				
2699	HALSTED-MOSQUITO Fcp. 12,5cm str, ECONOLINE	Cái	E15.0120		Cái/ Gói				
2700	HALSTED-MOSQUITO Fcp. 12,5cm cvd, ECONOLINE	Cái	E15.0121		Cái/ Gói				
2701	KELLY Fcps. 14 cm str ECONOLINE,	Cái	E15.0200		Cái/ Gói				
2702	CRILE Fcps. 14 cm str ECONOLINE,	Cái	E15.0210		Cái/ Gói				
2703	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 14 cm str, ECONOLINE	Cái	E15.0460		Cái/ Gói				
2704	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 14 cm cvd, ECONOLINE	Cái	E15.0461		Cái/ Gói				
2705	ROCHESTER.-PEAN Fcp.16 cm str, ECONOLINE	Cái	E15.0462		Cái/ Gói				
2706	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 16 cm cvd, ECONOLINE	Cái	E15.0463		Cái/ Gói				
2707	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 18cm str, ECONOLINE	Cái	E15.0464		Cái/ Gói				
2708	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 18 cm cvd, ECONOLINE	Cái	E15.0465		Cái/ Gói				
2709	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 20 cm str, ECONOLINE	Cái	E15.0466		Cái/ Gói				
2710	ROCHESTER.-PEAN Fcp. 20 cm cvd, ECONOLINE	Cái	E15.0467		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
2711	ECONOL.KOCHER-OCHSN.Fcp16cmcvd,	Cái	E15.0621		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen, Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2712	ECONOL.KOCHER-OCHSN.Fcp20str,	Cái	E15.0624		Cái/ Gói				
2713	ECONOLINE BACKHAUS Tow.Fcp.9cm,	Cái	E16.0100		Cái/ Gói				
2714	ECONOLINE BACKHAUS Tow.Fcp13cm,	Cái	E16.0105		Cái/ Gói				
2715	ECONOLINE LORNA (Edna) Towel Fcps. 10 cm,	Cái	E16.0120		Cái/ Gói				
2716	ECONOLINE LORNA (Edna) Towel Fcps. 13 cm,	Cái	E16.0125		Cái/ Gói				
2717	BALL & SOCKET Towel Fcps. 11 cm, ECONOLINE	Cái	E16.0132		Cái/ Gói				
2718	TOHOKU Towel Forceps 10 cm, ECONOLINE	Cái	E16.0140		Cái/ Gói				
2719	ECONOLINE USA-MODEL Tubing Clamp 15m,	Cái	E16.0220		Cái/ Gói				
2720	ECONOLINE USA-MODEL Tubing Clamp 18m,	Cái	E16.0222		Cái/ Gói				
2721	ECONOL.FOERSTER P.Fcp.24cm str,	Cái	E16.0416		Cái/ Gói				
2722	ECONOL.FOERSTER P.Fcp.cvd.24cm,	Cái	E16.0417		Cái/ Gói				
2723	EconoLine-MICRO Ear Fcps.8 cm, 6x0,8mm, serr.	Cái	E32.0802		Cái/ Gói				
2724	ALLIS Intest. Fcps. 15 cm 4x5, ECONOLINE	Cái	E48.0010		Cái/ Gói				
2725	ALLIS Intest. Fcps. 15 cm 5x6, ECONOLINE	Cái	E48.0011		Cái/ Gói				
2726	ALLIS Intest. Fcps. 19 cm 5x6, ECONOLINE	Cái	E48.0014		Cái/ Gói				
2727	ECONOL.BABCOCK Intestinal Fcps. 16 cm,	Cái	E48.0062		Cái/ Gói				
2728	ECONOL.BABCOCK Intestinal Fcps. 20 cm,	Cái	E48.0066		Cái/ Gói				
2729	Dressing Fcps.16 cm,	Cái	EE14.0125		Cái/ Gói				
2730	KANE Umbilical Cord Clamp 8,5 cm	Cái	56.0700		Cái/ Gói				
2731	COLLIN Umbilical Cord Clamp 9 cm	Cái	56.0702		Cái/ Gói				